

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

**Sinh viên: Lê Ngọc Hình**

**Người hướng dẫn: Th.s Bùi Thị Hải Yến**

**Hải Phòng – 2009**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**“Nghiên cứu hoạt động du lịch cộng đồng tại  
Hoa Lư - Ninh Bình”**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Ngành: Văn hóa du lịch**

**Sinh viên: Lê Ngọc Hình**

**Người hướng dẫn: Th.s Bùi Thị Hải Yến**

**Hải Phòng – 2009**



## ***Lời cảm ơn***

Thực hiện khóa luận tốt nghiệp vừa là một nhiệm vụ, vừa là một niềm vinh dự lớn đối với sinh viên, nó đánh dấu 4 năm học của bản thân.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài em đã nhận được sự hướng dẫn trực tiếp, tận tâm, thiết thực và bổ ích của cô Bùi Thị Hải Yến cùng sự giúp đỡ của các cơ quan, phòng ban trực thuộc Sở du lịch Ninh Bình, sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy cô, bạn bè, người thân. Qua đây, em xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới cô Bùi Thị Hải Yến, cùng các thầy cô, bạn bè, các cán bộ ở Sở du lịch Ninh Bình, phòng Văn hóa huyện Hoa Lư và gia đình đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để em có thể hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình !

Sinh viên

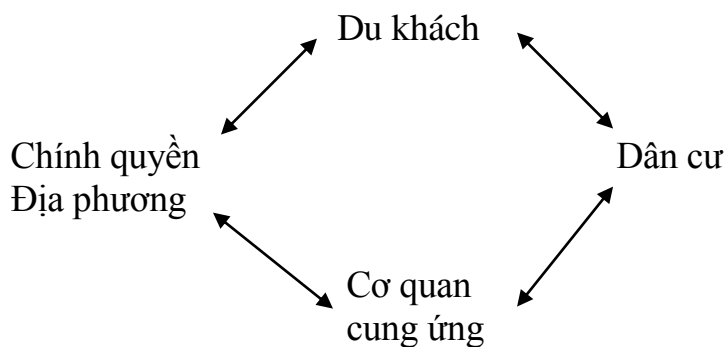
**Lê Ngọc Hình**

## **Mở đầu**

### **1. Lý do chọn đề tài**

- Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, du lịch đã được ghi nhận như một sở thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa - xã hội của các nước. Về mặt kinh tế, du lịch đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng và mũi nhọn của nhiều nước công nghiệp phát triển. Hiện nay, ngành “công nghiệp” du lịch chỉ đứng sau công nghiệp dầu khí và ô tô. Đối với các nước đang phát triển, du lịch được coi là cứu cánh để vực dậy nền kinh tế của quốc gia.

- Mặt khác, du lịch là ngành tổng hợp, có mối quan hệ với nhiều lĩnh vực, nhiều ngành kinh tế - xã hội, trong đó có mối quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời với cộng đồng địa phương (những người dân – chủ nhân của những vùng đất có tài nguyên mà ngành du lịch đang khai thác và sử dụng). Đặc biệt là những nơi có loại hình du lịch sinh thái và văn hóa phát triển, sự thành công hay thất bại trong quá trình hoạt động du lịch khai thác tài nguyên, phụ thuộc rất nhiều vào việc phối hợp, điều hòa lợi ích, chia sẻ nghĩa vụ, quyền lợi giữa các bên tham gia.



Do đó, du lịch đã đem lại rất nhiều lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp cho cộng đồng địa phương như: tạo việc làm, tăng thu nhập, giúp xây dựng và tu bổ cơ sở

hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt hơn, đem đến sự hiểu biết, giao lưu văn hóa, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế của vùng, của đất nước... Điều đó mang ý nghĩa nhân văn rất lớn, thể hiện đường lối chiến lược, chính sách phát triển kinh tế xã hội đúng đắn, phù hợp của mỗi nước, của mỗi quốc gia.

- Đối với Ninh Bình, du lịch mà tiêu biểu du lịch cộng đồng là một trong những giải pháp, phương hướng để phát triển kinh tế của tỉnh, đặc biệt là đối với huyện Hoa Lư.

Hoa Lư – Ninh Bình là một vùng đất rất giàu tiềm năng du lịch, cả về tài nguyên thiên nhiên lẫn tài nguyên nhân văn. Các tài nguyên đó hầu hết đều quy tụ gần các trục đường giao thông, đi lại thuận tiện và không cách xa thủ đô Hà Nội về mặt địa lý.

- Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong các hoạt động du lịch “theo đúng nghĩa” (cùng tham gia quản lý, cùng chịu trách nhiệm, cùng chia sẻ quyền lợi...) ở Hoa Lư mới bước đầu phát triển và vẫn còn ở mức thấp, người dân chỉ chủ yếu tham gia vào một số khâu không quan trọng, lợi ích kinh tế không thường xuyên và bấp bênh. Các hình thức tham gia hầu như mang tính chất tự phát, xuất phát từ quy luật cung – cầu của kinh tế thị trường (người dân thấy có lợi, có thu nhập thì họ làm) trong khi đó đất canh tác để làm nông nghiệp thì ngày càng bị thu hẹp để sử dụng cho mục đích du lịch. Do đó, vấn đề việc làm của người dân lại trở nên bức thiết hơn.

Sự bất cập trong quản lý, sự điều hòa lợi ích giữa các bên tham gia chưa tốt dẫn đến chất lượng cuộc sống của người dân chưa thực sự được đảm bảo.

Vấn đề đặt ra đối với du lịch Hoa Lư là cần giúp người dân địa phương tham gia hoạt động du lịch, cùng vì lợi ích, mục đích chung. Phát triển du lịch cộng đồng giúp người dân nâng cao chất lượng cuộc sống, nâng cao nhận thức về du lịch, về ý nghĩa bảo vệ tài nguyên môi trường, ý nghĩa của việc tạo ra môi trường nhân văn hấp dẫn du khách.

- Từ trước tới nay đã có rất nhiều sách báo, tài liệu, các tác giả viết – nói về Hoa Lư (Lê Văn, Nguyễn Thế Giang: *Kinh đô Hoa Lư*; Lã Đăng Bất: *Về với vịnh Hạ Long cạn*; *Cố đô Hoa Lư...*) nhưng chủ yếu là ca ngợi về cảnh đẹp của thiên nhiên, tìm hiểu về văn hóa, lịch sử... phục vụ mục đích quảng bá du lịch mà ít ai tìm hiểu về người dân địa phương - chủ nhân của những tài nguyên đó làm du lịch như thế nào, tác động của du lịch tới đời sống của họ ra sao... Chính vì thế, tác giả đã quyết định chọn đề tài: “*Nghiên cứu hoạt động du lịch cộng đồng tại Hoa Lư - Ninh Bình*” với mong muốn bằng những kiến thức đã học và tình yêu quê hương, sẽ góp một phần nhỏ bé của mình cho sự phát triển du lịch nói riêng và sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung của quê nhà.

## **2. Phạm vi, đối tượng của đề tài:**

### **a. Phạm vi**

- Không gian nghiên cứu: Đề tài khóa luận chủ yếu tập trung nghiên cứu trên địa bàn 2 xã Ninh Hải và Trường Yên – là nơi có 2 điểm du lịch mang tính quốc gia, quốc tế: Tam Cốc - Bích Động và cố đô Hoa Lư – Ninh Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Số liệu nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2008.

### **b. Đối tượng nghiên cứu:**

- Điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội và tài nguyên du lịch (tự nhiên và nhân văn) để phát triển du lịch cộng đồng của khu du lịch Hoa Lư – Ninh Bình.

- Cộng đồng địa phương chủ yếu ở địa bàn 2 xã Ninh Hải - Trường Yên và một số xã lân cận tham gia vào hoạt động du lịch.

## **3. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài**

### **a. Mục đích:**

- Nâng cao nhận thức của bản thân cả về mặt lí luận cũng như thực tiễn về Du lịch cộng đồng và tài nguyên du lịch tại Hoa Lư. Mặt khác, “Dân ta phải biết sử ta”, là một người con của quê hương, bản thân em rất muốn tìm hiểu sâu, đúng

những giá trị của địa phương mình. Muốn vậy, cần phải tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề một cách nghiêm túc, toàn diện.

- Qua việc tìm hiểu, nghiên cứu sẽ cung cấp nguồn tư liệu nhỏ cho những ai quan tâm tới nội dung của đề tài.

- Góp phần đưa ra giải pháp phát triển du lịch ở Hoa Lư – Ninh Bình (có thể chỉ là tham khảo, hoặc ứng dụng).

⇒ Hiểu quê hương để yêu quê hương hơn.

### **b. Nhiệm vụ:**

- Tổng quan về cơ sở lí luận, tìm hiểu những nghiên cứu để áp dụng vào thực tiễn sự phát triển du lịch cộng đồng tại Hoa Lư - Ninh Bình.

- Nghiên cứu những nguồn lực để phát triển du lịch cộng đồng tại đây.

- Đánh giá khả năng phát triển du lịch cộng đồng ở Hoa Lư - Ninh Bình và đưa ra một số giải pháp nhằm thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch, khôi phục, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, phát triển du lịch một cách bền vững.

## **4. Quan điểm, phương pháp nghiên cứu**

### **a. Quan điểm**

- ***Quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử:***

Nghiên cứu tất cả thực trạng các nguồn lực phát triển du lịch cũng như lí luận trong sự vận động phát triển của chính ngành du lịch, các ngành kinh tế - xã hội cũng như các ngành khoa học du lịch và các ngành khoa học nói chung trong mối quan hệ biện chứng và theo các quy luật khách quan.

- ***Phát triển du lịch bền vững***

Nghiên cứu phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng cần đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai, đảm bảo được các mục tiêu, nguyên tắc phát triển bền vững.

Vận dụng cơ sở lí luận phát triển du lịch bền vững trong quá trình nghiên cứu đề tài



- ***Lãnh thổ tổng hợp + chuyên môn hóa***

Mỗi lãnh thổ du lịch thường có nhiều nguồn lực để phát triển du lịch. Nhưng đồng thời mỗi địa phương, hoặc mỗi hệ thống lãnh thổ du lịch cũng có những nguồn lực phong phú, đặc sắc là thế mạnh để phát triển du lịch riêng. Vì vậy cần phải nghiên cứu để có được các dự án, giải pháp, chiến lược, vừa phát huy được những thế mạnh tổng hợp các nguồn lực để tạo ra nhiều sản phẩm du lịch, nhưng đồng thời cũng cần ưu tiên đầu tư, phát triển những loại hình du lịch mang tính chuyên biệt, mũi nhọn của mỗi hệ thống lãnh thổ du lịch cũng như mỗi địa phương để tạo ra sức cạnh tranh.

- ***Quan điểm kế thừa:***

Du lịch là một ngành tổng hợp có quan hệ với nhiều ngành khác như: kinh tế – xã hội, địa lý, môi trường, kinh tế... Vì vậy, trong quá trình phát triển du lịch, để tiết kiệm thời gian, công sức và tài chính, cần kế thừa các công trình nghiên cứu, các dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch, các dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã có và các công trình khoa học liên quan.

**b. Phương pháp nghiên cứu**

- ***Phương pháp khảo sát thực địa và thu thập tài liệu:***

Để hoàn thành khóa luận này, sinh viên đã thực hiện các cuộc khảo sát, thu thập tài liệu, đi theo tour từ Tam Cốc – Bích Động đến cố đô Hoa Lư; khảo sát tại làng nghề của xã Ninh Hải và Ninh Vân.

- ***Phương pháp điều tra Xã hội học***

Trong quá trình nghiên cứu, sinh viên đã sử dụng các phương pháp điều tra qua:

+ Phỏng vấn trực tiếp các cơ quan có thẩm quyền, các công ty du lịch, UBND xã cùng một số hộ dân.

+ Phỏng vấn bằng bảng hỏi

- ***Phương pháp thống kê, lập bảng, xử lý tổng hợp các thông tin, số liệu:***

Tìm các thông tin, số liệu tại các cơ sở như Sở du lịch, Sở văn hóa, công ty du

lich, UBND huyện, xã... sau đó tiến hành chọn lọc, sắp xếp thứ tự, sử dụng các thông tin cần thiết có liên quan đến đề tài.

**- Phương pháp bản đồ, ảnh minh họa:**

Thể hiện một cách trực quan những đặc điểm và sự phân bố không gian theo lãnh thổ của tài nguyên được nghiên cứu, xác định được tour, tuyến.

**5. Kết cấu đề tài:**

Gồm có 3 chương chính:

**Chương 1: Cơ sở lý luận về du lịch cộng đồng.**

**Chương 2: Nguồn lực và thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng tại Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư.**

**Chương 3: Giải pháp và kiến nghị phát triển du lịch cộng đồng tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư.**

## Chương 1

### Cơ sở lý luận về du lịch cộng đồng

#### 1.1 Cộng đồng địa phương:

##### 1.1.1 Cộng đồng

Cộng đồng là một khái niệm về tổ chức xã hội đã được nhiều nhà nghiên cứu đưa ra khái niệm với nhiều ngữ nghĩa khác nhau:

- Theo từ điển Tiếng Việt, cộng đồng có nghĩa là “cùng đều nhau, đồng đều”.

- Theo Keith và Any (1998): “Cộng đồng trước hết là một nhóm người, thường sinh sống trên một khu vực địa lý, tự xác định mình thuộc về một nhóm. Những người trong cùng một cộng đồng thường có quan hệ huyết thống hay hôn nhân, và có thể thuộc cùng một tôn giáo, tầng lớp chính trị”.

- Theo J. H Fichter: Cộng đồng là một tập thể người nhất định trên một lãnh thổ kinh tế, văn hóa bao gồm 4 yếu tố:

+ Tương quan cá nhân mật thiết với những người khác, tương quan này đôi khi được gọi là tương quan đối mặt, tương quan thân mật.

+ Có sự liên hệ về tình cảm và cảm xúc.

+ Có sự tự nguyện hy sinh đối với những giá trị được tập thể coi là cao cả và có ý nghĩa.

+ Có ý thức với mọi thành viên trong tập thể.

- Theo Schmink (1999), cộng đồng được hiểu là “tập thể các nhóm người có chung địa bàn cư trú và có quyền sử dụng các tài nguyên ở địa phương”.

##### 1.1.2 Cộng đồng địa phương:

- Theo Nguyễn Hữu Nhân: Cộng đồng địa phương là những cộng đồng được gọi tên như đơn vị làng, bản, xã, huyện... những người chung về lí tưởng xã hội, lứa tuổi, giới tính, thân phận xã hội. Khái niệm cộng đồng có 2 nghĩa:

+ Là một nhóm dân cư cùng sinh sống trong một địa cực nhất định, có cùng giá trị và tổ chức xã hội cơ bản.

+ Là một nhóm dân cư có cùng mối quan tâm.

⇒ Như vậy, Cộng đồng địa phương được hiểu là một nhóm dân cư cùng sinh sống trên một lãnh thổ nhất định qua nhiều thế hệ và có những đặc điểm chung về sinh hoạt văn hóa truyền thống, sử dụng các nguồn tài nguyên và môi trường, cùng các mối quan tâm kinh tế xã hội, có sự gắn kết về huyết thống và tình cảm có sự chia sẻ về nguồn lợi và trách nhiệm trong cộng đồng.

- Cộng đồng địa phương tại các khu du lịch là đối tượng nghiên cứu và tham gia hoạt động du lịch và bảo tồn có những đặc điểm:

+ Cộng đồng địa phương là những nhóm người định cư trên cùng lãnh thổ nhất định. Mỗi vùng lãnh thổ nhất định sẽ có những điều kiện tài nguyên môi trường tự nhiên khác nhau, là yếu tố quan trọng để hình thành, nuôi dưỡng và phát triển những giá trị văn hóa và kinh tế... Vì vậy, mỗi cộng đồng thường có những giá trị văn hóa và hoạt động kinh tế khác nhau.

+ Có quan hệ gắn kết về tình cảm, mang tính huyết thống, thân thiện, giúp đỡ, chia sẻ.

+ Có quyền lợi và trách nhiệm, có đặc điểm chung về sở hữu và sử dụng, bảo vệ tài nguyên môi trường.

+ Tính cộng đồng bền vững được khẳng định qua thời gian, chính thời gian là yếu tố gắn kết các thành viên cộng đồng để cùng nhau tạo ra các giá trị văn hóa đặc sắc cho cộng đồng.

+ Những đặc điểm chung về hoạt động văn hóa truyền thống, có những giá trị được tập thể coi là khuôn mẫu văn hóa sinh hoạt cộng đồng.

+ Mỗi cộng đồng có những tổ chức quy ước xã hội, “phép vua thua lệ làng”.

### ***1.2 Mối quan hệ giữa cộng đồng địa phương với hoạt động du lịch***

- Điểm du lịch là cấp thấp nhất trong hệ thống phân vị về mặt lãnh thổ, là nơi tập trung tài nguyên du lịch hay cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch hoặc kết hợp cả hai ở quy mô nhỏ. Tài nguyên, môi trường du lịch cùng công trình kỹ thuật, bộ máy tổ chức quản lý - cán bộ nhân viên, các khách du lịch có mối quan

hệ chặt chẽ, qua lại và mối quan hệ với môi trường kinh tế - xã hội nuôi dưỡng nó.

- Theo khoản 6, điều 1 – Luật du lịch Ấn Độ đã xác định điểm du lịch như sau: Trước hết đó là vị trí có tài nguyên du lịch và có sức hấp dẫn, sức hút đối với con người. Tất cả những điều này đều thuộc chính phủ xác định và quản lý. Việc xây dựng các điểm này phục vụ cho du lịch phải được đảm bảo 4 yêu cầu: Thứ nhất, có khả năng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội tại địa phương; thứ hai, đảm bảo giữ gìn được những giá trị văn hóa, tín ngưỡng và phong tục tập quán đang tồn tại ở địa phương; thứ ba, bảo vệ được môi trường sinh thái; thứ tư, đảm bảo sự phát triển du lịch lâu dài.

❖ ***Về mặt không gian:***

Những hoạt động kinh tế xã hội của dân cư có trước và tồn tại phát triển đồng thời với hoạt động du lịch. Không gian du lịch và không gian kinh tế - văn hóa - xã hội của cộng đồng địa phương không tách biệt mà có mối quan hệ tác động qua lại. Nếu biết vận dụng, khai thác, quản lý tốt, hợp lý sẽ là những nguồn lực quan trọng có tác động tích cực không chỉ giúp phát triển du lịch mà còn là động lực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo, bằng cách tổ chức cho cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch. Hơn nữa, du lịch cũng như nhiều ngành kinh tế khác có sự thay đổi theo thời gian, luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế, môi trường sinh thái, văn hóa, xã hội.

Từ nửa cuối thế kỷ 19, các nhà quy hoạch du lịch khuyến nghị nên quy hoạch phát triển các điểm du lịch như là phần kéo dài của điểm dân cư có trước. Bởi các cộng đồng địa phương vừa là nguồn lực vừa là xung lực cho các hoạt động du lịch phát triển có hiệu quả.

❖ ***Về mặt tài nguyên:***

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hóa của vùng du lịch. Quy mô hoạt động du lịch của

điểm, khu, vùng... được xác định trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên du lịch, quyết định tính mùa vụ, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Nguồn tài nguyên mà ngành du lịch sử dụng vốn thuộc quyền sở hữu của người dân bản địa và giữa hai đối tượng này có mối quan hệ gắn bó được thiết lập lâu đời. Người dân đã sử dụng tài nguyên như một công cụ sinh nhai và kiếm sống của mình qua cách quản lý cục bộ và họ biết cách làm thế nào để bảo vệ, kiểm soát việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên để tránh đi những tình trạng tàn phá tài nguyên. Do đó, một trong những nguyên tắc quan trọng để thực hiện mục tiêu phát triển du lịch bền vững là hỗ trợ kinh tế địa phương, chia sẻ các quyền lợi nhằm thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Có thể nói cộng đồng địa phương là người sáng tạo, nuôi dưỡng và bảo tồn các loại tài nguyên du lịch nhân văn, là chủ sở hữu bảo tồn các loại tài nguyên du lịch tự nhiên. Hoạt động du lịch diễn ra tại khu dân cư góp phần cải thiện, mang lại phúc lợi cho nhân dân địa phương, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xóa đói giảm nghèo. Ngược lại, cộng đồng địa phương khi tham gia một cách tích cực, đa dạng vào các công việc nhằm phục vụ cho hoạt động du lịch sẽ giúp cho họ có thái độ thân thiện với môi trường tự nhiên, có ý thức bảo vệ, giữ gìn các giá trị làm lợi cho họ.

### ***1.3 Du lịch cộng đồng***

#### **1.3.1 Khái niệm**

Du lịch cộng đồng hay du lịch dựa vào cộng đồng đang được biết đến như các nguyên tắc, giải pháp phát triển bền vững.

Ngày nay, du lịch cộng đồng được hiểu là một cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động kinh doanh du lịch. Ban đầu mang tính tự phát tại những nơi có tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn hấp dẫn các tuyến, điểm du lịch được tổ chức chủ yếu nhằm vào mục đích khai thác tài nguyên du lịch sẵn có của địa phương chứ chưa chú trọng quyền lợi của cộng đồng địa phương và thu hút họ tham gia vào các hoạt động du lịch. Trong một số trường hợp, do không thống

nhất được quyền lợi của các bên tham gia đã có những tác động không tốt tới môi trường du lịch và giảm sức hấp dẫn đối với du khách.

Những khái niệm về Du lịch cộng đồng:

- **Theo Rest - Thailand (1997)**: Du lịch cộng đồng là phương thức tổ chức du lịch đề cao sự bền vững về môi trường, văn hóa xã hội. Du lịch cộng đồng do cộng đồng sở hữu và quản lý, vì cộng đồng và cho phép du khách nâng cao nhận thức và học hỏi về cộng đồng, về cuộc sống đời thường của họ.

- **Theo quỹ bảo tồn thiên nhiên thế giới WNF**: Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch mà ở đó cộng đồng địa phương có sự kiểm soát và tham gia chủ yếu vào sự phát triển và quản lý hoạt động du lịch và phần lớn lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch được hoạt động du lịch giữ cho cộng đồng.

### **1.3.2 Đặc điểm và nguyên tắc của du lịch cộng đồng**

#### **1.3.2.1 Đặc điểm của du lịch cộng đồng**

- Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch mà cộng đồng dân cư là những người được tham gia ngay từ đầu và trong suốt quá trình phát triển du lịch: từ khâu nghiên cứu, lập dự án quy hoạch phát triển du lịch, tham gia với vai trò quản lý và quyết định các vấn đề phát triển du lịch, triển khai các hoạt động kinh doanh, cung cấp các sản phẩm du lịch phục vụ du khách. Họ giữ vai trò chủ đạo phát triển và duy trì các dịch vụ. Hoạt động này có tính đến hiệu quả và chịu sự điều tiết của các quy luật kinh tế thị trường.

- Địa điểm tổ chức phát triển du lịch dựa vào cộng đồng diễn ra tại nơi cư trú hoặc gần nơi cư trú của cộng đồng địa phương. Đây là những khu vực có tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú, hấp dẫn, có độ nhạy cảm cao về đa dạng sinh học, chính trị, văn hóa xã hội và hiện đang bị tác động bởi con người.

- Cộng đồng dân cư phải là người dân sinh sống làm ăn trong hoặc liền kề các điểm tài nguyên du lịch, đồng thời cộng đồng phải có trách nhiệm tham gia bảo vệ tài nguyên môi trường nhằm hạn chế, giảm tác động tiêu cực từ chính việc khai thác tài nguyên của cộng đồng và hoạt động của khách du lịch.

- Du lịch cộng đồng có nghĩa là giao quyền cho cộng đồng, cộng đồng được khuyến khích tham gia và đảm nhiệm các hoạt động du lịch và bảo tồn tài nguyên.
- Phát triển du lịch cộng đồng, phải đảm bảo sự công bằng trong việc chia sẻ nguồn lợi từ thu nhập du lịch cho cộng đồng và các bên tham gia.
- Phát triển du lịch cộng đồng, góp phần làm đa dạng hóa các ngành kinh tế trong khi vẫn duy trì và phát triển các ngành kinh tế truyền thống.
- Du lịch cộng đồng còn bao gồm các yếu tố trợ giúp, tạo điều kiện của các bên tham gia trong đó vai trò của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các cấp quản lý Nhà nước, Ban quản lý...

### **1.3.2.2 Các nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng**

Các loại hình du lịch dựa vào cộng đồng thực chất là các loại hình phát triển du lịch bền vững, có trách nhiệm với tài nguyên môi trường cũng như sự phát triển của cộng đồng – chủ thể của các hoạt động du lịch và nguồn lợi từ các hoạt động này là hướng vào cộng đồng. Vì thế, khi phát triển du lịch cộng đồng cần thực hiện các nguyên tắc sau:

- Thừa nhận, ủng hộ và thúc đẩy mối quan hệ sở hữu của cộng đồng về du lịch.
- Lấy ý kiến của các bên tham gia, tôn trọng ý kiến của cộng đồng, bảo đảm những kiến nghị của cộng đồng được chuyển đến những người có trách nhiệm xem xét và giải quyết.
- Ngay từ đầu thu hút, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào tất cả các lĩnh vực hoạt động du lịch và bảo tồn.
- Phát triển du lịch như một công cụ giúp cộng đồng sử dụng để phát triển trong khi vẫn duy trì sự đa dạng kinh tế không làm giảm các ngành nghề truyền thống.
- Tăng cường giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực địa phương.
- Hỗ trợ địa phương trong hoạt động du lịch và phát triển kinh tế - xã hội.
- Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng.



- Thúc đẩy niềm tự hào của cộng đồng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa.
- Tăng cường giao lưu văn hóa truyền thống.
- Khai thác, bảo tồn các nguồn lực theo hướng thận trọng, tiết kiệm, bền vững.
- Giảm tiêu thụ và giảm xả thải.
- Tôn trọng những giá trị văn hóa và phương cách sống của con người.
- Phân chia lợi nhuận một cách công bằng giữa các thành viên của cộng đồng. Phần lớn nguồn thu từ du lịch dành cho phát triển cộng đồng.
- Hòa nhập quy hoạch phát triển du lịch vào phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch môi trường.
- Tiếp thị trung thực và có trách nhiệm.
- Tăng cường nghiên cứu thống kê, hợp tác phát triển du lịch.

### **1.3.3 Các bên tham gia du lịch cộng đồng**

#### **- Cộng đồng địa phương:**

Hoạt động du lịch cộng đồng hướng tới nhấn mạnh yếu tố cộng đồng và vì mục tiêu phát triển cộng đồng và bảo tồn, do vậy cộng đồng địa phương là yếu tố hàng đầu.

Cộng đồng địa phương là nhân tố hình thành, nuôi dưỡng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa: nghệ thuật kiến trúc trang trí nhà, nghệ thuật sản xuất hàng thủ công mỹ thuật truyền thống, nghệ thuật ẩm thực, văn hóa ứng xử, lễ hội, văn hóa dân gian, văn hóa nghệ thuật truyền thống, tôn giáo tín ngưỡng... Đây là nguồn tài nguyên có sức hấp dẫn đặc biệt đối với khách du lịch.

Bên cạnh đó cộng đồng địa phương còn là người sản xuất các nông phẩm cung cấp cho khách du lịch, đồng thời họ tham gia các hoạt động du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch phục vụ du khách trong quá trình du lịch tại điểm đến. Đây là chủ thể của mọi hoạt động du lịch và bảo tồn ở địa phương và thu lợi từ hoạt động du lịch tại địa phương. Du khách có thực hiện được mục đích chuyến đi của

mình hay không, có được đáp ứng những nhu cầu du lịch hay không phụ thuộc chủ yếu vào cộng đồng địa phương và môi trường sống của họ.

Thực tế, cộng đồng địa phương làm du lịch thường sống tại các làng bản có địa hình cách trở, xa trung tâm văn hóa kinh tế chính. Các tài nguyên như khí hậu, đất đai, nguồn nước khó khăn, giao thông kém phát triển, trình độ kinh tế - văn hóa còn lạc hậu. Do vậy, trình độ văn hóa nhận thức của cộng đồng nói chung, đặc biệt nhận thức về du lịch, môi trường còn thấp, dễ bị suy thoái về văn hóa, chất lượng cuộc sống thấp. Đây là những khó khăn, hạn chế lớn đối với cộng đồng địa phương khi tham gia vào hoạt động du lịch.

Vì vậy, các hoạt động du lịch cần được quy hoạch, quản lý tổ chức hợp lý, đúng đắn theo hướng bền vững ngay từ đầu và trong quá trình phát triển. Đặc điểm các cộng đồng địa phương đó là sự gắn kết tình cảm lâu đời, có quan hệ huyết thống, vì thế quan hệ ứng xử của cộng đồng thường theo thứ bậc, tôn kính trưởng họ, già làng, trưởng bản. Những người này có uy tín và được tôn kính đối với cộng đồng và am hiểu về văn hóa cũng như phương cách sống của cộng đồng, có vai trò dẫn dắt cộng đồng. Họ thường là những người đại diện cho cộng đồng, tham gia vào các dự án, các quyết định phát triển du lịch, các vị trí trưởng nhóm kinh doanh, trưởng ban du lịch của các bản.

- ***Chính quyền địa phương :***

Là người được cộng đồng địa phương tín nhiệm, bầu ra và đại diện cho cộng đồng. Họ là những người lãnh đạo, có vai trò tổ chức và quản lý, tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể của cộng đồng, đặc biệt phát huy tiềm năng, thế mạnh của cộng đồng trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng theo các chủ trương, đường lối của nhà nước và pháp luật, là cầu nối giữa cộng đồng với thế giới bên ngoài.

- ***Các tổ chức, các nhà tài trợ, các tổ chức thuộc chính phủ và phi chính phủ, các nhà khoa học...***

Là nhân tố hỗ trợ cộng đồng về việc lập dự án quy hoạch, phát triển du lịch, tài chính, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm và cơ chế chính sách để phát triển du lịch

cộng đồng. Các tổ chức này có vai trò là những người chỉ lối dẫn đường, giúp cộng đồng thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch trong giai đoạn đầu, đưa ra các phương pháp làm du lịch. Sau một thời gian du lịch hoạt động, họ sẽ trao quyền quản lý cho cộng đồng và chính quyền địa phương.

**- Các doanh nghiệp lữ hành và dịch vụ du lịch:**

Là cầu nối giữa khách du lịch với cộng đồng, giữ vai trò môi giới trung gian để bán sản phẩm du lịch cho cộng đồng và cung cấp một phần sản phẩm du lịch mà cộng đồng chưa cung ứng đủ, đảm bảo cho sự đa dạng và chất lượng cho sản phẩm du lịch. Họ có thể sử dụng lao động là người địa phương, góp phần tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người dân bản địa. Bên cạnh đó, họ góp phần vào việc chia sẻ lợi ích từ du lịch cho cộng đồng bằng việc đóng thuế, phí môi trường, mua vé thắng cảnh cho cộng đồng.

**- Khách du lịch:**

Là yếu tố cầu du lịch. Thực tế tại nhiều mô hình phát triển du lịch cộng đồng, phần lớn khách du lịch đến từ các nước phát triển. Do vậy, họ có thói quen ăn ở vệ sinh và sống tiện nghi. Đây chính là những khó khăn trong việc đảm bảo sự hài lòng của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch cộng đồng.

**1.3.4 Vai trò của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch**

- Góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị của tài nguyên du lịch, hoạt động du lịch.

+ Bản thân các phong tục tập quán, lễ hội, lối sống, kiến trúc nhà ở, môi trường sống của cộng đồng dân cư là yếu tố tạo nên sức hấp dẫn cho hoạt động du lịch. Do vậy, có thể nói cộng đồng là một thành tố của tài nguyên du lịch, tạo nên hoạt động du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng.

+ Khi người dân tham gia vào hoạt động du lịch sẽ tạo cho họ nghề nghiệp mới, phương thức sống mới, có thêm nguồn thu nhập mới sẽ giảm sức ép của họ đối với việc khai thác tự nhiên một cách bừa bãi.

+ Nhận thức của cộng đồng thông qua giáo dục, tập huấn về du lịch, môi trường sẽ giúp kỹ năng tổ chức cuộc sống, lao động sản xuất, chất lượng cuộc

sống được cải thiện, qua đó sẽ giảm đi lối sống dựa vào tự nhiên → Bảo tồn được tài nguyên du lịch.

- Góp phần đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch và hạ giá thành sản phẩm du lịch.

+ Dân số đông, tăng nhanh, nguồn lao động trẻ khi tham gia hoạt động du lịch sẽ tạo ra sản phẩm du lịch có giá thành hợp lý.

+ Cộng đồng dân cư cùng mang tới cho du khách những yếu tố mới lạ, đặc sắc → làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch.

⇒ Tạo ra được môi trường du lịch hấp dẫn du khách (cả về tự nhiên và văn hóa).

### ***1.3.5 Những tác động của hoạt động du lịch cộng đồng***

- **Tác động tích cực:**

+ ***Đến kinh tế:***

• Tạo ra thu nhập cho cộng đồng từ sự chi trả của khách qua việc xuất khẩu tại chỗ; tạo thị trường đầu ra cho sản phẩm, kích thích, thúc đẩy các ngành kinh tế truyền thống phát triển.

• Phát triển kết cấu hạ tầng, tăng thêm nguồn thu cho ngân sách địa phương qua việc sử dụng vốn đầu tư, viện trợ, sự giúp đỡ về công nghệ và kinh nghiệm cho phát triển kinh tế.

+ ***Đến chính trị:***

• Qua việc người dân tham gia vào các hoạt động du lịch cũng như các hoạt động chung khác sẽ nâng cao quyền dân chủ, tăng quyền lực quyết định cho cộng đồng.

• Đảm bảo quyền làm chủ trong quản lý tài nguyên và hưởng các nguồn thu nhập từ hoạt động du lịch.

+ ***Văn hóa – xã hội:***

• Tăng cường giao lưu văn hóa, nâng cao nhận thức, tạo ra sự bình đẳng giới, khuyến khích việc thực hiện quyền trẻ em, giảm được những hủ tục.

- Tạo ra sự tôn trọng, tự hào, yêu quý văn hóa bản địa.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng dịch vụ, kết cấu hạ tầng.

**+ Tài nguyên, môi trường:**

• Khuyến khích bảo tồn, tôn tạo các nguồn tài nguyên môi trường, tài nguyên văn hóa – lịch sử và tự nhiên.

- Khai thác tài nguyên có hiệu quả, hợp lý hơn.

• Tôn vinh các giá trị tài nguyên (qua quá trình thống kê, nghiên cứu lập hồ sơ quyết định xếp hạng, tuyên truyền quảng bá tài nguyên du lịch).

**- Tác động tiêu cực:**

**+ Kinh tế:**

- Đòi hỏi vai trò lãnh đạo, quản lý đối với chi phí vận hành cao hơn.

• Lợi nhuận thu được chỉ có thể làm lợi cho một số người hoặc chảy máu các nguồn lực và thu nhập cho nhiều công ty du lịch.

- Gia tăng tình trạng lạm phát giá cả đất đai nhà ở, dịch vụ hàng hóa.

• Cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn lao động có thể ảnh hưởng bởi tính mùa du lịch ngoài tầm kiểm soát của địa phương.

- Suy giảm ngành nghề truyền thống.

**+ Văn hóa – xã hội:**

• Thu hút khách du lịch – những người có lối sống và quan niệm khác lạ, làm thay đổi các giá trị truyền thống, xung đột với truyền thống văn hóa bản địa.

• Cư dân địa phương phải chia sẻ nguồn tài nguyên với người ngoài địa phương.

• Gia tăng mối bất hòa giữa những người được hưởng lợi từ du lịch và không được hưởng lợi, trong nhiều trường hợp người dân chỉ được tham gia những công việc vất vả, có thu nhập thấp, trở thành người làm thuê, bị bóc lột, sự ràng buộc họ hàng bị rạn nứt.

- Làm gia tăng tệ nạn xã hội, tăng khoảng cách giàu nghèo.

### Sự thay đổi thái độ của người dân với khách du lịch

<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Sự hào hứng</div>	Du khách và các nhà đầu tư được chào đón nồng nhiệt, du lịch ít có quy hoạch hoặc điều khiển về cơ chế.
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Sự lãnh đạm thờ ơ</div>	Du khách được tiếp nhận như một thông lệ do có đầu tư, quan hệ giữa người dân địa phương và khách du lịch trở nên hình thức hơn (mang tính thương mại). Quy hoạch chủ yếu quan tâm đến thị trường du lịch.
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Sự khó chịu</div>	Du lịch dẫn đến sự bất hòa, dân địa phương có những mối nghi ngại về du lịch, các nhà chính sách cố gắng tạo giải pháp bằng việc tăng cường cơ sở hạ tầng nhiều hơn là sự hạn chế phát triển.
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Sự đối kháng</div>	Những bức bối, khó chịu được bộc lộ ra ngoài, du khách bị xem là nguyên nhân của mọi vấn đề. Quy hoạch lúc này có tính cứu chữa, song lại kích thích sự gia tăng du lịch để bù lại tình trạng xấu đi về danh tiếng của địa phương.

Việc dung hòa những mâu thuẫn đó là một vấn đề nan giải, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của hoạt động du lịch. Do đó, để người dân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch thì cần phải mang lại lợi ích cho họ một cách rõ ràng, thực chất và công bằng, đặc biệt phải tạo cho họ một vị thế làm chủ thực sự.

**+ Về môi trường:**

- Việc phát triển du lịch thiếu quy hoạch sẽ làm thay đổi, giảm thiểu chất lượng tài nguyên, môi trường tự nhiên – văn hóa.
- Kết cấu hạ tầng nhanh chóng xuống cấp.

### **1.3.6 Các loại hình du lịch có nhiều sự tham gia của cộng đồng**

#### **1.3.6.1 Du lịch sinh thái**

- Bao gồm:
- + Du lịch tham quan nghỉ dưỡng;
- + Du lịch đi bộ (checkingtour);
- + Du lịch leo núi;
- + Du lịch làng bản;
- + Du lịch tham quan hồ và biển;
- + Du lịch sông nước;
- + Du lịch nghỉ dưỡng chữa bệnh.

Ngày nay, những ứng xử của con người với tự nhiên đang được thay đổi với ý thức quan tâm hơn tới tự nhiên và có nhiều nỗ lực trong việc bảo vệ chúng. Bởi vậy, đảm bảo du lịch hòa nhập với môi trường là cần thiết và nên được quan tâm đầy đủ. Nghĩa là, du lịch sẽ rất nhạy cảm với môi trường – cơ sở cho chính sự tồn tại và phát triển của ngành này, đó chính là du lịch sinh thái.

Du lịch sinh thái là một loại hình du lịch mới, đang ngày càng có sức hấp dẫn mạnh đối với du khách và dần dần thay thế các loại hình du lịch trước đây. Ngay tại phiên họp Đại hội đồng Tổ chức du lịch thế giới lần thứ 14 đã quyết định chủ đề ngày Du lịch thế giới năm 2002 là: *Du lịch sinh thái – bí quyết để phát triển bền vững*.

+ Du lịch sinh thái đã được **Hector Ceballos – Lascurain**, một nhà nghiên cứu tiên phong về du lịch sinh thái, định nghĩa về du lịch sinh thái lần đầu tiên vào năm 1987 như sau: “*Du lịch sinh thái là du lịch đến những khu vực tự nhiên ít bị ô nhiễm hoặc ít bị xáo trộn với những mục tiêu đặc biệt: nghiên cứu, trân trọng và thưởng ngoạn phong cảnh và thế giới động - thực vật hoang dã cũng như những biểu thị văn hóa (cả quá khứ và hiện tại) được khám phá trong những khu vực này*”.

+ **Định nghĩa của Wood (1991)** về du lịch sinh thái như sau: “*Du lịch sinh thái là du lịch có mục đích đến các khu tự nhiên nhằm hiểu biết về lịch sử môi trường tự nhiên và văn hóa; quan tâm đến việc không làm thay đổi sự toàn vẹn*

*của hệ sinh thái. Đồng thời tạo những cơ hội về kinh tế ủng hộ bảo tồn các nguồn tài nguyên tự nhiên và mang lại lợi ích về tài chính cho dân địa phương”.*

+ **Theo Luật du lịch, 2005:** *Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững.*

Có thể nói, du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng địa phương. Du lịch sinh thái thường được diễn ra ở những khu, điểm du lịch có tài nguyên hoang sơ, nhạy cảm, có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như: tại các vườn quốc gia - nơi có những cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ, trong lành, có sự đa dạng sinh học cao, giàu tài nguyên du lịch tự nhiên, có dân cư sinh sống, vẫn bảo tồn được nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; các vùng núi và cao nguyên có độ cao trung bình trở lên, có nhiều phong cảnh đẹp, có các cộng đồng ít người sinh sống với những giá trị văn hóa đặc sắc; các vùng hồ biển có phong cảnh đẹp, giàu tài nguyên thủy sản, người dân địa phương có thể tham gia vào các hoạt động du lịch; ở những vùng có nhiều sông ngòi, thác nước, có phong cảnh đẹp kết hợp với tài nguyên du lịch nhân văn hấp dẫn khách du lịch; các vùng có nguồn nước nóng hoặc nước khoáng.

Hiện tại, xu hướng du lịch thế giới là con người muốn trở về thiên nhiên, được hòa mình vào thiên nhiên, tìm hiểu bản sắc văn hóa của cộng đồng và bảo tồn thiên nhiên, du lịch sinh thái là loại hình du lịch đáp ứng được mong muốn của du khách. Do đó nó trở thành một loại hình du lịch được phổ biến nhanh chóng trong ngành du lịch.

Hai trong số các **nguyên tắc** của du lịch sinh thái đã nhấn mạnh đến vai trò của cộng đồng:

+ **Lấy cộng đồng là trung tâm**

Cộng đồng địa phương đóng vai trò quan trọng trong quá trình ra quyết định về các hoạt động du lịch tại địa bàn mà họ sinh sống thông qua cơ cấu tổ



chức riêng của họ. Phải đảm bảo lợi ích của cộng đồng sẽ được bảo vệ, cộng đồng được ra quyết định và được chia sẻ lợi ích từ du lịch.

Tập trung vào sáng kiến của cộng đồng và lôi kéo sự tham gia tích cực của cộng đồng. Cộng đồng là chủ nhân thực sự của các vùng đất, là người hiểu về vùng đất của mình hơn ai hết và có đủ niềm tự hào cùng tình yêu để bảo vệ, phát triển nó.

Hỗ trợ nâng cao năng lực nhận thức cho cộng đồng trong quá trình quản lý, phát triển du lịch.

**+ Phát triển kinh tế địa phương:**

Đảm bảo nguồn thu từ du lịch được sử dụng để nâng cao đời sống cho cộng đồng địa phương, y tế, giáo dục và văn hóa.

Hỗ trợ phát triển cộng đồng với sự quản lý của các doanh nghiệp và các quỹ phát triển.

Thúc đẩy mở rộng các hoạt động kinh tế khác như nông nghiệp và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

→ Như vậy, du lịch sinh thái không chỉ được hình thành và phát triển trên cơ sở các nguồn tài nguyên thiên nhiên được bảo vệ mà nó còn có mối quan hệ với các cộng đồng địa phương trong phạm vi và các khu lân cận. Du lịch sinh thái có khả năng tăng cường trong việc bảo vệ các di sản văn hóa tốt hơn và làm tăng niềm tự hào của người dân địa phương. Những yếu tố thu hút sự quan tâm của khách du lịch với cộng đồng địa phương rất đa dạng: truyền thống địa phương, các tập quán sinh hoạt, tôn giáo... Vì vậy, khách du lịch sinh thái dù chỉ đi tham quan, khám phá thiên nhiên thì vẫn không tránh khỏi những mối quan hệ qua lại với cư dân địa phương. Bởi vậy, điều quan trọng trong phát triển du lịch là đồng thời với việc tạo cho du khách những chuyến đi thú vị thì phải tạo được mối quan hệ hòa hợp với cộng đồng đón khách, cải thiện mức sống cho đa số người dân địa phương, không để lại những ảnh hưởng xấu về văn hóa – xã hội, đảm bảo sự phát triển bền vững.

**1.3.6.2 Du lịch văn hóa**

- Bao gồm:

- + Du lịch tham quan các di tích lịch sử văn hóa
- + Du lịch làng bản
- + Du lịch lễ hội
- + Du lịch làng nghề
- + Du lịch chữa bệnh nghỉ dưỡng
- + Du lịch tâm linh
- + Du lịch sinh thái nhân văn
- + Du lịch nghiên cứu

- Theo khoản 1, điều 4, chương I - Luật du lịch Việt Nam năm 2005, du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống.

- Trong du lịch, yếu tố “lạ” là tài nguyên hết sức quý giá. Bản sắc văn hóa của cộng đồng địa phương chính là “cực hút” du khách, đặc biệt là khách quốc tế. Các hoạt động du lịch này thường được tổ chức ở: những địa bàn nông thôn đồng bằng, các khu phố cổ, các vùng ngoại ô, nơi tập trung nhiều di tích lịch sử, văn hóa có giá trị cao và giàu tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể, những cộng đồng địa phương miền núi – nơi bảo tồn được nhiều giá trị văn hóa truyền thống vật thể và phi vật thể đặc sắc, giao thông không quá cách trở.

### ***1.3.6.3 Du lịch Homestay***

- Trong từ điển tiếng Anh (Oxford), “homestay” chỉ người từ nơi khác, vùng khác đến ở tại nhà người dân nơi mình đến, học tập, tìm hiểu văn hóa, lối sống của vùng đất mới. Thuật ngữ này xuất hiện lần đầu tiên trong lĩnh vực giáo dục khi việc hợp tác quốc tế về giáo dục trở nên cấp thiết và vấn đề du học trở nên phổ biến. Năm 1980, đã xuất hiện những slogan ấn tượng như:

**“Open your home to the world and the world become your home - Hãy mở cánh cửa nhà bạn ra với thế giới và thế giới sẽ trở thành ngôi nhà của bạn”**

Hoặc **“Become part of my family”** - Hãy là thành viên của gia đình chúng tôi nhé.

- Khái niệm du lịch homestay là một khái niệm mới. Không chỉ tại Việt Nam mà trên thế giới, khái niệm này vẫn đang trong quá trình tranh luận để đi đến thống nhất vì nó đã và đang được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau và nghiên cứu với nhiều tên gọi khác nhau như “du lịch nghỉ tại gia” hay “du lịch ở nhà dân”. Trong lĩnh vực du lịch, *homestay không chỉ là một phương thức lưu trú mà đã phát triển thành một loại hình du lịch. Loại hình du lịch homestay nghĩa là mục đích chính trong chuyến đi của khách du lịch là được ở nhà người dân bản địa để thông qua đó tìm hiểu, khám phá những nét văn hóa độc đáo, đặc sắc của địa phương. Nhà dân không chỉ là cơ sở lưu trú mà trở thành một tài nguyên du lịch nhân văn hấp dẫn và độc đáo.*

Ở một số nước mà loại hình này tương đối phát triển như **Ailen** hay **Thái lan**, khái niệm du lịch homestay được hiểu: “*Là một loại hình du lịch cộng đồng, dành cho các đối tượng khách thích được trải nghiệm cuộc sống cùng với các hộ gia đình tại nhà của họ, nhằm tìm hiểu về cộng đồng và phong cách sống của người dân địa phương cũng như nâng cao hiểu biết về điều kiện tự nhiên và những nét văn hóa đặc sắc thông qua các hộ gia đình đó*”.

#### **Các đặc trưng** chủ yếu của du lịch Homestay:

+ Du lịch homestay phát triển dựa trên những giá trị hấp dẫn của thiên nhiên và đặc biệt văn hóa bản địa. Tạp chí Người đưa tin Unesco (12/1989) đã viết: “Cuộc phiêu lưu giờ đây không còn chân trời địa lý, không còn những lục địa trinh bạch (...) Vậy mà, về nhiều mặt, các dân tộc vẫn còn xa lạ với nhau và những phong tục, những niềm hi vọng ẩn giấu, những xác tin sâu kín của mỗi dân tộc vẫn tiếp tục là những thứ mà các dân tộc khác chẳng mấy biết đến”.

Như vậy, bản sắc văn hóa của mỗi vùng đất luôn là những ẩn số hấp dẫn, trở thành động cơ để khách du lịch đến tìm hiểu, khám phá.

+ Du lịch homestay chia sẻ lợi ích từ du lịch với cộng đồng địa phương đảm bảo sự phân chia công bằng cho các bên tham gia, đóng góp cho những nỗ lực bảo tồn các giá trị tài nguyên và phát triển cộng đồng.

+ Du lịch Homestay được tổ chức theo phương thức: “**ba cùng**”: Cùng ăn - cùng ở - cùng sinh hoạt. Đây là đặc trưng nổi bật nhất của loại hình du lịch này. Khách du lịch đến sinh sống tạm thời, được coi như một thành viên chính thức và tham gia trực tiếp vào một số hoạt động hàng ngày của gia đình người dân bản địa.

**Mối quan hệ giữa du lịch cộng đồng và du lịch homestay được thể hiện qua bảng so sánh sau:**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Du lịch Homestay</b>	<b>Du lịch cộng đồng</b>
Tài nguyên	Chủ yếu dựa vào tài nguyên du lịch văn hóa	Dựa vào tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa
Mục tiêu	Nhấn mạnh khai thác và bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa	Khai thác và bảo tồn các giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa
Đối tượng tham quan	Nhà dân và một phần tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa của điểm đến	Tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa của điểm đến
Lưu trú	Ở nhà dân	Ở nhà dân hoặc không
Hướng dẫn viên	Chủ nhà có vai trò như một hướng dẫn viên không chuyên	Vai trò của hướng dẫn viên và người dân rất quan trọng
Lợi ích	Chủ nhà và một phần lợi ích cộng đồng	Lợi ích toàn bộ cộng đồng

Xét trên phương diện loại hình, mục tiêu, đối tượng tham quan hay lợi ích thì du lịch Homestay là bộ phận của du lịch cộng đồng. Nếu như du lịch cộng đồng là loại hình du lịch khai thác và đảm bảo lợi ích cho cả cộng đồng thì du lịch Homestay là loại hình khai thác một phần giá trị của cộng đồng nhưng đảm bảo lợi ích cho một bộ phận cộng đồng về mặt kinh tế và đảm bảo lợi ích cho cả cộng đồng về mặt môi trường, văn hóa, xã hội. Như vậy, du lịch Homestay là một bộ phận của du lịch cộng đồng.

#### **1.3.6.4 Du lịch bền vững**

Phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của toàn nhân loại trong thế kỷ XXI. Phát triển du lịch bền vững trở thành xu hướng và mục tiêu phát triển ngành kinh tế du lịch của nhiều quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

**Theo Hội đồng thế giới về môi trường và phát triển (WCED)** “*Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong đáp ứng nhu cầu của họ*”.

**Theo khoản 21, điều 4, chương I – Luật Du lịch Việt Nam (2005):** “*Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của các thế hệ tương lai*”.

Trong các **nguyên tắc** phát triển bền vững, có 2 nguyên tắc đề cập đến cộng đồng địa phương:

+ *Hỗ trợ kinh tế địa phương:*

Nguồn tài nguyên mà ngành du lịch đang sử dụng vốn thuộc quyền sở hữu của người dân bản địa. Hoạt động du lịch một mặt mang lại hiệu quả tích cực cho kinh tế - xã hội địa phương, mặt khác cũng để lại nhiều hậu quả tiêu cực cho tài nguyên môi trường và kinh tế của địa phương. Do vậy, ngành du lịch có trách nhiệm đóng góp một phần thu nhập cho phát triển kinh tế địa phương.

+ *Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương:*

Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch không chỉ mang lại lợi ích cho họ và môi trường mà còn góp phần duy trì, phát triển du lịch, đa dạng hóa nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, tạo ra sự hấp dẫn với du khách.

## ***1.4 Một số bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch cộng đồng***

### ***1.4.1 Vườn quốc gia Cúc Phương***

VQG Cúc Phương có nhiều nguồn lực cho phát triển du lịch sinh thái. Dân cư sống đông đúc trong và xung quanh VQG là một trong những đặc điểm nổi bật của phần lớn các VQG tại Việt Nam Phần lớn họ là dân nghèo, sinh sống chủ yếu

dựa vào phát nương làm rẫy và thu lượm, săn bắt động thực vật hoang dã và các sản phẩm rừng khác. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến nạn mất rừng và suy giảm số lượng các loài động thực vật sống trong VQG. Để khắc phục tình trạng trên cần thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ, song điếm mấu chốt vẫn là làm sao nâng cao được mức sống của người dân địa phương. Kinh nghiệm của VQG Cúc Phương cho thấy nếu biết tổ chức du lịch một cách hợp lý thì có thể **thu hút một bộ phận dân cư địa phương tham gia làm du lịch và qua đó tăng thêm thu nhập**. Hiện tại Cúc Phương cùng hợp tác với chính quyền và nhân dân địa phương xây dựng được 3 làng du lịch tại làng Khanh, La, Biên Động. Các làng du lịch này đều nằm trong vùng đệm của vườn do đó giảm thiểu được những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch lên hệ sinh thái của vườn. Làng du lịch kể trên được nối với tuyến du lịch xuất phát từ vườn do cán bộ nhân viên của vườn thực hiện. Bằng nguồn thu nhập từ du lịch, VQG Cúc Phương đã hỗ trợ dân địa phương trong việc cải tạo nâng cao giá trị mảnh vườn gia đình, làm thủy điện nhỏ, đường xá nông thôn Tất cả những việc làm trên đều có tác động tích cực đến việc quản lý, bảo vệ vườn.

#### **1.4.2 Vườn quốc gia Xuân Thủy**

VQG Xuân Thủy nằm ở huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, có điều kiện tự nhiên lý tưởng cho việc nuôi trồng và khai thác nguồn lợi thủy hải sản và phát triển du lịch. Theo ông Nguyễn Viết Cách - Giám đốc VQG Xuân Thủy, việc đầu tiên là cần bảo vệ tốt môi trường, việc này với vùng đất ngập nước bao giờ cũng đem lại kết quả thực hiện việc bảo vệ các giá trị thiên nhiên lâu dài. Ngay trong điều kiện thực tiễn ở đây đã đáp ứng cho đời sống chính của cộng đồng địa phương. Vùng dự trữ thiên nhiên này mang nguồn sống, dự trữ thức ăn và môi sinh cho các mô hình khai thác, nuôi trồng thủy sản ở vùng đệm cùng một phần trong vùng lõi. Từ đó đóng góp cho sự phát triển môi sinh, kinh tế xã hội địa phương, trở thành nền cơ bản cho việc cung cấp phát triển mô hình sinh thái độc đáo của vùng đất mới, đem lại nhiều tiềm năng cho đích phát triển.

Chức năng du lịch của VQG phải được phát huy để tạo phúc lợi chung cho cộng đồng và tại đây đã từng bước làm được điều này. Ngoài việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ, VQG có một dự án du lịch cộng đồng để phát huy tất cả các tiềm năng có thể, đáp ứng cho du khách thăm thú thiên nhiên, có được ngày nghỉ cuối tuần thật thoải mái.

### **1.4.3 Sapa**

Sapa là một huyện nhỏ phía bắc tỉnh Lào Cai, là “thành phố trong sương” đẹp huyền ảo. Theo thống kê của Tổng cục du lịch, nếu năm 1995 có 9300 lượt khách (2300 khách nước ngoài) tới Sapa thì chỉ trong 6 tháng đầu năm 1996 đã có 7282 lượt khách, trong đó có 3282 khách nước ngoài. Có thể thấy hoạt động du lịch đã thực sự mang lại những hiệu quả kinh tế cho huyện này, tạo điều kiện cho sự phát triển đời sống vật chất và tinh thần của người dân nơi đây.

Mặt khác, sự phát triển du lịch cũng có những tác động tiêu cực tới hệ sinh thái tự nhiên và đời sống xã hội. Hệ sinh thái tự nhiên của Sapa đã bị biến đổi nhanh chóng, đặc biệt là đời sống xã hội văn hóa. Sự tấn công mạnh mẽ của nền kinh tế hàng hóa - nền kinh tế du lịch đã gây những tác động không nhỏ tới các sản phẩm văn hóa đồng thời làm biến đổi cả phương thức hoạt động kinh tế của người dân thiểu số vùng cao. Ví dụ: Đối với các sản phẩm thủ công, để tăng cường số lượng hàng hóa bán ra, giảm bớt công sức, người dân tộc đã giảm bớt những đường nét hoa văn truyền thống. Sự phức tạp và tinh tế của đường nét và màu sắc không còn nhiều.

Cả vùng du lịch Sapa đang từng bước bị thương mại hóa (cả về tâm lý, nếp sống). Do đó, cần bảo vệ chất văn hóa của hoạt động du lịch. Điều kiện quan trọng nhất đảm bảo sự bền vững của hoạt động du lịch là độ bền vững của các sản phẩm du lịch. Song một vấn đề đặt ra là: trong quá trình giao lưu văn hóa thông qua hoạt động du lịch, giữa các vùng miền, giữa các quốc gia thường hay diễn ra sự đánh giá nơi này, nơi kia “tiến bộ” hay “lạc hậu”. Các nước có nền kinh tế phát triển, các vùng có mức sống cao thường tự nhận là “tiến bộ”. Các nước có nền kinh tế chậm phát triển, các vùng có mức sống thấp thường bị đánh giá là “lạc

hậu”. Vì thế, thường có khẩu hiệu: “Việt Nam đuổi kịp các nước tiên tiến”, “miền núi đuổi kịp miền xuôi”... Người ở vùng “tiền bộ” thường có mong muốn khá chân thành là cải hóa vùng “lạc hậu”. Người ở vùng “lạc hậu” thường mang nhiều mặc cảm và cố gắng tự loại bỏ những cái mà họ tự cho là thấp kém hơn để vươn tới cái tiến bộ. Nếu xét ở khía cạnh kinh tế, về mức sống, về tiện nghi vật chất thì không có gì phải bàn cãi, nhưng nếu điều này xảy ra trong lĩnh vực văn hóa truyền thống thì lại là một “thảm họa to lớn” đối với du lịch: *Khi các dân tộc, các tộc người thiểu số cố gắng vứt bỏ bản sắc văn hóa của mình, tìm cách hòa trộn trong văn hóa của tộc người đa số, có nghĩa là môi trường văn hóa – sản phẩm của du lịch đã mất đi yếu tố “lạ”, “độc đáo”, mất đi sức hấp dẫn của nó.*

Do vậy, chúng ta cần khẳng định và bảo vệ chất văn hóa trong du lịch – du lịch sinh thái nhân văn. Trong quá trình du lịch, sự giao lưu văn hóa giữa các vùng miền trong một quốc gia cũng như sự giao lưu văn hóa giữa các nền văn hóa của đa quốc gia, sự ảnh hưởng qua lại là điều khó tránh, nhưng nếu để mất đi cái “lạ”, cái độc đáo của sắc thái văn hóa tộc người, có nghĩa chúng ta đã làm mất đi độ bền vững của sản phẩm du lịch, và cũng chính là mất đi mục tiêu du lịch bền vững.

Có thể nói, trong lĩnh vực văn hóa, nhất là văn hóa tinh thần, chỉ có sự khác biệt giữa các nền văn hóa, chứ không có nền văn hóa cao, nền văn hóa thấp. “Khoan dung là một thái độ ứng xử tích cực, không hàm ý ban ơn hay hạ mình chiếu cố đối với người khác. ***Khoan dung là tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa.*** Khoan dung là sự thừa nhận không có một nền văn hóa, một quốc gia hay một tôn giáo nào là độc tôn về tri thức và chân lý...” (Tuyên bố của Unesco khi chọn năm 1995 là năm Quốc tế về sự khoan dung khi bàn về sự tiếp xúc văn hóa trong hoạt động du lịch).

#### **1.4.4 Nepal và khu vực Annapurna:**

Du lịch là một trong những nguồn thu nhập ngoại tệ chính của Nepal. Mỗi năm, có hơn 36.000 du khách ưa hiểm trở và hơn 36.000 người khuân vác đi kèm đã tới thăm quan vùng Annapurna, tạo nguồn thu nhập cho hơn 40.000 người dân



địa phương. Khoảng 60% những du khách theo kiểu này đến trong vòng 4 tháng trong năm. Họ tập trung chỉ tại một vài điểm, do vậy gây nên những ảnh hưởng mang tính phá hủy nghiêm trọng lên cả môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa địa phương.

Mỗi năm rừng bị chặt đi để xây dựng khách sạn, nhà nghỉ và tiện nghi nhà, để cung cấp củi đốt cho việc nấu thức ăn, tắm nước nóng, lửa trại... Hàng năm, 400.000ha rừng bị chặt. Tỷ lệ chặt phá rừng là 3%/năm. Cũng hàng năm, cứ 1ha rừng bị chặt, mất đi 30 - 70 tấn đất. Điều này đã dẫn đến những vụ lở đất và lụt lội nghiêm trọng.

86% năng lượng của Nepal lấy từ rừng. Ở Annapurna, mọi người dân đều dùng củi để nấu ăn bởi không còn nguồn năng lượng nào khác. Tổng lượng gỗ tiêu thụ hàng ngày do một người khách du lịch tương đương với lượng gỗ một gia đình Nepal dùng trong khoảng 5 ngày hoặc 1 tuần...

Do vậy, Nepal đã phấn đấu đảm bảo rằng bên có lợi từ các hoạt động bảo tồn và du lịch đường bộ sẽ là những người dân địa phương; đồng thời biến người dân địa phương thành những người bảo vệ nguồn tài nguyên của họ. Phương thức thực hiện là lấy kinh nghiệm của người dân chứ không sử dụng những triết lý sách vở. Kết quả là các hoạt động truyền thống ghép vào một hệ thống quản lý tài nguyên quan trọng được trợ giúp bởi các dự án quy mô nhỏ về năng lượng và bảo tồn nhằm giảm đến mức tối thiểu tác động của khách du lịch và nâng cao mức sống của người dân địa phương.

## **Tiểu kết chương 1**

Chương 1 là cơ sở lí luận, tóm tắt các khái niệm mang tính khái quát những vấn đề liên quan đến du lịch cộng đồng:

- Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch mà ở đó cộng đồng địa phương có sự kiểm soát và tham gia chủ yếu vào các lĩnh vực phát triển và quản lý hoạt động du lịch, phần lớn lợi nhuận từ hoạt động du lịch được giữ cho cộng đồng.

- Du lịch cộng đồng với các đặc điểm cộng đồng là chủ thể của việc sở hữu bảo vệ, khai thác tài nguyên, tham gia vào các hoạt động du lịch và được hưởng những nguồn thu từ du lịch.

- Các nguyên tắc phát triển du lịch đảm bảo cho sự bền vững tài nguyên môi trường du lịch và nâng cao chất lượng cuộc sống và hướng nhiều vào phát triển cộng đồng.

- Các thành viên tham gia hoạt động du lịch gồm: Cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân tài trợ, các tổ chức phi chính phủ và chính phủ, các công ty kinh doanh lữ hành và dịch vụ; khách du lịch.

- Du lịch cộng đồng tác động tới các mặt: Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực.

- Các loại hình du lịch cộng đồng thực chất là loại hình du lịch sinh thái và văn hóa bền vững, song những người tham gia vào hoạt động du lịch là những người dân sinh sống định cư tại các điểm du lịch hoặc gần kề các điểm du lịch. Là loại hình du lịch tăng cường vai trò của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch và bảo tồn để đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng và bảo tồn.

- Một số những bài học kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng tại: VQG Cúc Phương, Xuân Thủy, tại Sapa, Nepal với vùng Annapurna.

Như vậy, chương 1 sẽ là cơ sở, tiền đề quan trọng để tiếp cận với du lịch cộng đồng, trên cơ sở đó tiến hành nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển du lịch cộng đồng tại Tam Cốc - Bích Động và cố đô Hoa Lư.

## **Chương 2**

### **Nguồn lực và thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng tại Tam Cốc - Bích Động và cố đô Hoa Lư.**

#### ***2.1 Các nguồn lực phát triển du lịch ở Hoa Lư***

##### **2.1.1 Vị trí địa lý và tài nguyên du lịch tự nhiên.**

###### ***2.1.1.1 Vị trí địa lý:***

- Hoa Lư là mảnh đất nằm ở phía Nam của tỉnh Ninh Bình với diện tích 139,7km<sup>2</sup>, có hai danh thắng nổi tiếng là Tam Cốc - Bích Động và cố đô Hoa Lư.

Phạm vi địa giới khu du lịch Tam Cốc - Bích Động được xác định trong quy hoạch khoảng 400ha, thuộc địa phận xã Ninh Hải huyện Hoa Lư, một phần thuộc xã Sơn Hà huyện Nho Quan, xã Yên Sơn thị xã Tam Điệp tỉnh Ninh Bình. Tam Cốc cách Hà Nội - trung tâm kinh tế, văn hóa du lịch của cả nước khoảng 100km; cách thành phố Ninh Bình 7km, lại gần quốc lộ 1A - trục đường giao thông đường bộ, đường sắt của cả nước, có đường quốc lộ 10, đường 21, lại rất gần với các khu du lịch như: Quảng Ninh, Hải Phòng... Đây là vị trí rất thuận lợi cho phát triển du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng, giúp người dân có thể tham gia vào hoạt động vận chuyển.

Cố đô Hoa Lư trước đây rộng khoảng 300ha, được bao bọc quanh bởi hàng loạt núi đá vòng cung, cảnh quan hùng vĩ. Sử cũ cũng miêu tả chấm phá tự nhiên của kinh đô Hoa Lư như sau: “Hoa Lư là nơi núi non trùng điệp. Núi trong sông, sông trong núi. Căn cứ thủy bộ rất thuận tiện. Sau lưng là rừng, trước mặt là đồng bằng, xa nữa là biển cả... Nơi đây non sông tráng lệ, phong thủy hài hòa, xứng đáng chọn để dựng đô được”.

###### ***2.1.1.2 Địa hình, địa chất:***

###### **❖ Hoa Lư:**

Hoa Lư có núi, sông kỳ vĩ, thơ mộng nổi tiếng, với nhiều hang động. Cái tên Hoa Lư đầu tiên cũng là tên: động Hoa Lư.

Theo sách Đại Nam thống chí ghi: “Động Hoa Lư ở phía Tây bắc huyện Gia Viễn, phủ Ninh Bình, cách 33 dặm thuộc các xã Đại Tế, Đại Viễn, Đại Hữu. Bốn mặt là núi đá la liệt, ở giữa có độ 2 mẫu đất bằng, có khe nhỏ từ trong hang động chảy ra đến địa phận thôn Trì Hối và Sào Lọng, cũng gọi là khe Sào Lọng chảy về hạ lưu sông Hoàng Long, tức là chỗ ẩn trú của Đinh Tiên Hoàng vậy. Nay trong hang động có miếu xưa”.

Theo thống kê, Hoa Lư có khoảng 18 hang động đẹp, điển hình là hang động Thiên Tôn, động Am Tiên, Liên Hoa ...

#### ❖ **Tam Cốc - Bích Động:**

Cấu trúc địa chất của khu vực Tam Cốc – Bích Động được xem như là khối đá vôi tách ra từ dải đá vôi Lai Châu – Thanh Hóa. Nó có quy mô phân bố rộng dạng vòng cung, được hình thành do quá trình kiến tạo của đới sông Đà. Trên mặt cắt địa chất cấu tạo của khối đá vôi Ninh Bình, đá vôi Tam Cốc - Bích Động là một nếp lồi.

Do vậy, cảnh quan ở đây được kết hợp thi vị giữa núi, sông, rừng cùng nhiều hang động. Đặc biệt, địa hình Tam Cốc – Bích Động còn nổi bật với các thung, nơi có sự đa dạng sinh học nằm xen lẫn với các dãy núi rất thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch sinh thái như: Thung Nắng, thung Hải Nham, thung Một, thung Ao Mép, thung Thầy, thung Hang Vạng...

Kiểu địa hình độc đáo của Tam Cốc - Bích Động là kiểu địa hình kars, mệnh danh là “Vịnh Hạ Long cạn”. Hiện tượng nổi tiếng này được tác giả H.Wissan và J. Silar trình bày một cách khoa học bằng các bản ảnh về Hạ Long, liên tưởng đến toàn bộ khối đá vôi Hoa Lư, Ninh Bình và các vùng phụ cận trước đây triệu 400 năm – trước thời kỳ biển thoái, là một Hạ Long “cạn” ngày nay.

Các hang động ở Tam Cốc - Bích Động rất phong phú về hình thái và chủng loại. Mỗi hang đều có những sắc thái riêng.

**Bảng hệ thống hang động tại khu du lịch Tam Cốc - Bích Động**

TT	Tên hang	Loại hình hang động	Trắc lượng hình thái			Đặc điểm sinh thái		Giá trị với du lịch
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	Ánh sáng	Nước	
1	Động Tiên	Hang thông	83	6	7	Hơi tối	Khô	Rất đẹp
2	Hang Cả	Xuyên thủy	127	20	3	Hơi tối	Nước	Đẹp
3	Hang Hai	Xuyên thủy	60	18	3	Hơi tối	Nước	Đẹp
4	Hang Ba	Xuyên thủy	45	18	3	Hơi tối	Nước	Đẹp
5	Hang Chùa	Xuyên thủy	135	7	3	Hơi tối	Nước	Rất đẹp
6	Hang Ghé	Xuyên thủy	50	5	3,5	Hơi tối	Nước	Đẹp
7	Hang Bụt	Xuyên thủy	380	20	7	Tối	Nước	Rất đẹp
8	Hang Hiếu	Cụt	70	5	3,5	Tối	Khô	Đẹp
9	Hang Thần	Cụt	100	6	10	Hơi tối	Khô	Đẹp
10	Hang Cá	Thông	150	4	3	Tối	Khô	Rất đẹp
11	Hang Thung	Xuyên thủy	50	15	5	Tối	Nước	Đẹp
12	Hang Thong thày	Xuyên thủy	350	6	3	Tối	Nước	Rất đẹp
13	Động Thiên Hương	Xuyên thủy	40	20	60	Hơi tối	Khô	Rất đẹp
14	Hang Đình	Xuyên thủy	25	5,5	4	Hơi tối	Nước	Rất đẹp
15	Động Tối	Thông	50	15		Tối	Khô	Rất đẹp

*Nguồn: Sở du lịch Ninh Bình*

→ Với hệ thống hang động phong phú như trên, rất thuận lợi cho phát triển du lịch. Hiện nay mới chỉ có hang Cả, hang Hai, hang Ba, động Thiên Hương, động Tối, động Tiên, hang Thung Nắng là đưa vào khai thác phục vụ du lịch.

### **2.1.1.3 Khí hậu**

Khu vực này có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phù hợp với chế độ hoàn lưu chung của khu vực. Ở vùng này, gió thổi theo hai hướng chủ yếu của 2 mùa: Đông và Hè. Trong mùa đông (9 – 2), hướng gió thịnh hành ở đây là bắc với tần suất giao động từ 26% - 42 %, sau đó là hướng tây bắc trong nửa đầu mùa đông với tần suất 10% - 11% và hướng đông nam với tần suất 10 %- 16% trong nửa cuối mùa đông.

Vào mùa hè, hướng gió chính là hướng đông nam và nam với tần suất mỗi hướng giao động khoảng 10% - 30%. Tốc độ gió trung bình năm giao động khoảng 1,8 – 2,0 m/s. Nhìn chung là ít thay đổi trong năm.

Số liệu thống kê của UBND xã Ninh Hải nhiều năm cho thấy lượng mưa trung bình khoảng 140 – 150 ngày mưa/năm. Các tháng ít mưa nhất là từ tháng 11 tới tháng 04 năm sau. Số ngày mưa khoảng 4 – 6 ngày/tháng. Các tháng còn lại mưa trên 10 ngày/tháng. Tháng mưa nhiều nhất là tháng 8, số ngày mưa gấp ba lần số ngày mưa của tháng ít mưa.

Ở đây vào mùa mưa, mực nước lớn không gây lụt lội mà ngược lại, tạo điều kiện tốt hơn cho chuyên chở khách đi thưởng ngoạn cảnh “son thủy hữu tình”.

Các hiện tượng thời tiết đặc biệt: Ngoại trừ mưa phùn và mưa bão, trong các tháng còn lại của năm, cơ chế mưa tại đây chủ yếu là mưa rào và mưa giông. Các kiểu mưa này rất mau tạnh, ít gây trở ngại cho hoạt động du lịch. Các kiểu mưa này cũng đóng vai trò tích cực trong việc làm sạch không khí.

Với khí hậu trên, hoạt động du lịch nói chung và hoạt động chèo đò của người dân nơi đây được diễn ra liên tục trong năm, không bị gián đoạn do tác động của thời tiết. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho hoạt động du lịch.

### **2.1.1.4 Thủy văn**

Khu vực này được điều tiết bởi các con sông trong vùng như sông Ngô Đồng, sông Sào Khê, sông Vân... nên chế độ thủy triều có nhiều lúc biến động. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng không nhiều do cấu trúc địa hình các dãy núi đá,

các thung và hang động xen kẽ nên tác động của thủy triều đối với việc đi lại của du khách trên các con sông, lạch là không lớn vào mùa lũ. Nhưng, hiện tượng bồi lắng của các hệ thống sông ở khu vực này là rất lớn. Vì vậy, cần phải thường xuyên nạo vét luồng lạch mới đảm bảo thuận lợi cho hoạt động vận chuyển khách du lịch đi tham quan được nhiều điểm trong khu vực.

#### **2.1.1.5 Sinh vật**

Thảm thực vật ở Tam Cốc - Bích Động khá đơn giản, chủ yếu là các kiểu thảm thực vật bị tác động mạnh mẽ của con người như trảng cây bụi trên đá vôi, trảng cỏ chịu ngập, các quần xã thủy sinh. Ngoài ra còn có một bộ phận thảm cây trồng như cây trồng ở các quần cư lúa nước.

Các thảm thực vật trên kết hợp với địa hình, thủy văn tạo nên một phong cảnh đẹp, góp phần quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của du khách, cung cấp nông sản, cây cảnh, tạo môi trường du lịch xanh, sạch.

→ Vài năm trở lại đây, tại khu vực Thung Nham, công ty TNHH Thương mại dịch vụ Doanh Sinh đã tiến hành ngăn đập nước, phục vụ chăn nuôi và trồng trọt, đã xuất hiện hàng ngàn con chim kéo về cư trú, hình thành nên vườn chim tự nhiên. Một số động vật đã xuất hiện ngay trong khu vực như khỉ đuôi dài, sóc, cá chấu vua... Nhiều loại thực vật quý như: cây Bo, cây dương xỉ Đỏ, cây Vạc Nước, cây Lộc Vừng, cây Vàng Anh.... Đây là tiềm năng cần được khai thác và sử dụng hợp lý để phục vụ cho nhu cầu phát triển du lịch và tham quan của du khách.

Hoa Lư có phong môi trường sinh thái đa dạng, là tiền đề cho một thế giới sinh vật phong phú. Trong số 577 loài thực vật thống kê được, có 311 loài có thể dùng làm thuốc. Tài nguyên cây cảnh ghi nhận được 76 loài. Giá trị lớn nhất là loài Tuế và các loài thuộc họ Lan.

Động vật thủy sinh trong vùng ngập nước Hoa Lư hiện còn tồn tại tương đối phong phú, bao gồm 30 loài động vật nổi, 47 loài động vật đáy. Đặc biệt là loài Rùa cổ sọc (*Ocadia sinensis*) được coi là loài quý hiếm.

→ **Đánh giá:**

Hoa Lư - một vùng du lịch văn hóa lịch sử và thiên nhiên hấp dẫn. Đó là điểm dừng chân của học sinh, sinh viên, nhiều nhà khoa học... Đây cũng là điểm dừng chân để nghỉ ngơi, thư giãn, ngắm những nhũ đá với vẻ trình nguyên của nó hoặc đi bộ qua các khu rừng trên núi đá vôi, leo núi, chèo thuyền, hít thở không khí trong lành.

#### **2.1.1.6 Các điểm phong cảnh tự nhiên**

##### **- Tam Cốc:**

Theo nghĩa Hán Việt, Tam Cốc có nghĩa là ba hang, gồm hang Cả, hang Hai, hang Ba thuộc thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Du khách đi tham quan Tam Cốc chỉ có một con đường duy nhất vào – ra khoảng 3 giờ đi bằng thuyền chèo tay từ bến Văn Lâm (Đình Các).

Thuyền đưa du khách đi khoảng 2 km là tới hang Cả. Hang Cả dài 127 m, rộng 20 m nằm dưới một quả núi lớn vắt ngang qua hai dãy núi bên sông Ngô Đồng. Trên vách đá bên tay phải sát cửa hang có khắc bài thơ chữ Hán và bản dịch của Bộ chính Nam Định là cử nhân Đỗ Kiên Thiện.

Thuyền trôi 1 km nữa là tới hang Hai. Hang Hai cũng nằm dưới quả núi vắt ngang sông Ngô Đồng, dài 60 m, rộng 18 m. Trần hang có nhiều nhũ đá rủ xuống.

Đi khoảng 100 m nữa là tới hang Ba. Hang Ba dài 45 m, rộng 18 m. Đây là hang mát nhất vào mùa hè vì hang thấp hơn. Trần hang có ít nhũ đá, chủ yếu là những vòm đá nhũ tạo thành như bị bào mòn đến tro trụi.





### **Bến thuyền Tam Cốc**



### **Bến thuyền và sông Ngô Đồng**

**- Bích Động:**

Từ bến Đình Các đi tiếp đường bộ khoảng 3 km nữa là tới Bích Động. Động nằm trong dãy núi “Ngũ Nhạc sơn”, thuộc địa phận thôn Đàm Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Trong động có thờ Phật. Trên cửa động có treo một quả chuông đồng rất lớn, đúc năm 1707. Cảnh quan trong động rất hoành tráng, đồ sộ,

kỳ diệu... với những hình ông tiên, cô tiên, tiêu đồng, rồng lượn, rùa bơi, voi châu, hổ phục, chim đại bàng, kho tiền....

Năm 1773, cụ Nguyễn Nghiễm - thân sinh ra đại thi hào Nguyễn Du đã tới thăm động, nhìn toàn cảnh núi, động, sông nước, đồng ruộng, bầu trời ở đây như phủ một màu xanh nên cụ đã đặt cho động một cái tên rất đẹp và thơ mộng là “Bích Động” - động xanh. Động được vua Tự Đức ban danh là “Nam thiên đệ nhị động”.



### **Đường vào chùa Bích Động**

#### **- Suối Tiên:**

Đi qua Tam Cốc khoảng 3 km nữa là tới Suối Tiên. Đường sông Ngô Đồng tới Suối Tiên uốn lượn rất ngoạn ngoạn, lách vào các dãy núi đá. Nhìn trước mặt thấy núi chắn, quay lại nhìn phía sau cũng thấy núi chắn, hai bên dòng sông đều là các dãy núi trùng điệp khiến ta có cảm giác như không có đường vào cũng chẳng có đường ra, xung quanh là đường vòng tròn núi vây hãm.

Trên đường đi suối Tiên, du khách còn được chiêm ngưỡng một ngọn núi cao ngất, đứng độc lập giữa hai dãy núi bên sông Ngô Đồng, đó là núi Bạc Bài. Đi tiếp qua các cánh đồng, thuyền cập bến, du khách đi bộ khoảng vài chục mét nữa là tới Suối Tiên. Suối Tiên thực chất là một hang nước hẹp, rộng khoảng 10m<sup>2</sup>. Nước từ trong núi chảy ra, hang nhỏ này có độ sâu trung bình 1 m, nước lúc nào cũng trong vắt. Dưới Suối Tiên là một phiến đá to, bằng phẳng rộng 01m<sup>2</sup>, có thể đứng tắm. Tương truyền, đây là chỗ tắm của Tiên nên gọi là Suối Tiên.

**- Động Tiên:**

Động Tiên ở thôn Đàm Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư và còn có một tên khác là động Móc. Động nằm cách Bích Động 1 km, đến động bằng thuyền hoặc đi bộ.

Động gồm 3 hang lớn, rộng cao vời vợi, đường vào động phải đi qua một khe hang nhỏ, mấp mô. Trần hang là những vân đá nhũ rủ xuống lấp lánh nhiều màu sắc. Nhiều khối nhũ đá từ trần động rủ xuống nền, cao hơn chục mét tựa như những rễ cây đa cổ thụ với các tên gọi: cây tiên, cây thóc, ông tiên, cô tiên, con voi, con hổ... Xung quanh vách động và trên nền động có nhiều măng đá, nhũ đá. Những nhũ đá này được thiên nhiên trạm trổ, vừa phóng khoáng, vừa tinh tế mà rất sống động.

**- Hang Thung Thày (Xuyên thủy động):**

Xuyên thủy động nằm dọc theo chiều dài của núi Bích Động. Núi Bích Động có 3 ngôi chùa: Hạ, Trung, Thượng bên sườn núi, lại có Xuyên thủy động như một đường ống nước đá khổng lồ uốn lượn từ phía đông sang phía tây, tạo ra thế tụ thủy âm dương đối đãi tuyệt vời, làm cho chùa Bích Động thêm linh thiêng hơn.

Hang này dài 350m, vào ra khoảng 40 phút, bình quân bề rộng của Xuyên thủy động là 6 m, chỗ rộng nhất là 15 m, chiều cao tính từ mặt nước tới trần hang là 2 m.

Trần và vách hang thường phẳng, nhũ đá trong hang ít nhưng nếu chỗ nào đã có nhũ đá thì đều mang dáng hình rất giống: ông tiên, cô tiên, bầu sữa mẹ, kho

kim cương, doi, cá sấu...Thuyền đưa du khách ra khỏi hang, phía trước mặt là cánh đồng Thày ngập nước, xung quanh núi bao bọc, du khách có thể leo qua chèn đẽ sang chùa Hạ hoặc du khách ngồi thuyền quay trở ra.

**- Động Thiên Hương:**

Động nằm ở chân núi Đồng Võ, cạnh bến Thánh. Để lên thăm động, du khách phải bước lên 30 bậc đá. Đến cửa động lại bước lên cao 1 m nữa mới tới nền động. Không gian trong động rộng lớn, cao thăm thẳm như hình rỗng bên trong của một quả chuông đá khổng lồ úp lên. Nhìn động bằng phẳng, rộng 800m<sup>2</sup>, dài 40 m, cao 60 m. Đứng trên nền động nhìn thấy một khoảng trời... Có lẽ vì vậy mà động có tên là động trời. Trên đỉnh núi có một phiến đá rộng 10 m, tương truyền đây là nơi các vị tiên chơi cờ.

Nằm trong động là miếu thờ bà Trần Thị Dung – vợ của vua Lý Huệ Tông dưới triều nhà Lý và sang thời Trần, bà là vợ của Thái sư Trần Thủ Độ. Tương truyền, khi cùng triều đình nhà Trần vào Vũ Lâm lập hành cung, bà đã truyền dạy cho dân cư thôn Văn Lâm nghề thêu ren. Bà được nhân dân ở đây suy tôn là Bà tổ nghề thêu ren.



## **Động Thiên Hương**



## **Hang động Tam Cốc**



## **Thung Nham**

→ **Đánh giá chung:**

Huyện Hoa Lư – Ninh Bình là địa phương có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng, hoang sơ, có sự kết hợp giữa cảnh quan tự nhiên và các di tích lịch sử văn hóa. Đặc biệt, có hệ thống hang động phong phú về hình thái, núi non trùng điệp xen kẽ với các thung ngập nước, các dòng chảy, thảm thực vật với những cây thấp và cao trung bình phủ kín chân núi, sườn núi. Tại khu thung Hải Nham, công ty TNHH Doanh Sinh đã tiến hành khai thác mang lại nhiều hiệu quả cả về kinh tế và môi trường. Do đó tại đây có thể phát triển nhiều loại hình du lịch dựa vào cộng đồng: du lịch tham quan, du lịch sinh thái, du lịch leo núi, du lịch văn hóa, thiết kế được nhiều tour tuyến du khảo đồng quê.

**2.1.2 Tài nguyên du lịch nhân văn và điều kiện kinh tế - xã hội:**

**2.1.2.1 Tài nguyên du lịch nhân văn**

Bao gồm hệ thống các đình, chùa, đền, làng nghề, lễ hội, phong tục tập quán, ẩm thực...

❖ **Các di tích lịch sử, văn hóa:**

+ **Chùa Bích Động:**

Chùa Bích Động được xây dựng bên sườn núi Bích Động, thuộc địa phận thôn Đàm Khê, xã Ninh Hải. Tương truyền, dưới thời vua Lê Lợi có hai vị hòa thượng pháp danh là Chí Kiên và Chí Thế, một người quê ở Vọng Doanh, một người quê ở Đông Xuyên, hai người kết nghĩa làm anh em, cùng nhau đi khắp nơi trong nước để truyền bá đạo. Khi tới đây thấy phong cảnh đẹp, họ tiến hành sửa sang động phủ, quyên giáo làm chùa để tu hành.

Lúc đầu chùa xây dựng còn sơ sài, nương dựa chính vào hang động nên gọi là chùa Động. Về sau chùa được tu bổ mở mang thêm mới thành như hiện nay.

Chùa Bích Động là một công trình kiến trúc cổ, xây dựng bằng gỗ lim, mái lợp ngói mũi hài, các góc mái đầu đao đều cong vút, chùa được xây dựng theo kiểu chữ “Tam”, ba tòa không liền nhau, tam cấp dọc theo sườn núi Bích Động tạo thành ba ngôi chùa: chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng.

*Chùa Hạ* được xây dựng theo kiểu chữ “Đình”. Mái chùa gồm 2 tầng, 8 mái. Ở gian giữa Tiền đường có treo bức đại tự bằng chữ Hán “Mạo cổ thần thánh”, có nghĩa là dáng dấp ngôi chùa xưa nay thiêng lắm.

*Chùa Trung* có kiến trúc bán mái phía ngoài; một nửa nằm trong hang; một nửa lộ thiên. Chùa Trung có kiến trúc kiểu chữ “Đình”, hai tầng mái. Từ gian bên phải trong Tiền đường chùa Trung theo cửa hậu, leo 21 bậc đá là tới động Tỏi (Bích Động). Ngay cửa động có treo một quả chuông lớn đúc năm 1707 niên hiệu Vĩnh Thụy thứ hai triều vua Lê Dụ Tông.

*Chùa Thượng* còn gọi là chùa Đông (vì chùa quay hướng đông). Chùa có hai gian được xây theo kiểu nhà dọc bằng đá phiến, phía trong tựa vào núi đá. Từ trên chùa Thượng, du khách có thể ngắm nhìn một phần quang cảnh của Hoa Lư, đó là núi Chông Sách, núi Voi, năm ngọn núi bao quanh chùa Bích Động là “Ngũ nhạc sơn”.

#### + **Đền Thái Vi:**

Chức năng chính của đền là để tưởng nhớ các vua Trần đã lập hành cung Vũ Lâm và sau khi các ông băng hà, nhân dân thôn Văn Lâm đã xây dựng đền Thái Vi trên nền đất cũ trước đây vua Trần Nhân Tông đã xây dựng am Thái Vi. Gọi là am Thái Vi vì đó là nơi Hoàng đế nhà Trần xuất gia. Đền Thái Vi được xây dựng theo kiểu “Nội công ngoại quốc”; phía ngoài nghi môn có đặt một đôi ngựa bằng đá xanh nguyên khối; trước đền có giếng ngọc xây bằng đá xanh. Qua nghi môn phía bên phải là gác chuông hai tầng mái song song đăng đối xây theo kiểu “chông Diềm”. Gác chuông có treo một quả chuông đúc từ năm 1689.

Từ sân Rồng bước qua theo bậc đá có độ cao 1,2 m là tới Ngũ Đại Môn (5 cửa lớn), có 6 hàng cột đá tròn đều được trạm khắc nổi Long Phượng chầu vào chính điện.

Qua năm cửa lớn là tới 5 gian Bái đường, cũng có 6 cột đá vuông trạm khắc nổi Long, ly, quy phượng, cá chép hóa rồng. Gian giữa bái đường có treo bức hoành phi lớn, sơn son thiếp vàng có bốn chữ Hán: “Long đức chính cung”.

Trung đường với 5 gian chính điện cũng có 8 cột đá tròn được trạm khắc nổi chủ đề: Cầm, kỳ, thi, họa.

Trong cung Khám của chính điện, ở giữa là tượng Trần Thánh Tông, bên phải là hoàng hậu Thuận Thiên - vợ của vua Trần Thái Tông. Tại đây còn thờ bài vị của vua Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông. Như vậy, đền Thái Vi là nơi thờ 4 đời vua Trần.



## **Đền Thái Vi**

### **+ Chùa Linh Cốc:**

Chùa Linh Cốc thuộc địa phận thôn Côi Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, cách chùa Bích Động khoảng 500m về phía Đông Nam, nằm gần núi chùa Móc.

Hai bên sân chùa là nhà thờ tổ, ba gian đặt tượng thánh tăng là đức A Nam Đà và đức tổ Tây người Ấn Độ. Nhà trai có 5 gian quay hướng Đông Nam. Điện mẫu quay lưng vào sườn núi hướng Tây Nam. Hậu cung là một gian thờ Tam tòa Thánh mẫu. Thiêu hương có 5 gian thờ Công đồng thánh mẫu.

Lên chùa Linh Cốc, du khách qua hồi hướng Nam của điện mẫu leo lên 83 bậc đá mới tới, chùa ở lưng chừng núi, có độ cao khoảng 30 m so với sân. Đây là một chùa động. Buồng ngoài của động cao hơn 20 m, nền phẳng rộng, dùng làm tiền đường của chùa, đặt 2 tượng hộ pháp. Buồng trong của động là một nhỏ ôm



trọn lấy Thượng điện của chùa. Trước Thượng điện ở trên cao có 3 chữ Hán lớn “Cốc linh tự” – chùa Linh Cốc. Trong thượng điện của chùa có đặt nhiều tượng Phật.

#### **+ Đền Nội Lâm**

Đền nằm trong khu vực Suối Tiên, thuộc thôn Văn Lâm xã Ninh Hải. Sau khi tham quan Tam Cốc xong, du khách tiếp tục chèo thuyền vào sâu bên trong khoảng 3 km nữa, sau đó đi qua “Tòa xi bảy mẫu” là tới đền Nội Lâm.

Đền nằm gọn trong một hang núi gồm một gian chính và hai gian nhỏ hai bên. Trước đền dưới chân núi là một đầm nước trong xanh rất sâu. Đền thờ thần Quý Minh - theo truyền thuyết là một vị tướng của vua Hùng.

Các xà ngang, bậc cửa và 12 cột đều được làm bằng đá. Các cột đá đều được làm vuông có kích thước 15cm – 15 cm, cao gần 2m, đều được trạm khắc nổi tứ linh, rồng, hoa sen. Đường nét trạm khắc rất tinh tế, uyển chuyển, mềm mại sống động.

Hàng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng giêng, người dân ở đây lại vào đền thắp hương lễ thần để cầu mong cho năm đi đánh bắt cá, trồng cây trong núi được bình an, may mắn gọi là lễ Phát Lát. Ngày lễ giỗ thần hàng năm vào ngày 18 – 3 âm lịch.

#### **+ Cố đô Hoa Lư:**

Theo như “Nguyễn Trãi toàn tập” thì trước đây Hoa Lư có tên là Đại Hoàng, rồi sau là phủ Trường Yên, sau này là Hoa Lư.

Hoa Lư là vùng “quá độ” giữa Giao Châu (đồng bằng Bắc Bộ) và Ái Châu (đồng bằng Thanh Hóa). Đất Thanh Hoa ngoài (Ninh Bình ngày nay) là vùng trung gian giữa lưu vực sông Hồng và lưu vực sông Mã. Từ văn minh Đông Sơn đến văn minh Đại Việt.

Theo quyết định số 82/2003/QĐ - Ttg của thủ tướng Chính phủ Việt Nam, hiện tại khu di tích lịch sử văn hóa cố đô Hoa Lư gồm các di tích sau:

+ *Vùng bảo vệ đặc biệt có diện tích gần 300 ha gồm:*

- Toàn bộ khu vực thành Hoa Lư gồm Nội thành và Ngoại thành.

- Các di tích lịch sử: đền vua Đinh, đền vua Lê, lăng vua Đinh, lăng vua Lê, đền thờ công chúa Phát Kim, chùa Nhất Trụ, bia cầu Dền, chùa Ngần, hang Bim, các đoạn tường thành, nền cung điện nằm dưới lòng đất, núi Mã Yên, núi Phi Vân, núi Cột Cờ, sông Sào Khê, khu hang động Tràng An.

+ *Vùng đệm có diện tích 1087 ha, bao gồm:*

Động Am Tiêm, hang Quàn, hang Muối, hang Luồn, động Liên Hoa, chùa Bàn Long, toàn thể cảnh quan hai bên sông Sào Khê, khu dân cư các thôn: Yên Hạ, Vàng Ngọc, các di tích có liên quan trực tiếp đã được xếp hạng.

Hoa Lư là kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam. Kinh đô này tồn tại 42 năm (968 - 1010) là nơi phát tích ba triều đại liên tiếp là nhà Đinh, nhà Tiền Lê, và khởi đầu nhà Lý.

Hoa Lư gắn với tên tuổi 3 vị vua khai sáng 3 triều đại với những bước chuyển biến trọng đại của dân tộc Việt Nam: thống nhất đất nước, chống ngoại xâm và dời đô đến kinh đô mới.



## **Cổng vào đền vua Đinh**



**Toàn cảnh cố đô Hoa Lư**



**Hình ảnh về cố đô**

- ***Giá trị lịch sử:***

Kinh đô Hoa Lư có một vai trò lịch sử vô cùng đặc biệt dù chỉ tồn tại trong nửa non thế kỷ. Vị hoàng đế đầu tiên của nước Việt thống nhất “nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Đại Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ phục hết \_ Vua mở nước dựng đô, đối xung Hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đủ, có lẽ ý trời vì nước Việt ta mà sinh bậc Thánh triết” (nhà sử học Lê Văn Hưu). Hoa Lư thực sự là một kinh thành Tràng An trên đất Việt mà ở đó “mọi thứ đều thuần Việt”. Cũng từ Hoa Lư độc lập, thống nhất, Lý Công Uẩn đã phóng tầm mắt ra bốn phương để tìm ra vị trí thành Thăng Long rộng rãi, bằng phẳng, tạo ưu thế nhiều hơn trong việc ổn định chính trị, phát huy văn hiến, mở mang kinh tế. Từ Hoa Lư đến Thăng Long là sự chuyển dời tất yếu của lịch sử. Những giá trị ở Hoa Lư đều được kế thừa và phát triển rực rỡ tới Thăng Long.

Đây không chỉ đơn giản là một chuyện “bàn giao chính quyền”, mà thực sự là bước quá độ không thể thiếu được trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Từ thế kỷ IX qua thế kỷ X phải về Hoa Lư mới sang được thế kỷ XI, để mở ra thời kỳ phát triển rực rỡ sự nghiệp dựng nước, giữ nước của quốc gia dân tộc Đại Việt tiếp theo đó.

- ***Giá trị kiến trúc:***

Sau chương trình điền dã của dự án Hợp tác văn hóa Việt Nam - Phần Lan, tiến hành khảo sát, vết tích nền móng cung điện thế kỷ X đã được phát hiện bởi đợt khai quật của Viện khảo cổ học. Trong số hàng trăm hiện vật cổ tìm thấy tại đây, có những viên gạch lát nền trang trí hình hoa sen tinh xảo. Có những viên gạch còn dòng chữ “Đại Việt quốc quân thành chuyên” (gạch chuyên xây dựng thành nước Đại Việt). Có những ngói ống có phủ riềm, nằm sâu dưới đất ruộng, khai quật lên còn lành nguyên và cả những chì, lưới ... làm bằng đất nung.

Kết quả đợt khai quật tại khu vực đền Lê Hoàn năm 1997 cũng đã hé mở phần nào diện mạo của kinh đô Hoa Lư: thành quách kiên cố, nhiều kiến trúc lớn

và trang trí cầu kỳ, mang đậm phong cách nghệ thuật riêng thời Đinh - Lê: đơn giản, khỏe khoắn.

Tuy chưa thể khẳng định về quy mô và công năng của tất cả công trình, nhưng rõ ràng các di chỉ này cho thấy một quần thể kiến trúc tòa ngang dãy dọc khá phong phú. Dung mạo của một bộ phận Hoa Lư xưa đó thể hiện qua dấu vết vật chất chứ không chỉ là hình ảnh của sách vở, chữ nghĩa. Vì vậy, quần thể di tích này cần được bảo tồn tại chỗ. Đông đảo nhà khoa học Việt Nam, Hà Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Bỉ, Italia, Đài Loan đã tham gia nhận diện giá trị khu di tích cố đô Hoa Lư.

- ***Giá trị văn hóa:***

Nhờ vị trí của Kinh thành không thay đổi qua các triều đại Đinh - Lê - Lý, nhờ công tác thi công xây dựng xưa chủ yếu là san nền rồi xây lên, có đào móng trụ cũng chỉ trên dưới 1 m cho các chân cột nên các nền kiến trúc cũ được lấp đi. Vì thế, dù là “phế tích” nhưng giá trị của Hoa Lư còn được phản ánh rất rõ:

- Cố đô Hoa Lư đã thể hiện nét đặc sắc của bề dày văn hóa, biểu thị trong các kiến trúc, di vật, cách xử lý xây dựng cấu trúc đô thành, cách ứng xử - quan hệ với thiên nhiên. Hay từ câu chuyện những viên gạch có tên địa phương, phiên hiệu quân đội mà cảm phục tính tổ chức và trách nhiệm cao của các thế hệ cha ông.
- Qua các dấu tích và di vật, ta có thể tìm hiểu về cuộc sống cung đình, thấy sự hội tụ của kiến thức tiêu biểu nhất, di vật tiêu biểu nhất của bề dày văn hóa Việt Nam. Đó không chỉ là việc của thế hệ này mà của cả thế hệ mai sau.
- Các “phế tích” trên còn cung cấp những hiểu biết mới, có tính chất lý thuyết về việc gia cố chân tảng, về cách thức xác định kích thước – quy mô của một kiến trúc qua các dấu vết của di tích, kỹ thuật này là dạng đặc trưng của cố đô Hoa Lư thời Đinh – Lê.
- Hoa Lư là một thành trì quân sự, một trung tâm văn hóa lớn, là nơi sản sinh ra nghệ thuật sân khấu chèo. Cố đô Hoa Lư có cả một kho tàng

văn hóa, truyền thuyết, huyền thoại dân gian đồ sộ đang được phát huy, giữ gìn. Tiêu biểu như sự kiện xung quanh cậu bé chăn trâu Đinh Bộ Lĩnh từ đầu trận cờ lau đến ngai hoàng đế, mở đầu thời kỳ độc lập, thống nhất của nước Việt. Sự kiện thập đạo tướng quân Lê Hoàn lên ngôi làm nên chiến thắng giặc Tống lấy lừng, trở thành ông vua đi cày đầu tiên trong lịch sử. Thái hậu Dương Vân Nga – người đàn bà quyền lực của hai triều Đinh – Lê, người biết hy sinh lợi ích của dòng tộc để giữ bền xã tắc.

→ Cố đô Hoa Lư hiện là khu di tích lịch sử đặc biệt quan trọng của quốc gia và là điểm du lịch văn hóa lớn ở Việt Nam. Từ những nghiên cứu khảo cổ, hình hài một Hoa Lư xưa dần lộ rõ. Đây là minh chứng sống động về nền văn hóa Việt Nam phong phú.

Cố đô Hoa Lư là một trong những đại diện đầu tiên của Việt Nam được chọn để ứng cử di sản Văn hóa thế giới. Năm 1991, bốn di sản được lập hồ sơ đề nghị là Cố đô Hoa Lư, Vườn quốc gia Cúc Phương, Vịnh Hạ Long và chùa Hương.

Cùng với việc phát hiện và khai quật hệ thống hang động Tràng An, năm 2003 khu di tích này đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ký quyết định bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị lịch sử để xứng tầm là di sản thế giới trong tương lai. Ngày 17/10/2008, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND tỉnh Ninh Bình, Hội Di sản văn hóa Việt Nam đã tổ chức hội thảo khoa học về “Giá trị văn hóa cố đô Hoa Lư và khu du lịch Tràng An” nhằm tiến tới đề nghị Unesco công nhận Cố đô Hoa Lư là di sản văn hóa thế giới.

#### ❖ **Các lễ hội:**

##### + ***Lễ hội đền Thái Vi:***

Từ xa xưa, cứ đến ngày 14 – 3 âm lịch, lễ hội đền Thái Vi lại được tổ chức. Đây được liệt vào hàng “quốc gia tế lễ”. Lúc đó nhà vua lệnh cho các quan trong triều từ Kinh đô về đền Thái Vi tế lễ. Ban tế là các quan trong triều, chủ tế là một vị hoàng thân trong triều do vua chỉ định.

Ngày nay, lễ hội đền Thái Vi trở thành hội làng được mở từ ngày 14 – 3 đến 17 - 3 âm lịch. Hình thức tổ chức lễ hội đền Thái Vi cũng như các lễ hội truyền thống khác gồm 2 phần chính: phần Lễ và phần Hội.

Phần lễ được tiến hành dưới hai hình thức: Rước kiệu và tế. Rước kiệu ở đền Thái Vi không chỉ có một đoàn mà nhiều đoàn từ các xã trong huyện Hoa Lư và trong tỉnh.

Ban tế gồm 15 – 20 người, gồm một ông chủ tế (thường là người cao tuổi và có uy tín trong làng). Ông chủ tế đọc văn tế ca ngợi công đức của vua Trần.

Phần hội là các trò chơi: Múa lân, múa rồng, đánh cờ người, đấu vật, bơi thuyền ngoạn mục...

→ Đây là lễ hội truyền thống đặc sắc, quy mô lớn. Tuy nhiên, lễ hội đền Thái Vi hiện nay quy mô không được như xưa. Việc khai thác những giá trị của lễ hội vào hoạt động du lịch hầu như là chưa có. Việc kết hợp tham quan phong cảnh tự nhiên với tham dự lễ hội văn hóa truyền thống sẽ tạo ra một sản phẩm du lịch hấp dẫn được du khách.

#### **+ Lễ hội Trường Yên:**

Lễ hội Trường Yên được diễn ra vào 8 – 3 đến 10 – 3 âm lịch. Đặc biệt từ năm 1993 trở lại đây, lễ hội Trường Yên – Hoa Lư đã được nhân dân địa phương khôi phục hoành tráng và hấp dẫn du khách khắp miền đất nước. Hội diễn lại tích “Cờ lau tập trận” và vì vậy hội Hoa Lư còn được gọi là hội Cờ lau. Tham gia cuộc rước trong hội cờ lau gồm khoảng 100 em trai 14 – 16 tuổi, mạnh khỏe, chia hai phe, trong đó chọn một em đóng vai Đinh Bộ Lĩnh. Tất cả ăn mặc giả mục đồng, đầu chít khăn đỏ, khăn xanh, chân quấn xà cạp nâu, tay cầm cờ lau. Thoạt đầu tất cả tập trung tại Trường Yên, rước Đinh Bộ Lĩnh bằng kiệu tay qua sông Hoàng Long đến làng Uy Viễn. Hội làng Uy Viễn khá nhộn nhịp. Theo tiếng trống, đoàn cờ lau múa quanh kiệu của Đinh Bộ Lĩnh những động tác dàn quân tập trận, khi đội này tiến, khi cơ khác lui, khi sang ngang, khi dừng... Đinh Bộ Lĩnh mặc áo hoàng bào có 3 con trâu đan bằng khung tre dán giấy to bằng trâu thật...trình diễn lại nhiều chi tiết trong truyền thuyết. Hiện nay, trong hội còn có cuộc thi giọng hát

chèo hay, thi đấu vật, bóng chuyền, cờ tướng, trưng bày sinh vật cảnh, trưng bày giới thiệu di tích lịch sử, khảo cổ học kinh đô Hoa Lư, tổ chức cuộc thi “Người đẹp cổ đô”.

❖ **Con người:**

Hoa Lư trước là khu vực cư trú của đồng bào Mường. Theo năm tháng, sự hòa huyết, sinh sống giữa người Kinh và người Mường đã tạo nên con người Hoa Lư hiện nay. Vốn là những con người thuần nông, hiền lành, chất phác, hiếu khách, giàu truyền thống cách mạng, lại khéo tay hay làm, đã được ví von:

*“Chẳng thơm cũng thể hoa nhài  
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An”.*

❖ **Ẩm thực:**

+ **Tái dê:**

Tái dê đã trở thành món ăn đặc sản ở nơi đây. Huyện Hoa Lư có nhiều dãy núi đá vôi nên dê thường sống tập trung ở đó rất nhiều. Người ta bắt dê về làm lông thui vàng, mổ ra ướp với lá hương nhu hoặc lá cúc tần khoảng hơn chục phút, rồi lọc lấy thịt (để cả da) đem nhúng vào nước sôi cho chín tái, sau đó thái mỏng đều.

Lấy gừng đã rang giã dập, sả thái nhỏ, lá chanh gừng, ớt tươi thái nhỏ, nước chanh, bột ngọt đổ vào thịt dê đã thái sẵn, tất cả trộn đều, tạo nên một hương vị quyến rũ – đó chính là món tái dê.

Ngoài ra còn rất nhiều món được chế biến từ thịt dê như: Dê áp chảo, dê nướng, dê quay, dê hấp, tiết canh dê, rượu Ngọc dương.

Thịt dê phải ăn kèm với lá sung, quả chuối xanh, khế, lá mơ và điều quan trọng là phải có tương gừng để chấm. Thịt dê ăn rất mát, lành, bổ.





**Người ơi, người ở đừng về  
Ngày mai ta lại tái dê tương gừng**

+ **Nem dê:**

Quy trình chế biến nem phải tuân thủ chặt chẽ, nghiêm ngặt. Nem làm ra phải đảm bảo sạch, thơm, màu hồng tươi, để hàng tuần vẫn dùng được. Nem dê ăn cùng với lá sung, lá ổi, khế, quả chuối xanh, lá mơ, rau thơm, chấm với tương gừng. Khi ăn, người ăn sẽ cảm nhận được vị ngọt cay, thơm lan tỏa.



## **Nem dê**

+ **Cơm cháy:**

Cơm cháy được làm từ cơm đã nấu chín, dàn mỏng phơi khô, sau đó cho vào chảo dầu rán cho đến khi vàng giòn lấy ra bẻ thành từng mảnh cho vào bát. Thịt bò thăn thái lát, tim cật lợn thái mỏng, ướp gia vị cùng với cà chua, cà rốt, hành tây, nấm hương trộn đều, xào cho chín, tạo thành nước sốt. Sau đó đổ vào bát cơm vừa rán giòn tạo thành hương vị quyến rũ.



### **Món cơm cháy (Nhất hưởng thiên kim)**

#### **+ Cá chầu:**

Cá chầu hay còn gọi là cá Tiến vua, là một đặc sản vùng du lịch sinh thái Tam Cốc – Bích Động. Môi trường sống của cá Chầu là ở rầm cỏ, cây và hang hốc đá.

Người ta bắt cá về làm sạch, cạo vẩy, sau đó để nguyên con đem tẩm ướp với gia vị, mắm muối, bột ngọt, nước tương, gừng, sả, ớt giã nhỏ xoa đều thân cá rồi đem nướng trên than hồng. Trong khi nướng phải đảm bảo lửa đều để cá chín có màu vàng, thịt cá màu trắng, hương vị của cá chầu cũng rất đặc biệt, có hương thơm như thịt gà. Khi ăn, chấm cá với nước mắm gừng.

#### **+ Rượu Đam Khê:**

Êm dịu mà nồng nàn, luôn tạo nên những hương vị ngọt ngào, những cảm xúc khó quên khi thưởng thức rượu Đam Khê trong. Một loại rượu ngon mà khó lẫn với các loại rượu khác mà tên gọi của nó chính là tên của ngôi làng nhỏ, bình dị nằm trong quần thể khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.

Đam Khê theo nghĩa tiếng Hán có nghĩa là rất nhiều dòng sông, dòng suối trong xanh uốn lượn dưới các dãy núi cao, đan xen là những thung lũng nhỏ.

Những thung lũng đó luôn lắng đọng sự màu mỡ của đất, của nước tạo nên những mảnh ruộng phì nhiêu.

Người dân đã trồng trên đó một loại lúa nếp Hương là loại lúa luôn cho những hạt gạo, to, tròn, trắng đục và hương thơm dịu ngọt rất đặc trưng. Khi lúa đã vào mây, đỏ đuôi (chưa chín hẳn) họ thu hoạch phơi mỏng nhẹ tới khô, cất kỹ vào chum vại dùng để chưng cất rượu.

Men rượu được người Đam Khê làm theo phương thức gia truyền, chủ yếu làm bằng bột gạo và các cây thuốc mọc trên các sườn núi cao, gọi là men lá hay men thuốc bắc.

Nước nấu rượu được người Đam Khê lấy từ các giếng nước trong các mạch nước từ ruột núi chảy ra không bao giờ cạn, trong vắt cùng nhiều khoáng chất có lợi cho sức khỏe.

Từ phương thức nấu rượu gia truyền, bất kể các điều kiện về thời tiết, người Đam Khê quanh năm nấu rượu và càng để lâu, rượu lại càng thơm.

#### **❖ Làng nghề truyền thống:**

Hoa Lư có nhiều làng nghề truyền thống, nhưng nổi bật nhất, có ý nghĩa nhất với việc phát triển du lịch là nghề thêu ở thôn Văn Lâm xã Ninh Hải. Tương truyền, nghề thêu ren truyền thống ở thôn Văn Lâm do Linh từ quốc mẫu Trần Thị Dung khi cùng triều đình nhà Trần vào Vũ Lâm xây dựng hành cung Vũ Lâm năm 1258 đã truyền dạy cho nhân dân của thôn. Bà được nhân dân ở đây tôn là bà tổ của nghề thêu ren. Bà được thờ ở động Thiên Hương.

Các sản phẩm thêu ren rất phong phú: Ga trải giường, rèm cửa, gối, khăn bàn, khăn ăn, tay áo, tranh ảnh... Các mặt hàng này đã có mặt tại các thị trường Nga, Đức, Thụy Sĩ... và rất được ưa chuộng. Đây cũng là những mặt hàng phục vụ cho du khách tham quan du lịch tại các danh lam thắng cảnh của huyện, làm cho các sản phẩm du lịch thêm hấp dẫn.

Văn Lâm có hơn 1200 hộ và 3000 nhân khẩu, hiện Văn Lâm có tới 100% số hộ và nhân khẩu làm nghề thêu. Từ các cháu nhỏ 7 – 8 tuổi đến các cụ già 70 – 80 tuổi đều có thể cầm kim thêu được.

Theo ông Lê Văn Thiêm – trưởng thôn Văn Lâm: Các sản phẩm của nghề thêu ở thôn có tới hàng nghìn mẫu mã các loại. Đối với các hộ gia đình làm nghề đơn lẻ, họ làm ra sản phẩm đem bán cho du khách hoặc mở ki ốt bày bán. Đối với các doanh nghiệp, sản phẩm chủ yếu xuất khẩu thông qua các hợp đồng đã ký kết với các đối tác nước ngoài. Hiện tại, thôn có 7 doanh nghiệp hoạt động nghề thêu. Các doanh nghiệp không chỉ mở xưởng sản xuất tại địa phương mà còn thông qua các hình thức hợp tác: gia công, tổ chức nhiều điểm sản xuất ở địa phương trong và ngoài huyện. Hướng đi này không chỉ nhằm đảm bảo tiến độ, thời gian, số lượng hàng cho khách mà còn giải quyết việc làm cho nhân dân các địa phương trong thời điểm nông nhàn. Trong năm 2007, nhiều doanh nghiệp thêu ăn nên làm ra, đạt doanh thu cao như doanh nghiệp Pataco đạt trên 3 tỷ đồng... Với các gia đình làm hàng đơn lẻ thu từ nghề thêu cũng đạt 15 – 20000 đồng/người/ngày. Tổng giá trị từ nghề thêu ước tính đạt trên 10 tỷ đồng.

Làng nghề thêu truyền thống Văn Lâm được tỉnh công nhận năm 2006. Tháng 11 năm 2007, Hiệp hội Làng nghề Việt Nam cũng đã công nhận Văn Lâm là một trong 12 làng nghề tiêu biểu của cả nước. Thôn cũng đã tổ chức đón rước danh hiệu cao quý này từ Hà Nội về và làm lễ công nhận nghề nhân cho cụ Chu Văn Lượng 84 tuổi và cụ Đình Văn Uynh 78 tuổi, đồng thời tuyên dương 3 doanh nghiệp hoạt động tiêu biểu trong nghề thêu: Minh Trang, Pataco, An Lộc.

Văn Lâm hiện đang thực hiện phương châm: “ly nông bất ly hương”. Người dân ở đây đã phát triển nghề thêu kết hợp với phục vụ du lịch ngay trên quê hương mình. Nằm ngay trong khu du lịch nổi tiếng với hàng vạn lượt khách đến tham quan, Văn Lâm có thể phát triển thành một làng nghề du lịch, tạo ra một loại hình du lịch làng nghề lý tưởng với các khu sản xuất, bán hàng có quy mô lớn. Bên cạnh đó, việc tổ chức các ngày giỗ tổ, lễ hội đình làng, tôn vinh các nghề nhân, doanh nghiệp hoạt động nghề thêu... cũng là một trong nhiều hoạt động để duy trì và phát triển nghề, thu hút khách du lịch.



## **Biểu tượng của doanh nghiệp thêu ren Minh Trang**



## **Khẩu hiệu phát triển du lịch cộng đồng địa phương**



**Sản phẩm du lịch làm từ cói (vùng Kim Sơn)**



**Làng nghề thêu Văn Lâm**

→ **Đánh giá chung:**

Qua việc kiểm kê, đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn ở Tam Cốc – Bích Động, cố đô Hoa Lư có thể thấy:

Tam Cốc – Bích Động:

Tài nguyên du lịch nhân văn chủ yếu là đền chùa, chỉ có một lễ hội và một làng nghề

Các tài nguyên này có giá trị độc đáo về kiến trúc, lịch sử... có khả năng khai thác kết hợp với cảnh quan tự nhiên tạo thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn.

Khả năng khai thác các tài nguyên này là khá thuận lợi vì chúng nằm trên tuyến tham quan những phong cảnh tự nhiên của khu vực, đi lại dễ dàng.

Cố đô Hoa Lư: Tài nguyên chủ yếu là các đền, chùa, lễ hội... có giá trị về mặt lịch sử, kiến trúc, văn hóa...

Với các nguồn tài nguyên trên, dân cư địa phương tại hai khu du lịch Tam Cốc – Bích Động có rất nhiều điều kiện để tham gia vào hoạt động du lịch, từ việc tham gia vận chuyển tới cung ứng các sản phẩm du lịch cũng như tạo ra các dịch vụ phục vụ khách du lịch. Và hoạt động du lịch này diễn ra liên tục, quanh năm.

**2.1.2.2 Điều kiện kinh tế - xã hội:**

❖ **Đặc điểm về kinh tế:**

Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chính của xã Ninh Hải và Trường Yên. Diện tích gieo cấy toàn xã Ninh Hải năm 2006 là 494,36 ha. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 2529,2 tấn, tăng so với năm 2005 là 315,3 tấn. Năng suất lúa đạt 61 tạ/ha.

Năm 2006, cả xã có 10 doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Trong đó có 6 doanh nghiệp thuê ren xuất khẩu, 3 doanh nghiệp dịch vụ du lịch, một ban quản lý du lịch và trên 20 hộ làm nghề thuê ren vừa và nhỏ, cùng các hộ làm dịch vụ chõ đồ, bán hàng ăn, đồ lưu niệm...



Ngoài nghề thêu ren, ở đây là vùng núi đá vôi nên nghề làm đá, chế biến đá, làm gạch tuy – nen rất phổ biến. Do đó, thu hút được một lực lượng lao động của toàn huyện làm việc trong các nhà máy chế biến đá như: nhà máy phân lân cầu Yên, nhà máy xi măng Hệ Dưỡng... Bên cạnh đó, có làng nghề tác đá nghệ thuật ở xã Ninh Vân, phục vụ chủ yếu cho các công trình xây dựng như: Đình, chùa, miếu mạo... cùng các sản phẩm đáp ứng cho nhu cầu thú vui chơi non bộ với các chậu cảnh, bể cá cảnh.

Như vậy, nguồn thu nhập chủ yếu của huyện hiện nay là từ nông nghiệp và các nghề phụ. Hoạt động du lịch ở đây tuy phát triển, đóng ngân sách lớn cho huyện, cho tỉnh nhưng mới chỉ hoạt động sôi động ở hai khu vực Tam Cốc – Bích Động và Hoa Lư, giúp người dân 2 xã có thêm công ăn việc làm, thu nhập, nâng cao đời sống... Còn lại cuộc sống của những người dân ở các làng xã khác vẫn còn nghèo khó, lam lũ.

❖ ***Văn hóa xã hội:***

Các hoạt động văn hóa tuyên truyền đã tới tận thôn, xóm. Sinh hoạt văn hóa cộng đồng thường xuyên được duy trì. Trật tự an toàn xã hội được giữ vững và tăng cường, các tệ nạn xã hội giảm, công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo các gia đình nghèo, gia đình chính sách luôn được chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo.

❖ ***Dân cư – lao động:***

Theo điều tra năm 1993 thì:

87% dân số toàn huyện được phổ cập cấp I

56% phổ cập cấp II

18,5 % phổ cập cấp III

Toàn huyện chỉ có 0,35 % dân số có trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học. Đến 2003, toàn huyện phổ cập hết trung học cơ sở.

Riêng xã Ninh Hải, dân số trong khu khoảng 3400 người, đông nhất là thôn Đạm Khê và Hải Nham.

Tỷ lệ tăng dân số là 0,84 %

Số người trong độ tuổi lao động khoảng 1300 người

30 % có trình độ văn hóa tốt nghiệp PTTH

90% sống bằng nghề nông

Tổng thu nhập 4,7 triệu đồng/người/năm.

Đời sống còn gặp nhiều khó khăn

## **2.2 Thực trạng khai thác và phát triển du lịch cộng đồng ở Hoa**

### **Lư**

#### **2.2.1 Tổ chức quản lý Nhà nước về du lịch**

- Trước đây, hai địa danh nổi tiếng của huyện Hoa Lư là Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư là do 2 cơ quan quản của tỉnh Ninh Bình đảm nhiệm: Cố đô Hoa Lư thuộc Sở văn hóa Ninh Bình, còn khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thuộc sở Du lịch Ninh Bình. Giữa hai bên có sự phối hợp với nhau vì những mục đích chung: khai thác, bảo vệ tài nguyên, tăng doanh thu cho Tỉnh, Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho khách tham quan trong đó không thể tách rời UBND xã, huyện là hai cơ quan chức năng trực tiếp quản lý người dân địa phương.

Hiện nay, cả hai điểm trên đều thuộc Sở Văn hóa–Thể thao–Du lịch quản lý

- Khu du lịch **Tam Cốc - Bích Động** được ngành du lịch quản lý khai thác từ năm 1992 và giao cho công ty Du lịch Ninh Bình quản lý. Từ năm 2004, nhiều đơn vị cùng tham gia quản lý du lịch như:

+ Công ty cổ phần du lịch Ninh Bình khai thác tuyến du lịch Tam Cốc, đền Thái Vi, chùa Bích Động.

+ Công ty TNHH dịch vụ Bích Động quản lý khai thác tuyến du lịch Thạch Bích, Thung Nắng, Linh Cốc – Hải Nham.

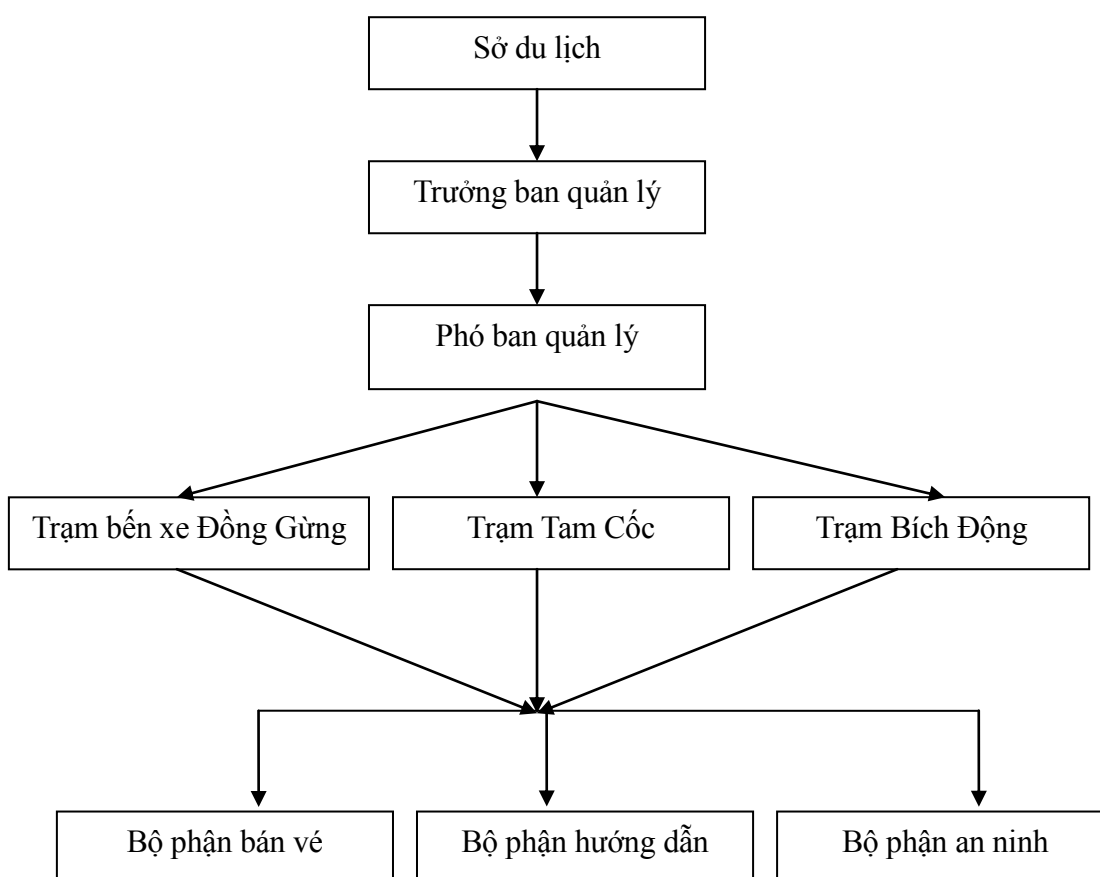
+ UBND xã Ninh Hải phụ trách công tác vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự và chở đò. Bên cạnh đó là sự tham gia của nhiều doanh nghiệp khác trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú, ăn uống...

Tuy có sự tham gia quản lý, khai thác kinh doanh của nhiều đơn vị nhưng trong giai đoạn này, khu du lịch không có một doanh nghiệp nào nắm vai trò chỉ

đạo điều hành. Điều này, đem đến cho khu du lịch tình hình kinh doanh phức tạp, mạnh ai người nấy làm, còn nhiều hạn chế và tồn tại trong công tác phục vụ khách du lịch.

Trước tình hình đó, để phát triển du lịch một cách bền vững, UBND tỉnh đã quyết định thành lập Ban quản lý (BQL) khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thuộc Sở du lịch theo quyết định 1961/2006/QĐ ngày 19/9/2006. Ban quản lý chính thức đi vào hoạt động 13/10/2006.

#### Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động



#### - Chức năng:

Là đơn vị thuộc Sở du lịch Ninh Bình giúp Giám đốc sở thực hiện công tác quy hoạch và đầu tư phát triển du lịch, quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, bảo vệ môi trường, trật tự an toàn xã hội và trực tiếp thực hiện việc bán vé danh lam, vé đò tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.

**- Cố đô Hoa Lư:**

Tất cả các công việc ở cố đô Hoa Lư do sở văn hóa tỉnh quản lý còn UBND huyện, UBND xã chỉ đạo việc thu phí kinh doanh của các hộ dân buôn bán. Trước đây, công việc này do UBND huyện đảm nhiệm nhưng bắt đầu từ năm 2003 trở đi là do UBND xã. UBND xã đã phối hợp với công an huyện Hoa Lư, Ban quản lý di tích tăng cường quản lý an ninh trật tự ở khu du lịch bằng việc phân công cụ thể như: khu nội trị hai đền, bến xe do Ban lý di tích bảo.

**2.2.2 Vốn đầu tư cho du lịch:**

**❖ Tam Cốc – Bích Động:**

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động là một trong 20 khu du lịch chuyên đề được Tổng cục du lịch Việt Nam phê duyệt nhằm tập trung nâng cao và hoàn thiện. Cho nên, khu du lịch Tam Cốc – Bích Động hiện nay đang trong giai đoạn tiến hành thi công dự án quy hoạch từ 1997 – 2010, dự án được chia làm 2 giai đoạn:

**Giai đoạn 1: 1997 – 2005**

**Giai đoạn 2: 2005 – 2010**

Tính đến năm 2006, cả khu du lịch đã thu hút được 353,86 tỷ vốn đầu tư. Trong đó, vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng chiếm số lượng lớn nhất, khoảng 208,15 tỷ đồng, chiếm 66,86 %. Nguồn vốn này chủ yếu do ngân sách nhà nước đầu tư. Vốn đầu tư cho cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch là 145,71 tỷ đồng chiếm 33,32 %. Không có dự án đầu tư FDI hoặc liên doanh nào.

**Hiện trạng đầu tư vào khu du lịch Tam Cốc – Bích Động tính đến năm 2006**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

	<b>Nội dung đầu tư</b>	<b>Tổng số vốn đầu tư</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị đầu tư</b>
Đầu tư cơ sở hạ tầng	Nâng cấp CSHT khu du lịch	208,15	2001 - nay	Sở du lịch
	Đầu tư CSHT tuyến Linh Cốc – Hải Nham	8,3	2005 – nay	Sở du lịch
Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật	Tuyến du lịch Linh Cốc – Hải Nham	59,9	2004 – nay	Cty DVDL Bích Động
	Nhà hàng Anh Dũng	15	2003 – 2005	DN Anh Dũng
	Nhà hàng Hoàng Đức	2	2002 – 2003	DN Hoàng Đức
	Nhà hàng Thế Long	20	2004 – nay	DN Thế Long
	Khu cổ viên Liễu	5	2004 – nay	DN Minh Thoa
	Khu du lịch sinh thái Thung Nham	30	2005 – nay	DN Doanh Sinh
	Trụ sở làm việc và phòng nghỉ	3,81	2005 – nay	Cục thuế Ninh Bình
	Nhà nghỉ Anh Quân	10	2005 – nay	DN Anh Quân
	<b>Tổng cộng</b>	<b>353,86</b>		

*Nguồn: Sở du lịch Ninh Bình*

**Cố đô Hoa Lư:**

Cố đô Hoa Lư là di tích lịch sử mang tính quốc gia cho nên được sự quan tâm của nhà nước, của tỉnh Ninh Bình. Trong năm 1995, để trùng tu, xây dựng cố đô Hoa Lư đã được Nhà nước đầu tư 8 tỷ đồng, của tỉnh Ninh Bình là 1,5 tỷ đồng. Cũng chính vì ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tiến trình lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 7 tháng 7 năm 2000, Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội cùng với các tỉnh ủy, HDND, UBND tỉnh Ninh Bình đã tiến hành xây dựng công trình Nhà bia tưởng niệm vua Lý Thái Tổ ở khu di tích Cố đô Hoa Lư nhân dịp kỷ niệm 990 năm vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long (1010 –

2010). Công trình khánh thành ngày 29 tháng 9 năm 2000 tạo cho quần thể di tích Cố đô thêm đa dạng, phong phú.

### **2.2.3 Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch:**

#### **❖ Giao thông vận tải:**

- Đường bộ:

+ Tam Cốc – Bích Động:

Đoạn đường từ quốc lộ 1A vào trung tâm khu du lịch dài khoảng 3 km đã được đầu tư xây dựng với hai làn đường trải nhựa, hai bên đường trồng cây xanh, có công vào khu du lịch rất đẹp.

Đoạn đường nhánh từ khu trung tâm tới chùa Bích Động dài 3 km tới đền Thái Vi đang được đầu tư nâng cấp.

+ Cố đô Hoa Lư:

Từ Hà Nội xuôi theo quốc lộ 1A rẽ phải vào khu di tích cố đô, đoạn đường này đã được hoàn thiện, rất thoáng và rộng rãi.

Chỉ còn đường vào khu đỗ xe tại khu di tích là đang trong quá trình hoàn thiện.

+ Con đường nối liền hai điểm du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư đã được mở mang, sửa chữa để giúp việc chuyên chở khách được thuận lợi hơn, tạo sự quy tụ giữa các điểm du lịch.

- Đường thủy:

Khu bến thuyền Cây đa (Đình Các) đi tham quan 3 hang (Tam Cốc) đã được nạo vét và kè đá xung quanh.

Các tuyến đường thủy vào tham quan 3 điểm du lịch mới là Thung Nắng, Thung Nham và quần thể hang Chùa, hang Ghé, hang Bụt, hang Hiều đang được xây dựng.

#### **❖ Thông tin liên lạc:**

Thông tin liên lạc giữa các khu du lịch với các vùng khác trong nước và trên thế giới rất thuận tiện. Ngay tại khu trung tâm (bến xe Đồng Gùng) đã có một

chi nhánh bưu điện của huyện Hoa Lư được trang bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu liên lạc trong nước và quốc tế, bao gồm 1 tổng đài tự động và 5 máy điện thoại. Tổng đài đã hòa mạng thông tin di động Vinaphone, Mobiphone, Viettel, đã nối mạng Internet.

**❖ Điện:**

Hiện tại 100% số thôn trong khu du lịch đã có điện, 78% số hộ dùng điện. Mạng lưới cung cấp điện ở trạng thái tốt. Tuy nhiên, khu du lịch Tam Cốc – Bích Động vẫn chưa có trạm biến áp riêng mà vẫn sử dụng chung nguồn điện lưới của địa phương, dẫn đến việc sử dụng điện cho các hoạt động du lịch là thiếu ổn định.

**❖ Nước:**

Tại khu vực, hiện có 8 bể chứa nước mưa với tổng dung tích khoảng 100m<sup>3</sup> và 3 giếng khoan có khả năng cung cấp 200m<sup>3</sup>/ngàyđêm. Ngoài ra còn có 2 trạm cấp nước trung tâm lấy nước ngầm nhưng cũng chỉ hoạt động được 60% công suất.

Người dân trong vùng chủ yếu sử dụng nước giếng và nước mưa, dẫn tới chất lượng nước chưa đảm bảo vệ sinh.

**❖ Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

Nước thải của khu vực thải qua 8 hệ thống cống nhưng chưa qua xử lý. Hầu hết nước thải sinh hoạt, nước thải từ các nhà hàng khách sạn đều thải một cách tự nhiên ra môi trường.

Tại khu trung tâm điều hành của khu du lịch có hoạt động thu gom xử lý rác thải, đạt khoảng 80%, chủ yếu xử lý bằng cách chôn lấp.

## **2.2.4 Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch:**

***Bảng: Hiện trạng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.***

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2000</i>	<i>2001</i>	<i>2002</i>	<i>2003</i>	<i>2004</i>	<i>2005</i>	<i>2008</i>
1	Số lượng nhà nghỉ	1	1	2	3	3	4	5
	Số lượng phòng	10	10	20	30	30	30	90
2	Nhà hàng ăn uống	7	7	10	12	16	16	18
3	Cơ sở bán hàng lưu niệm	10	10	12	15	30	30	35

*Nguồn: Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động*

### **❖ Cơ sở lưu trú:**

Do khoảng cách từ khu du lịch Tam Cốc – Bích Động đến thành phố Ninh Bình là rất gần, khoảng 7 km, các tuyến tham quan trong khu du lịch chỉ đi về trong ngày. Cho nên khách du lịch thường đến tham quan rồi quay về Ninh Bình nghỉ. Bởi vậy, tỉ lệ khách tham quan trong ngày của khu du lịch là rất cao, gần 99%. Thực tế trên khiến các doanh nghiệp không mặn mà với việc xây dựng các cơ sở lưu trú tại khu du lịch.

Tính đến năm 2006, khu du lịch Tam Cốc – Bích Động chưa có khách sạn mà chỉ có 4 nhà nghỉ phục vụ khách du lịch với khoảng 48 phòng, chất lượng dịch vụ không cao, chưa đáp ứng được nhu cầu phục vụ khách du lịch, đặc biệt là những đối tượng khách du lịch có thu nhập cao khách du lịch quốc tế, khách du lịch công vụ.

Hiện nay, tại khu du lịch đã có 5 khách sạn với hơn 90 phòng đủ tiêu chuẩn đón tiếp khách và 3 khách sạn đang trong quá trình xây dựng. Khu du lịch cũng dự kiến xây dựng hệ thống khách sạn cao cấp 3 sao để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.



❖ **Cơ sở ăn uống:**

Hiện nay có gần 20 nhà hàng, cũng đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của khách. Tuy vậy, quy mô các nhà hàng còn nhỏ, thực đơn chưa phong phú, chất lượng phục vụ còn chưa cao, chưa chuyên nghiệp, môi trường kém hấp dẫn.

Thực tế, vào những dịp cao điểm hoặc đơn giản chỉ cuối tuần, hầu như các nhà hàng đều quá tải. Thậm chí, nhiều nhà hàng không nằm tại khu du lịch như: Nhà hàng Hương Mai ở đường Trần Hưng Đạo, vào dịp đầu năm – khi các tour du lịch Ninh Bình, đặc biệt du lịch lễ hội nhiều thì xảy ra tình trạng quá tải: Khách đặt xuất ăn từ trước (các công ty lữ hành hoặc các đoàn) mà số lượng ít sẽ không nhận đặt (phải trên 15 xuất); khách đông mà đến cùng một lúc không chỗ ngồi, phải đứng bên ngoài; hoặc không phục vụ khách đi lẻ... mặc dù chất lượng đồ ăn của nhà hàng là tương đối tốt, hợp lý nhưng khả năng đáp ứng còn thấp nên gây cho khách sự cảm nhận, ấn tượng không tốt.

❖ **Các khu vui chơi giải trí và bán hàng lưu niệm:**

Hiện tại, khu vực này chưa có một cơ sở vui chơi giải trí nào phục vụ du khách. Nguyên nhân là khu du lịch còn nhiều hạn chế trong việc thu hút vốn đầu tư vào các dự án vui chơi giải trí. Và nguyên nhân sâu xa nhất vẫn là do đặc điểm, tính chất tham quan của du khách: đi trong ngày, số lượng khách lưu lại qua đêm tại đây là rất ít.

Về cơ sở bán hàng lưu niệm, tại khu du lịch có khoảng 35 cơ sở với quy mô nhỏ, các mặt hàng chủ yếu là thủ công mỹ nghệ truyền thống của địa phương như: các mặt hàng thêu ren, các sản phẩm từ cói, gỗ trạm khắc, bưu ảnh...

❖ **Phương tiện vận chuyển khách du lịch:**

Phương tiện vận chuyển khách của khu du lịch Tam Cốc – Bích Động chủ yếu là thuyền, hiện cả khu du lịch có 1650 thuyền phục vụ khách du lịch. Đầu năm 2007, một số công ty lữ hành với mục đích tạo ra sức hấp dẫn của chuyến đi cho du khách, đặc biệt là khách quốc tế, đã sử dụng phương tiện vận chuyển của địa phương là Xe bò để vận chuyển khách du lịch từ trung tâm vào chùa Bích

Động, số lượng khoảng hơn 10 chiếc, chủ yếu huy động người dân địa phương tham gia.

### **2.2.5 Lao động việc làm:**

Qua số liệu thống kê của Sở du lịch Ninh Bình cho thấy:

2 Giai đoạn từ năm 2000 – 2005, cùng với sự gia tăng về lượng khách, số lao động tham gia vào lĩnh vực du lịch tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động cũng được tăng lên: Năm 2000 thu hút được 128 lao động, năm 2005 con số này tăng lên gấp đôi, tăng trưởng bình quân năm 13,36 %.

#### **Số lao động địa phương tính đến quý I năm 2008 như sau:**

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng (người)</b>
Tổng lao động du lịch	2480
Chở đò	1620
Chụp ảnh	250
Bán hàng lưu niệm	60
Thêu ren	250
Nhà hàng	300

Số lao động làm việc trong Ban quản lý khu du lịch hiện tại là 55 người, được chia thành các bộ phận: Văn phòng, an ninh, hướng dẫn, bán vé. Nhìn chung, lao động việc làm trong ban quản lý là lao động đã được đào tạo, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ...

Về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu phục vụ khách du lịch về số lượng. Đội ngũ lao động đã qua đào tạo chiếm tỷ trọng nhỏ, khoảng 37,7%.

### **2.2.6 Khách du lịch:**

#### **❖ Đặc điểm của thị trường khách:**

Khách du lịch đến với khu du lịch chủ yếu là khách tham quan, khách có lưu trú chiếm tỉ lệ rất nhỏ, mức chi tiêu trung bình thấp. Do khu du lịch Tam Cốc – Bích Động rất gần về địa lý so với Hà Nội, thành phố Ninh Bình – là trung tâm của khách nên các đoàn khách thường được bố trí đi về trong ngày. Hơn nữa, do đặc điểm khoảng cách các điểm tham quan tại khu du lịch ngắn và rất ngắn nên hầu hết các công ty lữ hành tổ chức đoàn tham quan không lưu trú qua đêm.

Thị trường khách đến đây gồm cả khách du lịch quốc tế và du lịch nội địa:

+ *Khách du lịch quốc tế:*

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư nằm trong vùng châu thổ sông Hồng, thị trường khách du lịch quốc tế chịu ảnh hưởng lớn của trung tâm du lịch Hà Nội nên đối tượng khách chủ yếu là: khách du lịch các nước Asean, khách du lịch Tây Âu, khách du lịch Đông Á – Thái Bình Dương...

+ *Khách du lịch nội địa:*

Khách du lịch nội địa đến đây rất đa dạng, thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần nghề nghiệp khác nhau, từ nhiều địa phương khác nhau. Họ thường đi theo đoàn, nhóm, cũng có một số khách đi lẻ.

- Khách du lịch thương mại, du lịch công vụ: chủ yếu từ Hà Nội và các thành phố lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh.

- Khách du lịch lễ hội, tín ngưỡng; trong những năm gần đây, lượng khách này tăng rất nhanh

- Khách du lịch tham quan thắng cảnh
- Khách du lịch đi tour trên tuyến du lịch Bắc – Nam
- Khách du lịch cuối tuần

**❖ Lượng khách du lịch đến Tam Cốc – Bích Động:**

**Bảng: Số khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động so với cả tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2002 – 2006**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>2002</i>	<i>2003</i>	<i>2004</i>	<i>2005</i>	<i>2006</i>
Lượt khách tới TC-BD	Lượt	187300	195610	236020	196080	177636
Mức tăng trưởng	%	-	4,44	20,66	- 16,03	- 9,41
Tỉ lệ tham quan	%	93,67	97,57	99,13	99,2	-
Tỷ lệ khách lưu trú	%	6,33	2,43	0,87	0,8	-
Lượt khách tới Ninh Bình	Lượt	647100	739670	877340	1021200	1186980
Tỉ lệ TC-BD/NB	%	28,95	26,45	26,91	25,32	14,96

*Nguồn: Sở du lịch Ninh Bình*

Theo bảng số liệu trên, ta thấy: lượng khách đến khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, có mức tăng trưởng không đều và có xu hướng giảm trong những năm gần đây.

Giai đoạn 2002 – 2004 lượng khách tới Tam Cốc – Bích Động có tăng nhưng nhịp độ tăng không đều giữa các năm. Nếu như năm 2003, mức tăng trưởng chỉ là 4,44% thì năm 2004 lên tới 20,66%. Yếu tố làm cho khách du lịch tăng lên đột biến ở thời điểm năm 2004 là do cuối năm 2003, đầu năm 2004 Việt Nam có tổ chức Segame, Ninh Bình đăng cai thi đấu môn bóng chuyền nên có một lượng lớn các cổ động viên, vận động viên của các đoàn thể thao tới Ninh Bình tham gia thi đấu, sau khi kết thúc giải họ kết hợp đi tham quan một số điểm du lịch trong tỉnh, trong đó có khu Tam Cốc – Bích Động.

Giai đoạn 2004 – 2006, khách du lịch tới Tam Cốc có xu hướng giảm.

Cũng qua bảng thống kê có thể thấy, trong tổng số khách đến Ninh Bình thì lượng khách đến Tam Cốc – Bích Động chiếm tỷ lệ khá cao. Năm 2002, chiếm 28,95%. Tuy nhiên, tỉ lệ này đang có xu hướng giảm dần, tới năm 2006 tỉ lệ này chỉ còn 14,96%. Nguyên nhân là do có nhiều khu du lịch khác của tỉnh Ninh Bình đã đưa vào khai thác như: khu Vân Long, khu Tràng An, khu Kênh Gà, Bái Đính... dẫn tới Tam Cốc – Bích Động phải chia sẻ nguồn khách.

### ***Bảng cơ cấu khách tham quan Tam Cốc – Bích Động***

Địa điểm	Tam Cốc – Bích Động						Ninh Bình			
	Khách du lịch Nội địa			Khách du lịch Quốc tế			Khách du lịch Nội địa		Khách du lịch Quốc tế	
Năm	Số lượng (lượt)	% khách nội địa	Mức tăng trưởng (%)	Số lượng (lượt)	% khách quốc tế	Mức tăng trưởng (%)	Số lượng (lượt)	TC-BD/NB	Số lượng (lượt)	TC-BD/NB (%)
2002	106102	56,65	-	81198	43,35	-	292730	27,02	245380	31,92
2003	108730	55,58	2,48	86880	44,42	7,0	520870	27,96	218800	39,71
2004	109510	46,39	0,72	126510	55,61	45,62	589440	18,58	287900	43,94
2005	87597	44,68	-20,02	108483	55,32	-14,25	691389	12,66	329847	32,92
2006	76163	42,88	-13,06	101473	57,12	-6,5	811971	9,38	373017	27,05

*Nguồn: Sở du lịch Ninh Bình*

Theo bảng số liệu, trong tổng số khách đến Tam Cốc – Bích Động thì khách du lịch quốc tế luôn chiếm tỷ lệ cao và có xu hướng tăng lên qua các năm. Tuy nhiên, giai đoạn 2004 – 2006, mức tăng trưởng khách quốc tế có xu hướng giảm, năm 2005 giảm còn 14,5% so với năm 2004, năm 2006 giảm 6,5 % so với năm 2005.

Khách du lịch quốc tế đến Tam Cốc – Bích Động chiếm tỷ lệ cao trong tổng số khách quốc tế đến Ninh Bình. Năm 2004, tỷ lệ này là 43,44%, chiếm gần một nửa lượng khách quốc tế đến Ninh Bình. Tuy nhiên, tỷ trọng này đang có xu hướng giảm dần, năm 2006 chỉ còn 27,05%. Nguyên nhân là khu du lịch Tam Cốc – Bích Động phải chia sẻ nguồn khách với các khu du lịch khác trong tỉnh mới được đưa vào khai thác, và cũng tại khu du lịch còn nhiều hạn chế trong việc phát triển, sản phẩm du lịch thì đơn điệu, cơ sở vật chất kỹ thuật còn chưa hoàn thiện.

**→ Đánh giá chung:**

Qua việc phân tích hiện trạng khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động trong các giai đoạn có thể rút ra nhận xét:

Khách du lịch đến Tam Cốc – Bích Động chủ yếu là khách du lịch đi theo đoàn, thông qua các công ty lữ hành trong nước, khách đi lẻ rất ít.

Tỷ trọng khách tham quan du lịch rất cao, khoảng 90% trong tổng số khách.

Lượng khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động đang có xu hướng giảm dần. Thị trường khách chính của khu du lịch là khách quốc tế, thể hiện ở tỷ trọng khách du lịch trong tổng số khách du lịch đến Tam Cốc – Bích Động liên tục tăng, năm 2006 chiếm 57,11 % tổng số khách tới Tam Cốc – Bích Động.

### **2.2.7 Doanh thu**

**Bảng Doanh thu du lịch của Tam Cốc – Bích Động**

	<b>Hạng mục</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>
<b>Tam Cốc – Bích Động</b>	Tổng lượt khách (lượt)	195610	236020	196080	177636
	Tổng doanh thu (tỷ)	-	7,797	7,754	8,398
	Mức tăng trưởng (%)	-	-	0,6	8,3
<b>Ninh Bình</b>	Tổng lượt khách (lượt)	739670	877340	1021200	1186980
	Tổng doanh thu(tỷ)	41,612	51	63,117	87,997
	Tỷ trọng TC – BD/NB	-	15,2	12,2	9,5

*Nguồn: Sở du lịch Ninh Bình.*

Tuy khách du lịch đến Tam Cốc có xu hướng giảm nhưng doanh thu của khu có xu hướng tăng lên qua các năm. Năm 2004, tổng doanh thu là 7,797 tỷ đồng, đến năm 2006 là 8,3 tỷ đồng, tăng 8,3% so với năm 2005. Nguyên nhân là cuối năm 2005 đầu năm 2006 khu du lịch áp dụng mức phí tham quan và thu vé đồ mới, mức chi tiêu của khách du lịch cũng tăng so với trước.

Nếu so sánh doanh thu du lịch của khu du lịch này với tổng doanh thu du lịch của cả tỉnh Ninh Bình thì tỷ trọng tổng doanh thu của khu du lịch so với tổng doanh thu của cả tỉnh đang có xu hướng giảm dần. Năm 2004, tổng doanh thu của cả khu du lịch chiếm 15,2% tổng doanh thu du lịch của cả tỉnh, đến năm 2006 con số này chỉ còn 9,5 %.

Nhìn chung, so sánh giữa tổng lượt khách với tổng doanh thu của khu du lịch thì doanh thu như thế là tương đối thấp. Năm 2007 toàn khu đạt doanh thu là 10,808 tỷ đồng.

**Bảng kết quả doanh thu năm 2002 của Công ty du lịch Ninh Bình tại khu Tam Cốc – Bích Động**

*Đơn vị: triệu đồng*

Các chỉ tiêu	Thực hiện	% So sánh	
	Năm 2002	Năm 2001	Kế hoạch giao
Tổng doanh thu	6458	+ 8	92,8
Doanh thu danh lam	3959	+ 17	99
Doanh thu dịch vụ đò	1609	+ 17	100,6
Doanh thu ăn uống	385	- 29	55
Doanh thu nghỉ	266	- 27	88,7
Doanh thu lễ hành	108	+ 68	108
Doanh thu dịch vụ khác	131	- 54	43,7

Theo bảng trên, ngoài doanh thu từ danh lam thì doanh thu từ dịch vụ chèo đò chiếm phần lớn trong tổng doanh thu. Điều này cũng có nghĩa, vai trò – sự tham gia của người dân địa phương là rất lớn.

Mặt khác, doanh thu từ dịch vụ lưu trú chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong khi kinh doanh du lịch hiện tại ở Việt Nam thì doanh thu từ lưu trú chiếm tỷ lệ cao nhất, sau đó đến ăn uống, đi lại... Do đó có thể thấy, cơ cấu doanh thu ở đây còn nhiều hạn chế.

Ở Hoa Lư số lượng khách tương đối ổn định nên doanh thu cũng không có nhiều biến động.

**Bảng Doanh thu cổ đô Hoa Lư 2002 – 2003**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Năm	2000	2001	2002
Doanh thu	510	610	600

### **2.2.8 Các tuyến du lịch**

#### **- Tuyến Tam Cốc:**

Hành trình đi bằng thuyền, điểm xuất phát từ bến thuyền Cây Đa (Đình Các) đi trên sông Ngô Đồng qua hang Cả, hang Hai, hang Ba, sau đó quay lại bến Thánh lên thăm đền Thái Vi, động Thiên Hương. Thời gian tham quan khoảng từ 2 – 3 giờ.

#### **- Tuyến Bích Động:**

Hành trình đi từ trung tâm bến Cây Đa bằng đường bộ theo hướng Tây Nam vào thăm chùa Bích Động gồm: chùa Hạ, chùa Trung, chùa Thượng nằm dọc theo sườn núi Bích Động, cung đường đi 3 km, thời gian khoảng 2 giờ.

Đây là 2 tuyến chính, ngoài ra còn có một số tuyến du lịch khác như:

+ Tuyến Bích Động – chùa Linh Cốc – Động Tiên – Xuyên thủy động

+ Thạch Bích – Thung Nắng

### **2.3 Thực trạng và kết quả tham gia của cộng đồng địa phương tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư.**

#### **2.3.1 Thành phần tham gia hoạt động du lịch**

Huyện Hoa Lư có trên 11 vạn dân nhưng không phải là toàn bộ số dân của huyện trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch mà chỉ diễn ra ở một số xã, thôn có điểm du lịch như: Tam Cốc – Bích Động (xã Ninh Hải), cố đô Hoa Lư (xã Trường Yên) và một số thôn có các địa danh nằm trong khu vực phụ cận như: Động Vân Trình, Am Tiêm, động Bảy chú lùn.

Tham gia du lịch một cách đầy đủ nhất, có quy lớn hơn cả phải nói đến khu Trung tâm du lịch Tam Cốc (thuộc thôn Văn Lâm – Ninh Hải) với gần 2000 hộ dân, gần 100% số hộ gia đình tham gia dịch vụ du lịch như: chèo thuyền đưa đón khách, thuê ren, bán hàng... Số hộ thuần nông ở đây chỉ chiếm khoảng 4%. Như vậy, dịch vụ du lịch đã trở thành ngành kinh tế chủ yếu của địa phương mà vốn trước đây là một xã thuần nông.



Ở cố đô Hoa Lư, hoạt động dịch vụ ít sôi động, không liên tục như ở Tam Cốc – Bích Động. Người dân ở đây tham gia chủ yếu là: Bảo vệ, trông xe, bán hàng lưu niệm. Họ cũng có chèo thuyền nhưng chỉ khi khách có nhu cầu đi tham quan các hang động xung quanh. Tất cả các hoạt động của người dân ở khu vực này chỉ là tự phát, họ chỉ đóng thuế cho nhà nước trong những trường hợp là những chủ kinh doanh lớn. Hàng năm, vào ngày lễ hội Trường Yên (10/03) người dân địa phương cũng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm chủ yếu của địa phương.

### **2.3.2 Hình thức tham gia của người dân**

- *Hoạt động vận chuyển:*

+ *Chở đò:*

Người dân tham gia chủ yếu vào hoạt động chuyên chở đò đưa khách đi tham quan. Người dân tự bỏ tiền mua sắm phương tiện (3.000.000đ/thuyền) và bỏ sức lao động ra chuyên chở.

Nếu như năm 1997, phương tiện vận chuyển đò là 1525 thuyền nan, gỗ để vận chuyển khách đi tham quan các hang động (trong đó 1500 chiếc là của dân và 25 chiếc là của Trung tâm du lịch) thì hiện nay, các thuyền nan đều được thay bằng tôn với gần 2000 thuyền, riêng thôn Văn Lâm khoảng 1200 thuyền. Hầu hết là thuyền của người dân địa phương còn của công ty du lịch khoảng 8 chiếc thuyền máy, chủ yếu là để chuyên chở các nhà quản lý, cán bộ đi khảo sát hoặc có đoàn khách có thời gian đi quá ngắn.

Tất cả việc chuyên chở đò được giao cho những người dân thôn Văn Lâm – thôn trực tiếp có bến bãi ở Tam Cốc – Bích Động. Số đò được tính trên hộ gia đình. Cứ mỗi hộ gia đình là một con thuyền (hộ gia đình ở đây được tính theo một thế hệ). Nếu gia đình nào có 3 thế hệ sống chung một nhà thì có 3 thuyền chở đò. Người dân ở đây không dám chở đò lậu vé nữa bởi nếu bị Ban quản lý phát hiện thì sẽ bị ngừng chở đò trong vòng một năm.

Hiện nay tại bến Đình Các (Tam Cốc) có khoảng 1200 đò, tại bến Xuyên Thủy Động (thôn Đạm Khê) có khoảng 600 thuyền, ngoài ra còn có các thuyền

chuyên chở ở Thung Nắng... Những thuyền này chủ yếu là của người dân, bên cạnh đó là của các hội tập thể như: Hội phụ nữ, đoàn Thanh niên, hội Cựu chiến binh... Việc cấp số thuyền cho các hội này để giúp đóng góp vào ngân quỹ của các hội, chi phí cho các đoàn thể trong quá trình hoạt động. Khi họ không chở thuyền thì bán lại hoặc điều lại số đò cho các hộ dân.

Các số đò được đánh theo số thứ tự, chuyên chở theo quay vòng:

+ Nếu chuyên chở khách Việt Nam thì được tính từ **1 – 1200**

+ Nếu chuyên chở khách quốc tế thì được quay vòng lại từ **1200 – 1**.

Cứ đến lượt gia đình nào thì gia đình đó chuyên chở. Nếu các đò không ra bến hay đến chậm sẽ bị mất lượt. Chính vì thế hàng ngày, mọi lúc, mọi nơi đều có bà con trong thôn ngồi đợi để chuyên chở khách khi đến lượt. Vì số hộ gia đình đông như vậy nên số lần chuyên chở trung bình của mỗi hộ gia đình là:

**5 – 6** lần/khách quốc tế/tháng/hộ gia đình.

**3 – 4** lần/khách Việt Nam/tháng/hộ gia đình.

Trung bình, tổng **8 – 10** lần chuyên chở khách/tháng/hộ gia đình, chủ yếu vào mùa đông. Còn vào những tháng hè (cuối tháng 5 đến tháng 7), khách đi biển là chủ yếu nên đến đây ít hơn. Do vậy, số lượt đò giảm đi.

+ Hoạt động chở xe ôm

+ Vận chuyển bằng xe bò, trâu.

- Bán hàng lưu niệm

- Cung cấp một số sản phẩm du lịch cho du khách và cho các nhà cung ứng

dịch vụ.

Như vậy, người dân ở đây vẫn chỉ là những người làm thuê, chưa thực sự được tham gia vào quá trình quy hoạch, quản lý.

### ***2.3.3 Thu nhập của người dân địa phương từ hoạt động du lịch***

#### **❖ Giá vé:**

Theo quyết định số 1561/QĐ – UBND ngày 20 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành các khoản phí và lệ phí:

Có 2 loại vé:

1. Phí **tham quan** danh lam thắng cảnh Tam Cốc – Bích Động:

- Người lớn (Khách quốc tế và trong nước)

**30.000** đồng/người/lượt.

- Trẻ em, học sinh (6 -15 tuổi)

**10.000** đồng/người/lượt.

2. Phí **chở đò** tuyến Tam Cốc:

**60.000** đồng/thuyền

- Tối đa 02 người/đò đối với khách quốc tế/thuyền.

- Tối đa 04 người/đò đối với khách trong nước/thuyền.

Vé chỉ có giá trị trong ngày.

→ Như vậy, giá vé so với thời điểm năm **2002**:

**55.000** đồng/người đối với khách quốc tế

**13.000** đồng/người đối với khách Việt Nam

Thì giá vé và cách thức bán vé hiện nay có sự khác biệt. Giá vé *không có sự phân biệt giữa khách du lịch là người Việt Nam hay quốc tế. Đây là sự điều chỉnh hết sức hợp lý.*

Ngoài ra, giá vé tại các điểm du lịch mới đưa vào khai thác như sau:

Giá vé Xuyên thủy động: **25.000** đồng/người

Giá vé Thung Nắng: **45.000** đồng/người.

Giá vé ở hai đền Đinh – Lê là **10.000** đồng/người/lượt.

❖ **Thu nhập:**

*Từ chở đò:*

Khi nhận chở mỗi chuyến đò người dân sẽ được phát một “vé trắng”. Nó chính là phiếu thanh toán công chở đò của mỗi người dân với Ban quản lý. Phiếu thanh toán này cũng có giá trị trong ngày, ngày nào thanh toán luôn ngày đó.

Cứ 01 thuyền (01 vé) với tổng phí chở là **60.000** đồng thì người dân được giữ lại: **45.000** đồng.

→ **Thu nhập trung bình một tháng sẽ là:**

**360.000** đồng – **450.000** đồng/tháng.

Tuy nhiên, trong quá trình chuyên chở khách, người chở đồ còn có các khoản thu khác như: Bán hàng thủ công, tiền thưởng của khách... nên số thu nhập có thể cao hơn nhưng không ổn định.

Đối với dân cư ở thôn Đạm Khê, cứ mỗi vé giá 25.000 đồng thì người chở đồ được giữ lại **19.000** đồng. Song, lượng khách tại Xuyên Thủy động là rất ít nên thu nhập của người dân không ổn định.

Nhân lực chở thuyền phần lớn là phụ nữ, còn đàn ông thường đi làm các công việc khác; thường họ chỉ đi làm khi có khách quốc tế vì một người chèo đò, còn một người bán hàng.

*Thu nhập từ hàng lưu niệm:*

Mấy năm gần đây, do nhu cầu tham quan du lịch ngày càng lớn nên các dịch vụ phục vụ cho du khách trên địa bàn rất phát triển. Ngoài việc chuyên chở đò ra, nếu gia đình nào có vốn thì kinh doanh thêm các mặt hàng lưu niệm phục vụ khách trên bến bãi. Lượng mặt hàng đa dạng hay phong phú phụ thuộc vào lượng tiền vốn ít hay nhiều. Hiện nay, trên địa bàn của hai khu du lịch, số lượng các ki ốt bán hàng, các hàng quán cố định của các hộ dân có khoảng 60 – 80 hàng quán: Ở Tam Cốc – Bích Động khoảng **40 – 50** hàng quán

Ở Hoa Lư khoảng **20 – 30** hàng quán.

Vào các ngày nghỉ, thứ 7 hoặc Chủ nhật... số lượng hàng quán có thể nhiều hơn do sự tham gia của các hộ bán buôn nhỏ, bán hàng “lưu động”. Các mặt hàng phần lớn là sản phẩm thủ ren, ngoài ra còn có một số mặt hàng lưu niệm như: sản phẩm cói của huyện Kim Sơn, các đồ chơi, túi xách, cây cảnh (chủ yếu là các loại phong lan)...

**Bảng điều tra mức thu nhập của cộng đồng dân cư thôn Văn Lâm  
(Tam Cốc – Bích Động)**

Mức thu nhập (đồng)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)
Dưới 100.000	1	2,5
Từ 100.000 – 200.000	3	7,5
Từ trên 200.000 – 500.000	30	75
Trên 500.000	7	17,5
<b>Cộng:</b>	40	100

*Nguồn: Tự tổng hợp và điều tra*

Qua bảng số liệu trên có thể thấy, nhờ hoạt động du lịch mà thu nhập của dân cư nơi đây được cải thiện và nâng cao.

Chỉ có 2,5% số người được điều tra có mức thu nhập từ du lịch dưới 100.000 đồng, đó là do đối tượng này chủ yếu là người cao tuổi, không còn đủ sức khỏe để tham gia việc chở khách hoặc nếu còn sức khỏe thì cũng có lương hưu hoặc được con cháu phụng dưỡng nên không tham gia lao động. Có một số nhỏ thì tham gia thuê ruộng nhưng chỉ ở giai đoạn xử lý thô, gia công cho các doanh nghiệp thuê lớn, trung bình mỗi ngày cũng được 5000 đồng.

Đặc biệt, 75% số dân được điều tra có thu nhập từ trên 200.000 – 500.000 đồng. Đây là điều hết sức đáng mừng. Nếu như trước đây, thu nhập chính của người dân vẫn dựa vào nông nghiệp, lại phụ thuộc lớn vào thời tiết thì từ khi có hoạt động du lịch, đời sống của người dân đã được đảm bảo và tương đối ổn định. Những người này phần lớn tham gia trực tiếp hoạt động chở đò, chuyên chở khách du lịch.

Có 17,5% số người có thu nhập trên 500.000 đồng, phần lớn đây là các hộ có cửa hàng kinh doanh các mặt hàng lưu niệm, kinh doanh ăn uống, nghỉ ngơi...

Như vậy, du lịch đã mang lại cho người dân cuộc sống sung túc hơn, đỡ lam lũ hơn. Thực tế đã chứng minh, xã Ninh Hải và Trường Yên là 2 trong 7 xã miền núi nhưng cuộc sống của người dân khá hơn so với các xã miền núi khác của huyện. Và cũng trong hai xã, xã nào có du lịch phát triển hơn, quy mô hơn,

người dân tham gia nhiều hơn vào hoạt động du lịch thì có số hộ dân giàu, khá giả nhiều hơn.

**Bảng: So sánh về mặt bằng kinh tế hai xã Ninh Hải và Trường Yên**

Tên xã	Số dân (người)	Thu nhập (triệu đồng)	Hộ nghèo
Xã Ninh Hải (Tam Cốc – Bích Động)	5200	4,5	75
Xã Trường Yên (Hoa Lư)	3000	2,8	370

*Nguồn: Theo báo cáo tổng kết cuối năm của UBND xã Ninh Hải và UBND xã Trường Yên.*

**2.3.4 Tính chất công việc của người dân địa phương trong hoạt động du lịch:**

Hiện nay, công việc của người dân địa phương khi tham gia hoạt động du lịch chủ yếu là chuyên chở đò, đưa khách đi tham quan. Trong suốt hành trình dài 7km (tuyến Tam Cốc), người dân sẽ “kiêm luôn hướng dẫn” (nếu đoàn khách không có hướng dẫn viên).

Tuy công việc có vẻ đơn giản là bỏ sức lao động chân tay cho công việc nhưng thực chất là vất vả, nặng nhọc. Những ngày yên gió, không khí mát mẻ thì công việc thuận lợi, nhưng vào những ngày mưa gió, nắng hè oi bức thì công việc vất vả hơn.

Bên cạnh đó, người lái đò phải thường xuyên chuyên chở khách qua lại khúc sông, quang cảnh cứ diễn ra lặp lại, dễ gây nhàm chán, họ chuyên chở cho khách chủ yếu là vì muốn kiếm thêm thu nhập để đỡ đi phần nào sự nghèo khó của mình.

**2.3.5 Các chế độ phân chia quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia**

**❖ Tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động:**

Hiện nay, ở khu du lịch có các thành phần như: Công ty du lịch Ninh Bình, Ban quản lý, UBND huyện, UBND xã và người dân địa phương trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch trên địa bàn.

Theo quyết định 1961/QĐ – UBND của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành ngày 19/09/2006, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý khu Tam Cốc – Bích Động như sau:

**Nhiệm vụ quyền hạn:**

- Chủ trì việc phối hợp với chính quyền địa phương, các ngành có liên quan quản lý tốt quy hoạch đã được phê duyệt, lập kế hoạch cụ thể các khu chức năng trong khu du lịch, báo cáo sở du lịch để trình UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức hướng dẫn kiểm tra và quy hoạch.
- Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng bảo vệ giữ gìn tài nguyên và phát triển bền vững.
- Quản lý và sử dụng cơ sở hạ tầng du lịch đã được nhà nước đầu tư trong khu du lịch, hướng dẫn các chủ đầu tư xây dựng đúng mục đích, ranh giới đã được giao. Phối hợp với chính quyền địa phương đôn đốc, tổ chức thực hiện việc giải phóng mặt bằng các dự án du lịch đầu tư vào khu du lịch.
- Được sử dụng một phần từ nguồn thu phí danh lam để chi cho hoạt động của Ban quản lý như tuyên truyền, quảng bá, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc.
- Phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan Nhà nước có liên quan và cộng đồng dân cư sở tại trong việc bảo đảm mọi hoạt động trong khu du lịch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
- Tổ chức quản lý và thực hiện các hoạt động du lịch như: Quản lý và bán vé danh lam, vé dò, tuyên truyền quảng bá, hướng dẫn khách tham quan, điều hành vận chuyển khách du lịch, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong khu du lịch.
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách du lịch theo quy định của pháp luật
- Phối hợp với các cơ quan Nhà nước có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra các hoạt động kinh doanh du lịch trong khu du lịch.

- Phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư du lịch và các hoạt động kinh doanh du lịch của các thành phần kinh tế tại khu du lịch.

- Quản lý tổ chức bộ máy lao động, tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật và yêu cầu đột xuất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đối với UBND xã Ninh Hải:

Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với hoạt động du lịch trên địa bàn, chịu trách nhiệm chính trong việc bảo đảm an ninh, trật tự và vệ sinh môi trường khu du lịch cũng như trên các tuyến sông, điều tiết nước trong sông, đảm bảo chở đò thuận lợi, tổ chức trông coi xe đạp, xe máy của khách tham quan du lịch.

Thành lập tổ chức vận chuyển khách du lịch trực thuộc UBND xã để ký hợp đồng kinh tế với Ban quản lý và các Công ty du lịch.

❖ **Tại cố đô Hoa Lư:**

Tất cả các công việc ở cố đô Hoa Lư do Ban quản lý của Sở văn hóa tỉnh quản lý, còn UBND huyện, UBND xã Trường Yên phối hợp hoạt động. Toàn bộ doanh thu từ vé tham quan các hoạt động điều phối 100 % được chia:

50% dành cho chi phí dịch vụ

50% còn lại điều tiết

7,5% cho xã

7,5% cho huyện

35% ngân sách cho tỉnh.

→ Qua đây có thể thấy, sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch và quyền lợi từ hoạt động du lịch là tương đối thấp do đặc thù của điểm du lịch này.



### **2.3.6 Nhận xét chung về hoạt động du lịch tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư.**

#### **❖ Những mặt tích cực:**

##### ***Công tác quản lý:***

Tuyến sông Ngô Đồng hình thành một cách tự nhiên và là con đường thủy duy nhất để du khách đi tham quan toàn bộ khu Tam Cốc - Bích Động. Tổng chiều dài của toàn tuyến đường thủy khoảng 5,8km (hiện nay đã khai thác được hơn 4km).

Cũng như các khu du lịch khác trong tỉnh, phương tiện chở khách tại tuyến này đều có vỏ bằng tôn, hình thức, mẫu mã được đóng theo kiểu dáng truyền thống và kích thước nhỏ, sức chở lớn nhất (trừ người chèo lái) cũng chỉ có từ 2 người (nếu là khách nước ngoài) đến 4 người (nếu là khách trong nước).

Trước đây, thuyền du lịch đi lại hết sức khó khăn và thường bị mắc cạn do sỏi ở đây bị phù sa bồi lắng. Nhưng những năm gần đây, tỉnh Ninh Bình đã đầu tư nạo vét, cải tạo luồng tuyến, mở mang du lịch để phục vụ du khách, từ đó không chỉ làm cho số lượng du khách tăng lên năm sau cao hơn năm trước mà việc đi lại cũng rất thuận lợi và an toàn.

Theo Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc - Bích Động cho biết, để phục vụ du khách được an toàn thuận lợi theo đúng với phương châm: “Vui lòng khách đến - vừa lòng khách đi - ấn tượng lưu mãi”, từ năm 2006, Ban quản lý khu du lịch đã tiến hành một cuộc “cách mạng” tổng thể các lĩnh vực hoạt động dịch vụ từ việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, bán hàng lưu niệm đến những người bán hàng rong và đội ngũ thợ chụp ảnh... Nhưng thành công nhất, đó là việc lập lại trật tự kỷ cương trong việc vận chuyển khách du lịch bằng thuyền.

Với quan điểm: “Người dân là chủ thể của khu du lịch”, Ban quản lý khu du lịch đã phối hợp với chính quyền địa phương đã áp dụng biện pháp quản lý “ba bên cùng có lợi”: Nhà nước - doanh nghiệp và người lao động để đưa, đón khách đi tham quan.

Trước tiên, Ban quản lý đã tiến hành chấn chỉnh lại toàn bộ đội thuyền chèo tay và người lái. Toàn bộ thuyền du lịch được đóng thống nhất một kiểu dáng, kích cỡ và sức chở; gắn biển số kiểm soát cố định lên mạn thuyền; mở hội nghị chuyên đề về vận tải khách du lịch để tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác đảm bảo trật tự an toàn cho các du khách.

Tất cả những người tham gia vận chuyển khách đều phải ký vào bản cam kết thực hiện đúng nội quy của khu du lịch. Được sự hỗ trợ tích cực của Sở GTVT Ninh Bình và chính quyền xã Ninh Hải, hiện nay, đội thuyền trên 500 chiếc của nhân dân đã được đưa vào danh sách quản lý, điều hành trực tiếp của Ban quản lý - việc mà trước đây tưởng không thể làm được.

Để đề phòng bất trắc xảy ra, trên dọc tuyến du lịch, Ban quản lý đã trang bị đầy đủ các phao tròn cứu sinh đặt tại các vị trí cố định với một khoảng cách hợp lý để khi xảy ra tai nạn, có thể phát huy ngay tác dụng.

Chỉ tính riêng việc thống nhất được hoạt động của đội thuyền đã mang lại thành công to lớn trên mọi phương diện cho khu du lịch này, như: Đảm bảo được sắc thái riêng của Tam Cốc - Bích Động; tạo cảm giác thoải mái cho khách du lịch; giữ gìn cảnh quan môi trường; người dân có công ăn việc làm và thu nhập ổn định; an ninh trật tự được thiết lập và giữ vững, chấm dứt toàn bộ cảnh tranh giành, chèn ép khách trước đây. Nhưng có lẽ thành công lớn hơn cả là việc người dân đã tự giác chấp hành các qui định của Luật Giao thông, đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho khách du lịch

#### ***Về kinh tế - xã hội:***

Từ khi có sự phát triển du lịch, vùng đất này có sự thay da đổi thịt. Cơ sở hạ tầng được cải thiện, cuộc sống của người dân được thay đổi cả về nhận thức lẫn chất lượng cuộc sống. Người dân có thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, được giao lưu, giao tiếp, tiếp xúc với nền kinh tế công nghiệp.

#### ***Về đời sống văn hóa:***

Hoa Lư vốn là đất kinh kỳ, còn in dấu một thời vàng son của triều đại Đinh - Tiền Lê, với những giá trị văn hóa truyền thống vẫn được lưu truyền cho

đến ngày nay qua các di tích lịch sử, văn hóa và trong con người Hoa Lư. Đây là tài nguyên quý giá cho phát triển du lịch. Việc phát hiện các di chỉ khảo cổ đủ khiến ta thấy may mắn khi nhờ vào sự bảo tồn của lòng đất mà ta và các thế hệ con cháu sẽ còn nhiều cơ hội nghiên cứu và tìm hiểu lịch sử. Lùi về quá khứ, nhắc về Cổ Loa, Thăng Long hay cố đô Huế, ta càng hiểu rõ giá trị quý giá của Hoa Lư, của tâm hồn vượt trội, nhất là bề dày thời gian, các giá trị khảo cổ học, sự hội tụ tinh hoa văn hóa Việt và các danh thắng.

### ***Tài nguyên môi trường du lịch:***

Chính hoạt động du lịch đã giúp cho việc khai thác tài nguyên được hiệu quả, những giá trị của tài nguyên được nâng lên, được mọi người biết đến và trân trọng, đồng thời giúp tôn tạo, trùng tu, lưu giữ các di sản, các lễ hội được mở đem đến đời sống tinh thần cho người dân.

Để đóng góp cho việc bảo tồn, bảo vệ tài nguyên môi trường, nhiều lớp giáo dục cộng đồng được tổ chức như ở cố đô Hoa Lư đã mở lớp về: “Môi trường sinh thái ở cố đô Hoa Lư” cho đoàn thanh niên và những người bán hàng. Có cả chương trình dạy tiếng Anh để giao tiếp với khách quốc tế ...

Ngày 16 tháng 4 năm 2009, tại Ban quản lý khu Du lịch Tam Cốc – Bích Động, Ban Dân vận tỉnh ủy tổ chức đánh giá kết quả 2 năm thực hiện chương trình phối hợp vận động quần chúng thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa du lịch ở khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.

Sau hai năm thực hiện chương trình phối hợp vận động quần chúng thực hiện nếp sống văn minh tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, công tác vận động quần chúng thực hiện nếp sống văn hóa tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động đã mang lại hiệu quả rõ rệt, tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ công nhân viên, Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, UBND xã Ninh Hải và nhân dân địa phương, đặc biệt là những người tham gia làm dịch vụ du lịch.

Công tác vệ sinh môi trường khu du lịch được đảm bảo, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an ninh trật tự được giữ vững, không còn hiện tượng chở khách du lịch không có vé, chèo kéo, nài ép khách hàng mua hàng...

Phong cách phục vụ khách du lịch ngày càng chuyên nghiệp, tạo được niềm tin với du khách. Đời sống của người tham gia làm du lịch tại địa phương ngày càng được nâng cao.

Tại hội nghị, nhiều đại biểu, lao động làm dịch vụ du lịch trên địa bàn như thợ chụp ảnh, điều đò, bán hàng lưu niệm đã bày tỏ những tâm tư, nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị, sự vui mừng, phấn khởi để làm rõ hơn những kết quả phối hợp đã đạt được, những khó khăn cần khắc phục và biện pháp tiếp tục duy trì nếp sống văn minh, giữ vững thương hiệu du lịch tại đây.

#### **❖ Những mặt còn hạn chế:**

##### ***Tổ chức quản lý:***

Mặc dù việc điều hành của UBND xã ở đây không quá phức tạp, nhưng trong quá trình tiến hành công việc, họ cũng gặp một số khó khăn trong việc xử lý các vụ việc giữa các người dân chở đò và khách.

Trên quy định là như vậy, người dân phải tuân thủ theo quy định nhưng không tránh được những xô sát giữa những người đến sớm, đến muộn, những thành phần được ưu đãi, ưu tiên... làm ảnh hưởng đến công việc điều đò, tốc độ, thời gian của khách.

Người dân nơi đây, thời gian trước thu nhập chủ yếu là dựa vào nông nghiệp, cho đến nay tuy có thêm việc chở đò phục vụ khách du lịch nhưng chưa hoàn toàn thay thế nông nghiệp, cho nên việc thu đất để xây dựng các công trình lại là cả một vấn đề. Số đất được dùng để xây dựng đường xá giao thông đã được các nhà quản lý bồi thường cho dân với số tiền 17.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tiền trả dân, dân sẽ tiêu hết. Trong khi đó, ruộng đất để cấy lúa bị thu hẹp, đặc biệt là phục vụ cho việc trồng sen ở khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, phải lấy khoảng 3000ha thì vấn đề kiếm công ăn việc làm người dân sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Việc chuyên

chờ chờ để phục vụ khách du lịch chỉ có định mức (khách du lịch tập trung theo tháng, theo mùa, mà chỉ có thôn Văn Lâm, Đàm Khê có bến bãi; các thôn khác sẽ như thế nào...), kinh doanh các dịch vụ khác thì người dân không có đủ vốn.

***Môi trường cảnh quan:***

Theo như quyết định số 432/UBND ngày 29 tháng 3 năm 1996, của UBND tỉnh Ninh Bình về việc: “Nghiêm cấm chặt phá cây tự nhiên và cây rừng trên đồi núi, ven đường và quanh các khu du lịch. Nghiêm cấm săn bắn, mua bán vận chuyển động vật hoang dã trong rừng”. Hiện tượng lấy gỗ, chặt cây của người dân hiện nay đã giảm nhưng việc săn bắt trộm loài động vật trên núi như: Khỉ, rùa đá... vẫn còn. Các loài cây phong lan quanh khu du lịch gần như cạn kiệt vì đã bị lấy đi hết. Các loại phong lan người dân địa phương đang bán hiện nay chủ yếu là nhập từ nơi khác về.

Ở khu vực Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư, người dân đã có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường tuy rất ít người hiểu thế nào là “du lịch sinh thái”. Bởi đối với những người dân, khi mà ăn chưa đủ no, áo chưa đủ ấm thì nói về những vấn đề đó thật là xa vời. Họ có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường, không vứt rác bừa bãi chỉ đơn giản là họ thấy làm như thế cho sạch sẽ và những người khác trong thôn cũng làm như vậy.

Ở khu vực chùa Bích Động còn một số đoạn chưa được sạch sẽ, đẹp mắt như ở dưới chân Thạch Kiền (cầu đá) dẫn vào cổng Tam quan có rất nhiều rác bẩn, nước ứ đọng.

Ngay từ quốc lộ 1A đi vào khu du lịch này, do các công trình cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch vẫn đang trong quá trình xây dựng nên có nhiều xe vận chuyển vật liệu xây dựng đi lại, đặc biệt trong những ngày nắng nóng, gây khó chịu rất lớn cho khách tham quan.

***Chất lượng tham gia:***

+ *Quan hệ làng xã của cộng đồng địa phương khi tham gia du lịch:*

Sự tác động của du lịch phần lớn đem lại sự thay đổi tốt đẹp nhưng sẽ không tránh khỏi những tác động xấu đến đời sống của người dân như: sự ô

nhiễm môi trường, phá vỡ cảnh quan... và đặc biệt là vấn đề văn hóa làng xã đã bị biến dạng. Chính sự tiếp xúc với khách du lịch (đa phần những người có thu nhập khá, văn hóa phong phú, đa dạng...), bên cạnh việc giúp cho người dân nơi đây có sự nhanh nhậy, hòa nhập vào sự buôn bán trao đổi, có trình độ nhận thức cao hơn thì nó cũng làm cho quan hệ giữa những người dân thay đổi: vì mục đích kiếm tiền mà tình làng nghĩa xóm trở nên phai nhạt hơn, người dân coi trọng đồng tiền hơn nên cạnh tranh nhau nhiều hơn... Những giá trị văn hóa truyền thống dần dần bị phai nhạt theo thời gian. Các thiếu niên cũng kiếm được tiền do bán bưu ảnh, bưu thiếp... lại tiếp xúc với nhiều giá trị văn hóa ngoại lai không thiếu những thói hư tật xấu, dẫn đến các tệ nạn xã hội như: nghiện hút, cờ bạc, bỏ học, trộm cắp... làm mất trật tự an ninh thôn xóm và khu vực du lịch.

+ *Thái độ tham gia hoạt động du lịch của người dân:*

Có lẽ cũng từ những suy nghĩ vật chất mà nảy sinh những thái độ “bên trọng bên khinh”, giữa khách nọ với khách kia, giữa khách Việt với khách nước ngoài, giữa khách Âu với khách Á... giữa khách “thường” (khách Việt) với khách “đem” (khách nước ngoài ngồi thuyền có đem)... Bởi lẽ, khách này có nhiều tiền hơn khách kia, khách là người châu Âu thường hào phóng hơn, hay mua hàng nhiều hơn khách châu Á. Ngay trong khách châu Âu cũng được phân ra làm hai loại: Khách tây “đỏ” (tức là những người có thu nhập cao) và khách tây “đen” (khách có thu nhập thấp, “Tây Balô”)... dẫn đến tình trạng người thì “thân thiết” quá mức, người thì thờ ơ lạnh nhạt...

Có thể hiểu một phần là do tính chất công việc: luôn có sự lặp lại, vẫn con thuyền đó, dòng sông đó, những tuyến điểm đó... nên dễ gây ra sự nhàm chán. Chỉ có đối tượng khách là thay đổi. Và vì mục đích làm thế nào để có thu nhập cao nên người dân sẽ có thái độ hướng vào đối tượng khách phục vụ.

+ *Mức độ chuyên nghiệp:*

- Để đáp ứng nhu cầu du lịch, buôn bán, người dân cũng học nói tiếng Anh, Pháp, Trung, Nhật... Nhưng hầu hết là “ngoại ngữ bời” do học hỏi nhau, không qua trường lớp nào. Tuy có nhiều lớp tiếng Anh được mở do một số tư

nhân với số tiền 5000 đồng/buổi, nhưng chỉ thu hút những tầng lớp trẻ em và thanh niên. Còn đa số từ thành phần trung niên trở đi rất ít học bởi nhiều lí do: Họ bận tối ngày, ngoài việc chờ đò ra họ còn công việc đồng áng, làm nghề phụ, cho nên mệt nhọc, không có thời gian, nhưng hơn nữa với lứa tuổi đó họ không tập trung nên chất lượng không cao. Muốn để những người dân nơi đây tham gia vào hoạt động du lịch như những thành viên thực thụ có trình độ, có nghiệp vụ, thể hiện đúng phong cách là những người làm du lịch thì việc đầu tư cho thể hệ trẻ của địa phương là phương thức đúng đắn cho phát triển.

- Bên cạnh đó còn nhiều hiện tượng gây phiền lòng cho khách du lịch.

Trên con đường nhỏ dẫn vào chùa Bích Động có nhiều dãy những hàng quán, những người bán phong lan, cây cảnh mời chào khách. Không ít những trường hợp vừa mời chào ngọt nhạt xong, sẵn sàng quay lại nói, chửi bậy vì khách không mua hàng hay không trả lời vì vừa phải leo núi tham quan 3 chùa còn mệt. Với khách nước ngoài, họ không phản ứng gì vì họ không hiểu còn với khách trong nước: những người không chịu được thì quay lại đôi co, còn những người im lặng cho qua thì thấy buồn lòng và có một ấn tượng không tốt đẹp với họ.

Mặt khác vì người dân muốn có thêm số tiền đò để tăng thu nhập mà nhiều gia đình đã cho con cái “lập gia đình sớm” để trở thành một hộ khẩu mới, đăng ký số đò với Ban quản lý. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều mặt, không chỉ riêng bản thân những thanh thiếu niên học hành dang dở, công việc không cố định, chưa có kinh nghiệm, sớm lại lam lũ mà việc tăng dân số sẽ là vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, trật tự an toàn xã hội.

### ***Sản phẩm du lịch:***

Tuy lượng khách đến khu du lịch đông nhưng không phải là cố định, liên tục. Nhất là nơi đây có tiềm năng du lịch lớn nhưng chưa phát huy hết khả năng, chưa hoàn toàn là ngành kinh tế mũi nhọn của vùng để có thể giúp dân nơi đây thay thế nghề nông bằng việc tham gia vào phục vụ khách du lịch như một số nơi có hoạt động du lịch sôi động, phát triển như Hội An, Huế...

Ngoài các tour tuyến sẵn có, một điều cho thấy là sản phẩm du lịch ở đây còn nghèo nàn, đơn điệu. Một phần nào do ngành du lịch chưa có biện pháp làm đa dạng hóa sản phẩm nhưng quan trọng hơn cả là do những người dân ở đây có thể do vốn ít mà chưa dám nghĩ, dám làm, sáng tạo phát huy những gì mình có để kinh doanh các dịch vụ, vừa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch vừa tăng thu nhập. Trong khi đó lại trông chờ vào những chính sách trợ cấp, vẫn còn nặng nề tư tưởng làm ăn kiểu tiểu nông, manh mún. Xét cho cùng thì người dân vì hiểu biết còn hạn chế, học vấn chưa cao nên nhiều khi có tiền nhưng không biết làm ăn, biến số tiền đó thành số tiền lớn hơn, hay chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt mà chưa nghĩ đến lâu dài. Điều đó cho thấy trong quá trình hoạt động của mình, ngành du lịch Hoa Lư chưa tận dụng hết mọi nguồn lực trong đó có sức lực của người dân trong vùng. Để phát triển thì không thể chỉ trông chờ vào riêng một cá nhân nào, cho nên “tạo điều kiện cho cộng đồng sự liên kết tương trợ và hình thành các liên minh để chia sẻ công nghệ và sự ủng hộ” là điều rất quan trọng trong đó có vai trò rất lớn của ngành du lịch và các cấp chính quyền địa phương.

Văn Lâm vốn là mảnh đất có nghề truyền thống là nghề thêu ren, từ trẻ con, đàn ông, đàn bà đều biết thêu ren. Song dù đang trong tình trạng thiếu công ăn việc làm thì số người làm nghề này cũng ít. Theo một nghệ nhân của làng nhận xét: Lớp trẻ, thanh niên hiện nay rất năng động, dám nghĩ, dám làm và đã có khá nhiều người thành đạt từ nghề thêu. Họ đã đưa nghề thêu phát triển cả về chiều rộng lẫn bề sâu, mở rộng nghề đến nhiều địa phương trong tỉnh (Yên Mô, Gia Viễn, Yên Khánh). Song số người làm ra những sản phẩm tinh xảo, độc đáo đang ngày một mai một dần. Mẫu mã hàng hóa phần lớn đơn điệu, lặp lại, chưa đạt tiêu chuẩn, ít sự sáng tạo.

Văn Lâm rất cần sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp, các ngành trong việc nâng cấp làng nghề thành làng nghề du lịch, duy trì và phát triển cả về quy mô và chất lượng sản phẩm... để làng nghề Văn Lâm luôn hấp dẫn du khách, phục vụ cho du lịch có hiệu quả hơn.



Hoa Lư là mảnh đất miền núi nghèo nhưng người dân lại rất chăm chỉ lao động cho nên những ngành nghề truyền thống có từ rất sớm. Ngoài nghề thêu, ở đây còn có một nghề truyền thống mang tính đặc trưng của vùng núi đá vôi đó là nghề làm đá nghệ thuật ở xã Ninh Vân. Có rất nhiều nghệ nhân tài hoa, sản phẩm nhiều nơi ưa chuộng thế nhưng trong việc đóng góp vào sự phát triển du lịch của vùng lại không có vai trò hay nếu có thì rất nhỏ của làng nghề truyền thống này. Không phải là do thiếu sản phẩm đẹp mà thiếu sản phẩm phục vụ cho du lịch; bởi có nhiều sản phẩm như: chậu cảnh, bàn đá, chậu đá... rất đẹp, trạm khắc rất tinh xảo, khéo léo nhưng khách du lịch không thể bỏ túi mang về được. Điều này hoàn toàn khác với làng đá Quan Khải nay là Hòa Hải tại chân núi Ngũ hành sơn ở Đà Nẵng. Tại đây, ngoài các sản phẩm đá dân dụng, khách du lịch đều có thể mua rất nhiều sản phẩm lưu niệm từ đá: các đồ trang sức, lọ hoa, tượng, hình các con vật...

Bên cạnh đó, Hoa Lư còn quá ít chiến dịch quảng cáo cho sản phẩm nên rất ít khách du lịch biết đến làng nghề. Và lại, chưa có sự đầu tư, quan tâm thực sự của các nhà du lịch, quản lý. Mà một trong những sản phẩm mang đến nhiều lợi nhuận, doanh thu cho ngành du lịch (ngoài tài nguyên tự nhiên, nhân văn, sản phẩm lưu trú) là sản phẩm dịch vụ. Nó phải đa dạng và độc đáo. Làng nghề truyền thống với những sản phẩm của nó là một tiềm năng vô giá cho dịch vụ du lịch. Đáng tiếc là ngành du lịch Hoa Lư đã chưa phát huy được điều đó để bổ sung cho sản phẩm du lịch của mình nhằm thu hút khách thập phương, vừa mở rộng địa bàn cho khu du lịch, vừa tăng doanh thu, đem lại nguồn lợi kinh tế cho địa phương.

## **Tiểu kết chương 2**

Nhìn chung khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, rất thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch tham quan, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa. Việc bảo tồn và duy trì tính đa dạng của tự nhiên và văn hóa xã hội của khu vực luôn được chính quyền địa phương, Ban quản lý khu du lịch quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt. Vì vậy mà cảnh quan tự nhiên và các di tích lịch sử văn hóa xã hội của khu vực chưa chịu nhiều tác động của con người, có giá trị lớn đối với du lịch.

Trong những năm qua, khu du lịch đã hình thành các tuyến du lịch với mong muốn tạo ra sự đa dạng trong chuyến đi của du khách. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch ở Tam Cốc – Bích Động, cố đô Hoa Lư vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.

Việc đầu tư cho cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đã được thực hiện khá tốt theo đúng quy hoạch năm 1997 – 2010 của khu du lịch. Điều này góp phần thúc đẩy việc quản lý, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên du lịch của khu vực. Tuy vậy, việc đầu tư cho cơ sở hạ tầng đã thực hiện từ năm 2001 đến nay nhưng việc triển khai còn chậm, mới đạt khoảng 70% khối lượng công việc. Việc triển khai chậm các dự án cơ sở hạ tầng du lịch cũng là nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, gây khó khăn cho hoạt động du lịch.

Nhìn chung cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch như: Nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí... quy mô nhỏ, chất lượng dịch vụ thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách.

Công tác tuyên truyền quảng bá du lịch, nhất là ở nước ngoài còn nhiều hạn chế nên chưa đáp ứng được yêu cầu thông tin của khách du lịch và các nhà đầu tư.

Môi trường xã hội chưa thực sự lành mạnh, vẫn còn hiện tượng đeo bám khách, chèo kéo bán hàng, ép khách mua hàng trên thuyền, đã ảnh hưởng đến hình ảnh du lịch của khách du lịch.

Công tác đầu tư cho bảo vệ môi trường còn chưa được quan tâm đúng mức, hiện tại ở khu vực chưa có hệ thống xử lý rác thải, nước thải. Hầu hết nước thải

được thải tự nhiên ra môi trường, rác thải được xử lý bằng cách chôn lấp. Nếu tình trạng này cứ tiếp diễn sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của du lịch.

Tuy nhiên, sự phát triển của khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư trong thời qua cũng đã đem lại nhiều hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương. Hàng năm 15% nguồn thu từ du lịch được đóng góp cho ngân sách địa phương. Người dân địa phương được tham gia vào kinh doanh các dịch vụ du lịch như: lưu trú, ăn uống, bán hàng lưu niệm, chèo thuyền phục vụ khách du lịch... Qua đó góp phần cải thiện cuộc sống của người dân trong khu vực.

Để khắc phục những hạn chế và đưa du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư phát triển cho tương xứng với tiềm năng thì việc nghiên cứu, xây dựng các định hướng và giải pháp phát triển bền vững cho khu du lịch là một yêu cầu cần thiết, mang tính cấp bách.

## **Chương 3**

# **Các giải pháp và kiến nghị phát triển du lịch cộng đồng tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư**

### **3.1 Những tiền đề định hướng cho sự phát triển du lịch:**

#### **3.1.1 Quan điểm và chính sách phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước**

- Theo nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2010 của Tổng cục du lịch Việt Nam thì:

+ *Quan điểm phát triển du lịch trong thời gian tới:*

- Phát triển du lịch theo hướng văn hóa, sinh thái để khai thác tối đa các tiềm năng, nội lực trong nước.

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm để tạo ra bước đột phá nhưng phải đảm bảo phát triển bền vững.

- Phát triển du lịch trên cơ sở toàn diện du lịch quốc tế và du lịch nội địa, trong đó lấy phát triển du lịch quốc tế là hướng chiến lược.

- Phát triển du lịch phải đảm bảo tính tổng hợp liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao trên cơ sở khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.

+ *Mục tiêu phát triển:*

...

Về văn hóa – xã hội: Phát triển du lịch góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế; cải tạo cảnh quan môi trường; nâng cao trình độ dân trí; thúc đẩy tiêu dùng và phát triển nhiều dịch vụ; tạo việc làm, nhiều khó khăn.

Tổng cục du lịch Việt Nam tập trung nâng cấp và hoàn thiện 4 khu du lịch tổng hợp và 16 du lịch chuyên đề (trong đó có khu du lịch Tam Cốc – Bích Động) với mục tiêu đến năm 2010 đón được 6 – 7 triệu lượt khách quốc tế và 25 triệu khách nội địa với tổng doanh thu 4 – 5 tỷ USD. Quy hoạch phát triển du lịch tới

năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Sau khi Luật du lịch đã được triển khai thực hiện (2005), Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về du lịch và đề ra “Chương trình hành động quốc gia về du lịch”. Đây là điểm tựa quan trọng giúp ngành kinh tế du lịch vươn lên mạnh mẽ.

### **3.1.2 Xu hướng phát triển của du lịch Ninh Bình**

Phát triển du lịch Tam Cốc – Bích Động phải phù hợp với Nghị quyết số 03 – NQ/TU ngày 18 tháng 12 năm 2001 của Ban thường vụ tỉnh ủy Ninh Bình về phát triển du lịch đến năm 2010.

Thông báo số 192 TB/ TU ngày 28 tháng 7 năm 2006 về kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình tiếp tục triển khai thực hiện nghị quyết 03 – Q/TU về phát triển du lịch 2010.

Nghị quyết 1556/QĐ – UBND của UBND tỉnh Ninh Bình ngày 31 tháng 7 năm 2006 về việc ban hành quy định ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Ninh Bình giai đoạn 2007 – 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

Dự án bổ sung quy hoạch khu du lịch Tam Cốc – Bích Động đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

### **3.1.3 Định hướng cụ thể.**

#### **❖ Quan điểm phát triển:**

Căn cứ vào các quan điểm, đường lối chung cùng với những nỗ lực của bản thân ngành du lịch, tỉnh, huyện nhằm đưa ra những phương hướng cho phát triển và đưa ra những giải pháp để tháo gỡ những khó khăn với mục đích phát huy tiềm năng giàu có của vùng, hòa nhập vào sự phát triển chung, tạo ra những đóng góp tích cực vào thu nhập kinh tế của đất nước.

Trong khi thực hiện, làm sao để những chiến lược, chính sách, quy hoạch mang tính chung chung, tổng thể được vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với từng địa phương. Trong đó, phát triển du lịch bền vững là định hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước. Hoạt động

du lịch đồng thời đạt hiệu quả về nhiều mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa của vùng. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phát triển du lịch của các địa phương, tỉnh, thành phố khác.

Quan điểm này xuyên suốt trong quá trình quy hoạch phát triển các khu du lịch, đặc biệt khu du lịch ở Hoa Lư là một địa bàn nhạy cảm về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường của tỉnh.

Du lịch có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao vì thế, phát triển du lịch Hoa Lư là nhiệm vụ và trách nhiệm của các cấp, các ngành, của toàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội. Do vậy,

+ Chiến lược phát triển du lịch cần phải gắn chặt chiến lược kinh tế, xã hội của huyện, tỉnh và hệ thống chính sách khuyến khích đồng bộ.

+ Khai thác và bảo tồn, tôn tạo hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa của khu vực, tạo được những sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn nhằm đảm bảo sức thu hút du khách và đủ sức cạnh tranh với các khu du lịch khác.

+ Phát triển du lịch đi đôi với bảo vệ môi trường thiên nhiên để đảm bảo tính ổn định của tiềm năng khai thác các sản phẩm du lịch và duy trì bản sắc riêng, làm phong phú thêm các loại hình du lịch theo sự phát triển của thời đại.

+ Khuyến khích rộng rãi nhân dân địa phương tham gia các hoạt động du lịch theo quan điểm: vừa là người bảo vệ, khai thác, tạo ra các tài nguyên du lịch và cũng là người được hưởng lợi ích từ hoạt động du lịch.

#### **❖ *Phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch***

Phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí gắn với việc bảo vệ môi trường.

Phát triển các loại hình du lịch tham quan danh lam thắng cảnh kết hợp với các di tích lịch sử văn hóa.

Phát triển các loại hình du lịch thể thao mạo hiểm gắn với các hệ thống hang động

Nhóm các sản phẩm du lịch tham quan danh lam thắng cảnh kết hợp với các di tích lịch sử văn hóa:

Cảnh quan tuyến Tam Cốc – Đền Thái Vi – Suối Tiên – đền Nội Lâm

Cảnh quan tuyến Bích Động – chùa Hạ - chùa Trung – chùa Thượng

Cảnh quan hang Thong Thày – Động Tiên – chùa Linh Cốc

Cảnh quan tuyến Linh Cốc – Hải Nham – hang Chùa – hang Ghé – hang Bụt và các thung dọc tuyến.

Nhóm các sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí gắn với bảo vệ môi trường:

Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng thung Ao Mép – Tòa Si (vị trí cách đền Thái Vi 500 m về phía Tây)

Du lịch nghỉ dưỡng tại thung hang Chùa

Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại Thung Nham, quèn Lau Lá

Du lịch sinh thái khu Suối Tiên

Nhóm các sản phẩm du lịch thể thao mạo hiểm gắn với hệ thống các hang động:

Leo núi tại các dãy núi đá của thung Nắng kết hợp với khám phá các hang động: hang Bụt, hang Thần...

Leo núi kết hợp tắm Suối Tiên, tham quan đền Nội Lâm tại khu vực Suối Tiên

**❖ *Phát triển không gian, tuyến, điểm du lịch:***

Diện tích khu Tam Cốc – Bích Động khoảng 400 ha thuộc địa phận xã Ninh Hải huyện Hoa Lư và một phần thuộc các xã Sơn Hà (Nho Quan), Yên Sơn (thị xã Tam Điệp) căn cứ vào vị trí, diện tích và các đặc điểm tài nguyên du lịch và nhu cầu của khách du lịch có thể xác định không gian phát triển của khu vực như sau:

Khu vực cầu Vòm tới bến xe Đồng Gừng và khu vực bến thuyền Cây Đa đi tham quan Tam Cốc

Khu vực bến thuyền đi đến Suối Tiên, đền Nội Lâm.

Phát triển theo trục giao thông từ bến thuyền Cây Đa tới Bích Động khoảng 3 km.

Trục phát triển du lịch từ chùa Bích Động tới hang Bụt, một nhánh Linh Cốc qua đập Đồng tổ, qua thung Năng tới thung Nham.

Do phần lớn là hành trình ngồi thuyền nên cần bố trí các điểm dừng chân, các điểm dịch vụ du lịch một cách liên hoàn sẽ giúp tăng thêm sự lựa chọn cho du khách, kéo dài được thời gian lưu trú tại điểm du lịch có nghĩa đã khai thác một cách có hiệu quả tài nguyên du lịch của khu vực, đặc biệt là tài nguyên du lịch tự nhiên.

*Các điểm du lịch trong khu du lịch:*

- + Tam Cốc – Bích Động:
- + Điểm du lịch tham quan Tam Cốc (hang Cả, hang Hai, hang Ba)
- + Điểm du lịch sinh thái leo núi Suối Tiên – đền Nội Lâm
- + Điểm du lịch văn hóa tín ngưỡng: đền Thái Vi, động Thiên Hương, động Tiên, chùa Linh Cốc, chùa Bích Động
- + Điểm du lịch sinh thái thung Ao Mép – Tòa Si.
- + Điểm du lịch vui chơi giải trí thuộc khu vực cầu Vòm tới bến xe Đồng Gừng, khu vực đảo nổi bến thuyền Cây Đa
- + Điểm du lịch sinh thái thung Nham, quèn Lau Lá
- + Điểm du lịch nghỉ dưỡng, leo núi tại thung Năng
- + Điểm du lịch tham quan cụm hang động thung Hải Nham
- + Lễ hội đền Thái Vi
- + Làng nghề thêu ren Văn Lâm.

*Các tuyến du lịch:*

+Tuyến Tam Cốc: Hành trình từ bến thuyền Cây Đa, qua hang Cả, hang Hai, hang Ba sau đó quay lại bến Thánh lên đền Thái Vi, động Thiên Hương. Tuyến này hiện đang được khai thác.

+ Tuyến tham quan chùa Bích Động, chùa Linh Cốc – Động Tiên – Xuyên thủy động: 1/2 ngày.



+ Tuyến du lịch Thạch Bích – Thung Nắng: Khách du lịch lên thuyền tại bến Thạch Bích (Bích Động) đi thuyền qua đập Đồng tổ. Tại đây, khách du lịch lên đi bộ và leo núi tại dãy thung Nắng sau đó khách du lịch khám phá các hang động tại thung Nham rồi nhập vào tuyến du lịch chính tới hang Bụt. Nghỉ ngơi tại khu du lịch sinh thái Thung Nham trong một ngày.

+ Tuyến du lịch Tam Cốc – Suối Tiên – đền Nội Lâm: Khách du lịch lên thuyền tại bến Cây Đa đi qua ba hang tới Suối Tiên. Nghỉ trưa, tắm Suối Tiên sau đó leo núi tới tham quan đền Nội Lâm và quay trở lại bến ra, thời gian một ngày.

*Các tuyến liên khu du lịch:*

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động nằm rất gần các khu du lịch khác của tỉnh Ninh Bình như: Khu du lịch Tràng An, khu di tích tâm linh chùa Bái Đính... Vì vậy, rất thuận lợi để phát triển các tuyến du lịch nối liền các khu du lịch này với các khu du lịch khác trong tỉnh đến Tam Cốc – Bích Động.

**❖ Công tác quản lý:**

Sở văn hóa - thể thao – du lịch bao gồm:

1. Trung tâm thông tin xúc tiến Du lịch
2. Bảo tàng Tỉnh
3. Thư viện tỉnh
4. Nhà hát chèo Ninh Bình
5. Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng.
6. Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động
7. Nhiếp ảnh tỉnh
8. Trung tâm thể dục thể thao.
9. Trung tâm Văn hóa Tỉnh

Trong đó Ban quản lý kinh doanh các loại hình du lịch như:

- + Lữ hành và tham quan du lịch
- + Vận chuyển du lịch
- + Các dịch vụ ăn uống, lưu trú
- + Sản xuất và bán hàng thủ công mỹ nghệ, lưu niệm

+ Các dịch vụ giải trí, thể thao phục vụ khách du lịch và nhân dân địa phương

+ Đầu tư và cho thuê bất động sản trong khu du lịch.

**❖ Đầu tư phát triển du lịch:**

*Mục tiêu đầu tư:*

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ có chất lượng tốt.

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra sức hấp dẫn thu hút khách du lịch và giữ chân được khách du lịch ở lại Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư.

+ Đầu tư để khai thác có hiệu quả các lợi thế về tài nguyên du lịch của khu vực, thỏa mãn nhu cầu du lịch của khách đồng thời cũng góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển, đặc biệt là kinh tế du lịch. Tuy nhiên, khai thác đồng thời phải đi đôi với bảo vệ, tôn tạo, cải thiện môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững.

*Quan điểm về đầu tư:*

+ Đầu tư đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tránh đầu tư dàn trải, hiệu quả đầu tư không cao.

❖ + Thực hiện nhiều hình thức đầu tư: Ngân sách Nhà nước, tư nhân, liên doanh liên kết, cổ phần, đầu tư nước ngoài... Trong đó, ưu tiên, khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các dự án của khu du lịch. Mặt khác cũng phải coi trọng nguồn đầu tư trong nước.

*Các lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư:*

+ Đầu tư để hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ có chất lượng cao, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế và khách có thu nhập cao.

+ Đầu tư khôi phục và phát triển lễ hội đền Thái Vi, làng nghề thêu ren Văn Lâm, lễ hội Trường Yên và đưa chúng vào hoạt động tham quan du lịch, phục vụ khách du lịch.

+ Đầu tư cho quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch, đặc biệt là đầu tư vào bảo vệ môi trường.

+ Đầu tư cho cơ sở hạ tầng có trọng điểm, trọng tâm, cho hệ thống xử lý rác thải, nước thải.

+ Đầu tư xây dựng các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí một cách đồng bộ để đa dạng hóa sản phẩm du lịch, thu hút khách du lịch đến với Tam Cốc – Bích Động, cố đô Hoa Lư.

+ Đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng một cách liên hoàn giữa các điểm du lịch.

*Các hạng mục và dự án cần ưu tiên đầu tư:*

+ Khu vực từ cầu Vòm đến bến xe Đồng Gùrng các hạng mục cần ưu tiên, kêu gọi đầu tư phát triển du lịch gồm: Xây dựng khu nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, khu thể thao, bể bơi, các dịch vụ du lịch khác...

+ Khu vực trung tâm bến Cây Đa: đầu tư cho hệ thống xử lý rác thải, nước thải, đầu tư cho hệ thống cấp nước sạch, đầu tư cho khu vực vui chơi giải trí trên đảo nổi, trạm biến áp, hệ thống dây tải điện, điểm đổi tiền và rút tiền tự động.

+ Thung Ao Mép – Tòa Si: đầu tư cho khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí.

+ Khu vực từ bến Cây Đa vào Bích Động: Đầu tư cho việc nâng cấp tuyến đường bộ dài khoảng 3km.

+ Khu vực Bích Động đầu tư cho bến bãi, trung tâm đón tiếp, hệ thống xử lý rác, nước thải, cung cấp điện, nước sạch... các dịch vụ du lịch khác.

+ Khu vực Bích Động – hang Chùa: Xây dựng bến thuyền Thạch Bích và tuyến đường thủy tới Xuyên thủy động, hang Chùa...

Nâng cấp tuyến đường bộ từ Bích Động tới chùa Linh Cốc – Động Tiên

Xây dựng bến thuyền, trung tâm đón tiếp các dịch vụ du lịch khác tại khu vực hang Chùa.

Xây dựng tuyến đường thủy đi tham quan 3 hang: hang Chùa, hang Ghé, hang Bụt.

+ Khu vực Thung Nham – Quèn Lá:

Xây dựng bến thuyền, trung tâm đón tiếp tại khu vực hang Bụt.

Xây dựng khu du lịch sinh thái Thung Nham – Quèn Lau Lá

Khu vực thung Nắng xây dựng khu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, leo núi.

Khu vực đền Suối Tiên – đền Nội Lâm: Xây dựng bến thuyền, điểm đón tiếp và nghỉ ngơi ngăn phục vụ khách.

+ Khu vực thung hang Chùa: Xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí.

Lưu ý: Lựa chọn các giải pháp kiến trúc truyền thống, hình thức kiến trúc đơn giản, không xây dựng các công trình kiên cố bằng bê tông, cốt thép, các công trình phá vỡ cảnh quan và môi trường tự nhiên của khu vực.

**❖ Đối với cộng đồng địa phương ở những nơi có hoạt động du lịch.**

Do Hoa Lư tập trung hàng loạt điểm du lịch liên quan tới nguồn tài nguyên phong phú về hang động Karst và các di tích lịch sử văn hóa, các sông ngòi qua các vùng cảnh quan đẹp cũng như làng cổ. Cho nên, đây là một khu du lịch có môi trường sinh thái nhạy cảm. Việc bảo vệ tài nguyên không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan có liên quan, các nhà chức trách, nhà quản lý mà còn của toàn bộ những cộng đồng dân cư sinh sống trong khu vực, họ mới là những người có nhiều tác động tới môi trường.

Trong điều 18 số 2002/QĐ – VPCP của quyết định bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng chính phủ về việc ban hành quy chế bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương có nhấn mạnh: “Cộng đồng dân cư tại địa phương các khu, điểm du lịch có trách nhiệm tích cực tham gia bảo vệ, tôn tạo môi trường du lịch, phòng chống ô nhiễm suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn”.

Chính vì thế cần:

Giáo dục nâng cao nhận thức, hiểu biết về du lịch cho cư dân địa phương để họ có những ứng xử thân thiện với khách du lịch. Giúp họ ý thức được hoạt động du lịch phát triển sẽ tạo ra được nhiều công ăn việc làm và thu nhập cho họ.

Chia sẻ các nguồn lợi từ du lịch một cách công bằng, tích cực sử dụng lao động địa phương vào các dự án du lịch của khu vực.

Thông báo và tham khảo ý kiến của người dân và chính quyền địa phương trước và trong khi thực hiện dự án.

### **3.2 Giải pháp thực hiện**

#### **3.2.1 Giải pháp về cơ chế chính sách:**

##### **❖ Quản lý:**

Do đặc trưng của du lịch là ngành kinh tế liên ngành, đa ngành, cùng một vùng, một khu du lịch nhưng lại thuộc sự quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành. Cho nên việc phân bổ công việc, phân chia quyền lợi gặp nhiều khó khăn, nhiều khi không tận dụng hết nguồn lực, phối hợp không tốt dẫn đến làm ăn tản mạn, phân tán.

Khi quyết định một nội dung nào thì phải đảm bảo tính thống nhất, liên hoàn giữa các cấp chính quyền địa phương, các ban ngành khác. Tạo ra sự cân đối giữa các mặt. Thực tế cho thấy, vai trò quản lý ở khu vực du lịch là rất quan trọng và cũng được người dân đón nhận một cách tự giác, tự nguyện. *Chính vì thế, việc truyền tải, triển khai các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước tới từng người dân địa phương, từng người làm du lịch rất thuận lợi. Các nhà quản lý nên biết tận dụng lợi thế to lớn này để công tác quản lý đạt hiệu quả tối ưu.*

Một số biện pháp quản lý cụ thể:

+ Việc xây dựng, quy hoạch phải luôn đảm bảo yêu cầu giữ gìn cảnh quan môi trường. Đặc biệt khu vực lòng sông cần được nạo vét, gom vớt rác thường xuyên, *thiết kế các thùng rác, khu chứa rác thuận tiện với tuyến tham quan và thân thiện với du khách cũng như môi trường (hình dạng ngộ nghĩnh, dễ gần để gây ấn tượng tốt và kích thích bảo vệ).*

+ Tạo ra mối liên hệ tốt giữa chính quyền địa phương, Ban quản lý và các đơn vị kinh doanh du lịch để cùng quản lý hoạt động du lịch cùng vì những lợi ích chung.

+ Cần tiến hành song song hai hình thức trợ giúp quản lý: Giáo dục và cưỡng chế.

##### **❖ Cơ chế chính sách về thuế**

Khu du lịch Tam Cốc là nơi có nguồn tài nguyên du lịch phong phú. Tuy nhiên, việc khai thác các lợi thế này vào phát triển du lịch còn nhiều hạn chế. Thêm vào đó do tính chất, đặc điểm của khu du lịch có thời gian tham quan ngắn nên các nhà đầu tư không mấy mặn mà. Để khuyến khích các nhà đầu tư vào các dự án du lịch của khu du lịch cần có chính sách ưu tiên: Ưu tiên miễn giảm thuế đất, ưu đãi về thuế thu nhập, ưu đãi thuế khai thác sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển du lịch....

Có chính sách ưu đãi về giá điện, nước, nguyên vật liệu phục vụ cho các dự án du lịch, đặc biệt là các dự án bảo tồn hệ sinh thái, các khu di tích lịch sử - văn hóa.

**❖ Chính sách đầu tư:**

Ưu tiên đầu tư cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng của khu du lịch như: đường giao thông, bến thuyền, bãi đỗ xe...

Tại khu vực có sự đa dạng sinh thái như: thung Nham, khu vườn chim ưu tiên các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dự án bảo tồn, bảo vệ sinh thái.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch cần đầu tư cho cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, đồng bộ, hiện đại.

Đầu tư cho tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, tài nguyên tại khu du lịch để thu hút khách tới tham quan.

Từng bước thực hiện xã hội hóa đầu tư trong khu vực để huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh.

Có cơ chế chính sách đảm bảo an ninh trật tự cho khu vực đầu tư và kinh doanh.

Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho cơ sở hạ tầng (điện, nước, đường giao thông, thông tin liên lạc, môi trường, giải phóng mặt bằng...) cho các dự án du lịch.

**3.2.2 Giải pháp về sản phẩm du lịch:**

**❖ Đa dạng hóa sản phẩm:**

Sự xuất hiện của hàng loạt các khu du lịch nghỉ mát, du lịch cuối tuần với nhiều loại hình hấp dẫn thời gian vừa qua đã tạo cho du khách có thêm nhiều sự lựa chọn mới. Bên cạnh đó chính là sự cạnh tranh trong việc thu hút khách đến với khu lịch. Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động cần có những chiến lược kinh doanh cụ thể và thích hợp với xu thế phát triển hiện nay.

Đa dạng hóa sản phẩm du lịch là yếu tố không thể thiếu trong phát triển du lịch. Ở khu du lịch Hoa Lư mới chỉ có những loại hình du lịch tham quan thuần túy như: ngắm cảnh, tham quan di tích... chưa tận dụng được tiềm năng của vùng để xây dựng các loại hình du lịch khác; cho nên việc khám phá, khai thác những tài nguyên mới là rất cần thiết.

Khai thác tối đa tài nguyên tự nhiên để xây dựng nhiều loại hình, tour tuyến mới:

+ Việc tổ chức các tuyến du lịch sinh thái trong hệ sinh thái trên núi đá vôi thường gắn liền với tham quan, thám hiểm hang động. Trên các núi đá vôi còn có thể tổ chức các loại hình thể thao mạo hiểm.

+ Khu Hoa Lư lại có vị trí hết sức thuận lợi: gần các trung tâm kinh tế - văn hóa xã hội, tiện đường quốc lộ, giao thông thuận tiện để có thể phát triển loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo (MICE). Đây là một loại hình du lịch mới, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Song, để thực hiện được hình thức du lịch này thì yêu cầu đồng bộ về cơ sở vật chất kỹ thuật – chất lượng dịch vụ là rất cao.

Đối với các sản phẩm truyền thống, để thu hút khách du lịch không chỉ về chất lượng, uy tín, mẫu mã mà phải có những chương trình khuếch trương, quảng bá sản phẩm. Nên phát triển loại hình du lịch “Homestay”. Bởi lẽ, thị trường khách đến Tam Cốc – Bích Động phần lớn là khách quốc tế nên việc để khách “Ba cùng”: cùng ăn, cùng ở, cùng sinh hoạt với người dân là điều hết sức thú vị. Các hộ cũng như các doanh nghiệp làm thêm, bên cạnh việc trưng bày, bán các sản phẩm thì nên có những hình thức hoạt động như: Giới thiệu và tạo điều kiện cho khách cùng tham gia vào công việc thêm (có thể chỉ một công

đoạn nào đó). “Trăm nghe không bằng mắt thấy”, du khách được trực tiếp lao động và tạo ra sản phẩm cho chính mình, chắc chắn sẽ rất thú vị và hài lòng.

Đối với các lễ hội truyền thống, ngoài phần “lễ” cố định ra, các trò chơi, diễn xướng dân gian trong phần hội nên được khai thác nhiều hơn: Du khách không chỉ được “xem” mà còn được “tham gia” vào các lễ hội. “Vui xem hát, nhặt xem boi, tả toi xem hội”, phải làm thế nào để du khách có được cảm giác, không khí sôi động, náo nhiệt của các lễ hội: *Chẳng hạn có chương trình, phần mà du khách được đóng vai các nhân vật, tích trong lễ hội hoặc đơn giản là được chụp ảnh cùng (đặc biệt là những câu chuyện xung quanh câu bé chăn trâu Đình Bộ Lĩnh).*

#### **❖ Tạo ra sản phẩm độc đáo**

Bên cạnh việc tạo ra nhiều sản phẩm (tính đa dạng) thì yếu tố độc đáo, mới lạ cũng là một điều hết sức cần thiết.

Như đã đề cập ở phần cơ sở lý luận, phải vận dụng quan điểm Lãnh thổ tổng hợp và chuyên môn hóa trong quá trình phát triển du lịch: Mỗi địa phương, hoặc mỗi hệ thống lãnh thổ du lịch đều có những nguồn lực phong phú, đặc sắc là thế mạnh để phát triển du lịch riêng. Do vậy, bên cạnh việc tạo ra nhiều sản phẩm du lịch, Hoa Lư cần ưu tiên đầu tư, phát triển những loại hình du lịch, những sản phẩm du lịch mang tính chuyên biệt, mũi nhọn của mình để tạo ra sức cạnh tranh và tạo ấn tượng sâu sắc cho du khách.

Phần lớn các sản phẩm của địa phương chưa mang tính đặc trưng và chưa có tính đột phá. Hầu hết các mặt hàng lưu niệm dù được sản xuất tại địa phương hay nhập từ nơi khác về đều có mẫu mã giống nhau, chất liệu giống nhau. Điều này khiến cho du khách dù muốn mua hàng để kỷ niệm về nơi đã tới tham quan nhưng bản thân mặt hàng lại không có dấu ấn riêng, thậm chí rất mờ nhạt.

Thôn Văn Lâm có làng nghề thêu truyền thống, để phát huy được lợi thế này, ngành Du lịch Ninh Bình nói chung và Ban quản lý Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động nói riêng cùng các nghệ nhân nên đầu tư trước hết cho việc sáng tạo ra nhiều mẫu tranh thêu. Các mẫu tranh này mang nội dung miêu tả về phong cảnh



cùng cuộc sống của con người Hoa Lư, Ninh Bình, có thể diễn tả qua các danh thắng mang tính biểu tượng cao như: đền vua Đinh – Lê, dòng sông Ngô Đồng, núi Dục Thúy, núi Kỳ Lân... Cũng như khi du khách tới Huế là đến với hình ảnh những tà áo dài tím thơ mộng, cầu Tràng Tiền... hay Hội An với hình ảnh những dãy phố cổ nằm bên bờ sông Thu Bồn. Và trên cơ sở nội dung đó, thể hiện tài nghệ thêu qua các chất liệu: lụa, vải thô,... tạo ra nhiều mặt hàng khác nhau: túi xách, tranh, quần áo, nón...

Mặt khác, làng nghề đá Ninh Vân cũng nên sáng tạo ra nhiều sản phẩm phù hợp với tính chất đi du lịch của du khách.

#### **❖ Nâng cao chất lượng dịch vụ:**

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, xếp loại các cơ sở lưu trú, ăn uống, các phương tiện vận chuyển khách du lịch theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.

Đề ra những quy định chặt chẽ về tiện nghi, trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

Cử đội ngũ nhân viên quản lý, phục vụ đi học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thái độ phục vụ đón tiếp khách du lịch.

Khuyến khích các dự án đầu tư cơ sở vui chơi giải trí, có hệ thống dịch vụ chất lượng cao.

#### **3.2.3 Giải pháp về các hoạt động xúc tiến du lịch:**

- Tiến hành nghiên cứu và xác định thị trường mục tiêu, qua đó nhận biết được vị thế sản phẩm của mình trong thị trường mục tiêu như thế nào, từ đó đưa ra những chiến lược, chính sách phát triển cho phù hợp.

- Thực hiện xúc tiến qua các **công cụ:**

+ **Quảng cáo:**

- Thời điểm: Chuẩn bị bước vào thời kỳ chính vụ và thấp vào giữa mùa
- Hình thức:

Quảng cáo in: Quảng cáo bằng tờ rơi, tập gấp, catalogue, chỉ dẫn giới thiệu về Ban quản lý, khu du lịch, một số điểm tham quan chính, hệ thống nhà hàng, khách sạn tại khu du lịch. Đặc biệt trong đó phải chú ý đến thông điệp của Ban

quản lý đưa ra về khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, cố đô Hoa Lư, khẳng định giá trị của mình trong tâm trí khách hàng.

Quảng cáo bằng Pano, áp – phích. Kết hợp với Sở du lịch Ninh Bình, UBND thành phố Ninh Bình, cách quảng cáo này đã tương đối mang lại hiệu quả, được Ban quản lý áp dụng khá tốt. Cần chú ý đổi mới các hình ảnh trên pano, áp phích. Có thể quảng cáo trên taxi đón khách, thông qua các hãng lữ hành, vận chuyển, biển quảng cáo ở nhà ga, bến xe...

Quảng cáo qua Internet với các Website: <http://tamcocbichdong.com.vn/>.

Tuy nhiên, số thông tin phải được cập nhật một cách thường xuyên và liên tục, nhanh.

**+ Bán hàng:**

Nên có những chính sách ưu đãi để bán được nhiều sản phẩm, đặc biệt vào thời kỳ trái vụ, vào ngày lễ tết...

**+ Quan hệ công chúng:**

- Qua các phương tiện cần mở rộng mối quan hệ hợp tác với khách du lịch, các hãng lữ hành, đại lý du lịch...

- Tích cực tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước: ví dụ từ 8 đến 14/4/2008, Ban quản lý đã tham dự Hội chợ thương mại và du lịch Ninh Bình với chủ đề: “Phát triển du lịch Ninh Bình trong sự tương quan, hỗ trợ của các tỉnh, thành phố trong cả nước”.

+ **Đầu tư ngân sách** cho hoạt động xúc tiến: dành khoảng 4 – 5% tổng doanh thu.

+ Liên kết các sản phẩm: Tại khu du lịch cũng nên thành lập Trung tâm xúc tiến du lịch để gắn kết các sản phẩm du lịch để cung ứng cho du khách.

### ***3.2.4 Giải pháp đối với cộng đồng địa phương:***

Con người là yếu tố vô cùng quan trọng trong hoạt động du lịch. Nhìn chung du lịch đã thu hút sự quan tâm lớn đối với người dân nơi đây, đặc biệt là đối với thôn Văn Lâm. Du lịch đã trở thành nguồn sống của họ. Tuy nhiên, sự

tham gia của họ mới chỉ là tự phát, đang trong bước đầu đi vào quy củ. Cho nên để người dân thực hiện tốt các quy định trong khu du lịch, có lòng nhiệt tình hơn trong công việc, có thể nên áp dụng những hình thức sau:

❖ **Giải pháp về giáo dục, đào tạo phát triển nguồn nhân lực:**

Trên thực tế, chất lượng nguồn lao động du lịch hiện nay rất bất cập. Tình trạng những doanh nghiệp du lịch được hình thành do chủ doanh nghiệp có một số vốn tương đối lớn song chưa được đào tạo qua một trường lớp nghiệp vụ nào không phải là ít. Chính vì vậy, tính chuyên nghiệp trong doanh nghiệp đó thường bị hạn chế và hầu như bị áp đặt theo tư duy của “ông chủ”. Đội ngũ hướng dẫn viên không chỉ non yếu về trình độ ngoại ngữ, không tinh thông về nghiệp vụ mà còn “non” trong những hiểu biết về truyền thống văn hóa, lịch sử cũng như những giá trị danh lam thắng cảnh. Đội ngũ cán bộ quản lý còn chưa theo kịp với sự phát triển và hội nhập, năng lực quản lý cũng như trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế. Số lượng lao động qua đào tạo cần tăng 19.000 người mỗi năm, trong khi đó, tổng số cơ sở đào tạo du lịch hiện nay khoảng 70 trường với 13.000 người tốt nghiệp mỗi năm, chỉ có 3,1% lao động có bằng đại học.

Do đó cần tổ chức lớp học nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong Ban quản lý, đặc biệt là nâng cao trình độ ngoại ngữ.

Tổ chức các chuyến tham quan học tập, giao lưu cho người dân chở đò xã Ninh Hải.

Tổ chức các lớp học giáo dục cộng đồng cho người dân xã Ninh Hải, Trường Yên.

Cần mở các lớp bồi dưỡng, giáo dục về du lịch cộng đồng cho: người dân (về phương thức làm du lịch, thái độ với khách du lịch, về môi trường...), khách du lịch (môi trường, tôn trọng văn hóa bản địa của người dân địa phương...), và cho tất cả những người làm du lịch.

❖ **Giải pháp hỗ trợ cộng đồng địa phương về kinh tế:**

Mặc dù du lịch mang lại trình độ cho người dân địa phương nhưng phải có “thực mới vực được đạo”, du lịch phải góp phần hỗ trợ kinh tế địa phương, nâng cao mức sống cho người dân.

Các hộ dân xung quanh khu du lịch, mối quan hệ giữa họ và ngành du lịch chỉ là gián tiếp, du lịch chưa tận dụng được tiềm năng từ nơi họ. Sau này, khi các dự án du lịch được hoàn thiện, các khách sạn được xây dựng thì có thể huy động các hộ dân ở các thôn lân cận để trồng rau sạch, hoa quả tươi cùng một số sản vật khác, vừa phục vụ cho mục đích du lịch vừa làm cho người dân thêm việc làm cùng thu nhập.

Với các xã như: Trường Yên, Ninh Hải, người dân trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch, hiện nay du lịch mới chỉ là ngành kinh tế thứ hai, tồn tại song song với nghề nông. Một khi du lịch hoàn toàn thay thế nông nghiệp, trở thành kinh tế chủ đạo thì người dân ở đây sẽ phải và cũng sẽ cần có những tác phong của người làm du lịch. Song để người dân tham gia một cách tích cực, tự nguyện, hiệu quả thì phải đảm bảo cho họ cuộc sống mưu sinh và những lợi ích thiết thực. Bằng cách giúp họ có công ăn việc làm ổn định.

Đoạn đường từ quốc lộ 1 đến bến Đình Các dài khoảng 3 km. Ngoài việc chuyên chở khách bằng các phương tiện hiện đại, hiện nay khu du lịch đã đưa vào khai thác phương tiện vận chuyển khách bằng những chiếc xe bò, xe trâu độc đáo: vừa bảo vệ môi trường, vừa tạo cảm giác mới lạ cho du khách, vừa đem lại thu nhập cho người dân. Phương án này nên tiếp tục được triển khai một cách rộng rãi.

Hỗ trợ vốn (cũng giống như hỗ trợ sinh viên vay vốn) cho người dân để họ có điều kiện mua sắm thuyền đò, mở các ki ốt bán hàng lưu niệm hoặc kinh doanh các dịch vụ du lịch... tránh tình trạng các ki ốt sẽ tập trung về tay một số tư nhân từ nơi khác tới... Hoặc cũng tránh tình trạng cấp vốn mà không hướng dẫn, không quản lý dẫn đến tình trạng hiệu quả đầu tư thấp, chưa nói đến việc thâm hụt vốn. Cho nên vai trò của các hội phụ trách, đảm bảo quyền lợi cho người dân là rất quan trọng.

Xây dựng “thương hiệu” của khu qua:

+ Âm thực:

Thịt dê là một đặc sản nổi tiếng, được nhiều người biết đến. Trong khi khuyến khích các hộ dân nuôi dê để cung cấp thịt thì cần tìm những phương thức chế biến các món ăn ngon hơn nữa để thu hút và giữ khách.

+ Phát triển làng nghề du lịch:

- Vì đây là nơi có làng nghề truyền thống nên có rất nhiều đoàn khách trong nước và nước ngoài đến thăm, vừa để học hỏi kinh nghiệm, vừa để tìm hiểu. Hầu hết, người dân đều rất vui vẻ, nhiệt tình và không mấy khó chịu khi có khách đến thăm nhà mình. Nếu số lượng khách ít thì không sao nhưng nếu lượng khách quá đông thì sẽ gây cho người dân cảm giác khó chịu vì bị đảo lộn cuộc sống riêng tư. Nên có thể tập trung một số hộ gia đình làm mô hình mẫu để khách tham quan và có thù lao cho họ

- Với làng nghề đá Ninh Vân có thể thành lập những xưởng chế biến cùng một số đội ngũ lao động chuyên làm nghề sản xuất hàng lưu niệm bằng đá cho khách du lịch. Các sản phẩm nên đa dạng, nhiều mẫu mã hình thức và mang đặc trưng của vùng.

Nghiên cứu điều tiết sao cho giảm bớt tiền trích từ vé chở đò cho công tác phí nhằm tăng tiền công của người lái đò lên, sao cho người dân thấy công bằng và cảm giác họ được trả công xứng đáng với công sức lao động.

#### **❖ Chất lượng tham gia du lịch của người dân**

##### ***Phương tiện tham gia:***

Các thuyền bè cần được sửa sang cho sạch đẹp, đảm bảo an toàn cho du khách. Tuy nhiên, để xây dựng mô hình du lịch sinh thái thì loại thuyền bằng tôn đang được sử dụng hiện nay là chưa đảm bảo được nguyên tắc, các yêu cầu. Nó chỉ đáp ứng một cách tạm thời trong giai đoạn du lịch phát triển về số lượng mà chưa tính đến lâu dài. Cho nên phương thức dùng thuyền nan nên được áp dụng lại. Thuyền nan tuy không bền như thuyền tôn nhưng lại rẻ hơn và tạo cảnh quan đúng với môi trường hoang sơ, hòa hợp với thiên nhiên. Song cũng phải tính đến

phương pháp để bảo quản độ bền của thuyền và trong những ngày mưa, nắng nên có mái che cho du khách.

***Tính chuyên nghiệp:***

+ Những người dân trong khi chèo thuyền đưa khách đi nhiều khi ăn mặc không tươm tất, làm cho khoảng cách giữa khách du lịch và người dân thêm xa, chưa hấp dẫn du khách. Để tạo ra phong cách riêng thì du lịch Hoa Lư cần rất nhiều yếu tố, trong đó hình thức cũng rất quan trọng. Ngoài đồng phục cho cán bộ công nhân viên thì cũng nên có đồng phục cho người chèo đò mang phong cách của một vùng thôn quê, giản dị mà không đơn điệu (Có thể nên mặc áo Bà ba với gam màu trầm, đội nón lá...)

+ Người dân cũng luôn mong muốn có nhiều khách đến, như thế họ sẽ có nhiều số lần chèo đò và có nghĩa là thêm thu nhập. Nhưng cần phải tạo cho họ có một thái độ phục vụ chuyên nghiệp, tận tình. Không nên “bên trọng, bên khinh”; thờ ơ hoặc thân thiện quá mức với du khách.

+ Do tính chất công việc thường xuyên lặp lại dễ gây nhàm chán nên để người dân có hứng khởi, chuyên chèo khách với sự nhiệt tình, trách nhiệm, say mê, xen lẫn niềm tự hào về quê hương mình cần giúp họ trở thành thành viên thực thụ có quyền lợi và trách nhiệm trong công việc.

**❖ Bảo vệ môi trường:**

Việc khai thác tài nguyên không chỉ là trước mắt mà còn tính đến lâu dài, cho nên việc bảo vệ môi trường không chỉ là sự quan tâm của các nhà quản lý mà phải có sự quan tâm, tham gia của người dân. Do vậy, ngoài việc nghiêm cấm chặt cây rừng, lấy củi, phong lan, săn bắt động vật... thì việc tổ chức các lớp giáo dục môi trường, giáo dục cộng đồng cho những người dân là rất cần thiết.

**3.2.5 Giải pháp phát triển loại hình du lịch nông nghiệp.**

Hiện tại, Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư với hoạt động du lịch mà nổi bật là loại hình tham quan rất phổ biến, tuy không còn có những khu dân cư với những nét sinh hoạt và kiến trúc truyền thống nhưng ở đây vẫn có thể phát

triển loại hình du lịch nông nghiệp. Loại hình này rất hấp dẫn đối với khách du lịch ở những vùng miền khác, đặc biệt là khách du lịch nước ngoài.

Sở du lịch Ninh Bình, Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, khu di tích cố đô Hoa Lư và quan trọng là cộng đồng dân cư địa phương nên xây dựng và tạo ra các tour du lịch đưa du khách tham gia, khám phá cuộc sống, phong tục, kiến trúc, lễ hội, các tập quán sinh sống và canh tác của làng, xã nông thôn điển hình của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Ban quản lý có thể tập trung một số hộ vẫn còn giữ được những nét kiến trúc truyền thống, quy hoạch thành một cụm và hướng dẫn họ phương thức làm du lịch. Đồng thời, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm đảm bảo những nhu cầu tối thiểu của khách du lịch mà vẫn không làm mất đi những giá trị truyền thống - yếu tố làm nên sức hấp dẫn cho du lịch nông nghiệp.

## **1 Kết luận**

Trong những năm gần đây, lượng khách du lịch quốc tế đến nước ta ngày càng tăng. Việt Nam được đánh giá là “Điểm đến an toàn và thân thiện”. Số lượng khách du lịch trong nước cũng tăng mạnh trong từng năm, nhất là vào những ngày nghỉ lễ, mùa hè và mùa lễ hội. Du lịch từng bước trở thành phương tiện để mọi người, mọi dân tộc hiểu biết lẫn nhau về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, nếp sống và thói quen tiêu dùng... Tất cả những thành công này có vai trò vô cùng quan trọng của cộng đồng người Việt Nam nói chung và cộng đồng nhân dân địa phương ở từng điểm đến nói riêng, trong đó có cộng đồng dân cư Hoa Lư.

Qua việc nghiên cứu những lí luận và thực tiễn về phát triển du lịch cộng đồng, có thể thấy những hình thức chủ yếu mà cộng đồng dân cư địa phương có thể tham gia vào hoạt động phát triển du lịch ở Hoa Lư bao gồm:

Tham gia vào quá trình quy hoạch du lịch; Tham gia vào hoạt động vận chuyển, cung ứng thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, nguyên vật liệu cần thiết cho các hoạt động dịch vụ du lịch; Tham gia vào hoạt động tác nghiệp tại các cơ sở dịch vụ du lịch; Tham gia hoạt động bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch; Trực tiếp cung cấp các dịch vụ đến du khách; Trực tiếp cung cấp các sản phẩm du lịch văn hóa mang bản sắc truyền thống

Hoa Lư là địa danh có nhiều nguồn lực để phát triển du lịch. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch là rất lớn. Song vẫn còn nhiều hạn chế, đó là do: Nhận thức của cộng đồng chưa đầy đủ về lợi ích cũng như nghĩa vụ khi tham gia hoạt động du lịch; Quyền được biết của cộng đồng về quy hoạch, về các quy định quản lý tại các khu, điểm du lịch còn chưa được thực hiện nghiêm túc; Hệ thống chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng chuyển đổi nghề, tham gia vào các hoạt động du lịch để ổn định cuộc sống còn có những



bất cập; Cộng đồng chưa có sự hỗ trợ đầy đủ (về vốn, kỹ năng, thông tin...) để phát triển những dịch vụ một cách lâu dài.

Chính vì thế cần có một số giải pháp để tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động phát triển du lịch: Tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể tham gia vào quá trình quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch phát triển du lịch tại những nơi mà cuộc sống của cộng đồng gắn liền; Nâng cao nhận thức của họ về trách nhiệm bảo vệ môi trường và các giá trị tự nhiên để đảm bảo cuộc sống của họ; Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù của từng địa phương để đảm bảo một phần từ thu nhập du lịch sẽ “quay lại” hỗ trợ cho cộng đồng và cho công tác bảo tồn, phát triển tài nguyên, môi trường du lịch tại địa phương đó; Xây dựng một số mô hình và cơ chế cụ thể nhằm tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động phát triển du lịch.

Trên cơ sở thu thập, tổng hợp tài liệu và quá trình khảo sát thực tế tại địa phương, khóa luận đã tiến hành đánh giá, kiến nghị một số giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng tại đây. Hi vọng trong thời gian tới, Hoa Lư sẽ thực hiện được khẩu hiệu “Phát triển du lịch chống đói nghèo”.

## **Danh mục tài liệu tham khảo**

1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2008 và phương hướng giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2009.,Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.
2. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quý VI năm 2006 và phương hướng nhiệm vụ năm 2007, Ban quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.
3. Báo cáo tổng thể quy hoạch du lịch Ninh Bình 2007 – 2020, Sở du lịch Ninh Bình.
4. Lã Đăng Bật, *Cố đô Hoa Lư Lịch sử và danh thắng*, NXB Thanh niên Hà Nội năm 1998.
5. Lã Đăng Bật, *Di tích danh thắng Ninh Bình*, văn phòng HĐND và UBND tỉnh Ninh Bình năm 2002.
6. Lã Đăng Bật, *Về với Vịnh Hạ Long cạn*, NXB Văn hóa dân tộc năm 2004.
7. *Điều chỉnh bổ sung quy hoạch khu du lịch Tam Cốc – Bích Động đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Sở du lịch Ninh Bình.
8. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu, *Du lịch bền vững*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.
9. *Hội thảo Chia sẻ bài học kinh nghiệm Phát triển Du lịch Cộng đồng ở Việt Nam*, Viện nghiên cứu phát triển du lịch.
10. Phạm Thanh Nghị, *Nâng cao ý thức sinh thái cộng đồng vì mục tiêu phát triển bền vững*, NXB Khoa học xã hội năm 2005.
11. Nguyễn Tri Nguyên, *Bài giảng môn di sản*, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
12. TS. Võ Quế, *Du lịch cộng đồng lý thuyết và vận dụng*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2006.

13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ 7, *Luật du lịch*, NXB chính trị quốc gia, năm 2005.
14. Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2000.
15. *Từ điển Tiếng Việt*.
16. Ths. Bùi Thị Hải Yến, *Quy hoạch du lịch*, NXB Giáo dục, 2006.
17. Ths. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, năm 2006.
18. Website:
  - [www.dulichninhbinh.gov](http://www.dulichninhbinh.gov).
  - [www.google.com](http://www.google.com).
  - [www.tamcocbichdong.com.vn](http://www.tamcocbichdong.com.vn).
  - [www.ninhbinhtourism.com.vn](http://www.ninhbinhtourism.com.vn).
  - [www.vietnamtourism.com.vn](http://www.vietnamtourism.com.vn).

## **Phụ lục**

### **A. Một số bảng về nguồn khách, thu nhập, cơ sở kinh doanh tại khu Tam Cốc – Bích Động**

**Bảng 1 . Dự báo khách du lịch đến Tam Cốc – Bích Động**

*Đơn vị: Ngàn lượt khách*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2010</b>	<b>2015</b>	<b>2020</b>
1	Khách quốc tế	226,9	341,2	446,0
	Khách lưu trú	204,2	296,8	365,0
	Khách tham quan	22,7	44,4	81,0
2	Khách nội địa	194,0	302,0	414,0
	Khách tham quan	174,0	262,0	339,0
	Khách lưu trú	20,0	40,0	75,0
3	Tổng lượt khách	402,9	643,2	860,0

*Nguồn: Sở du lịch Ninh Bình*

## Dự báo nhu doanh thu từ hoạt động du lịch tại Tam Cốc – Bích Động tới năm 2020.

*Theo giá hiện hành 1USD= 15.800 đồng*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
<b>I</b>	Khách quốc tế				
<b>1</b>	Khách lưu trú	Ngàn lượt	22,7	44,4	81,0
	Ngày lưu trú trung bình	Ngày	1,5	1,8	2,0
	Tổng ngày khách lưu trú	Ngàn ngày	34,05	79,9	162,0
	Mức chi tiêu	USD	35	60	96
	Thu nhập	Triệu USD	1,2	4,8	15,6
<b>2</b>	Khách tham quan	Ngàn lượt	204,2	296,8	365,0
	Mức chi tiêu	Ngàn/ngày	14	21	34
	Thu nhập từ khách tham quan	USD	2,9	6,2	12,4
<b>3</b>	Tổng thu nhập	Triệu USD	4,1	11,0	28,0
<b>II</b>	Khách nội địa				
<b>1</b>	Khách lưu trú	Ngàn lượt	20,0	40,0	75,0
	Ngày lưu trú trung bình	Ngày	1,3	1,5	1,7
	Tổng ngày khách lưu trú	Ngàn ngày	26,0	60,0	127,5
	Mức chi tiêu	USD	30	50	83
	Thu nhập	Triệu USD	0,78	3,0	10,6
<b>2</b>	Khách tham quan	Ngàn lượt	174,0	262,0	339,0
	Mức chi tiêu	Ngàn/ngày	12	18	30
	Thu nhập từ khách tham quan	USD	2,1	4,7	10,2
<b>3</b>	Tổng thu nhập	Triệu USD	2,88	7,7	20,8
<b>III</b>	Tổng thu nhập xã hội từ du lịch	Triệu USD	6,98	18,7	48,8

## **Danh sách một số doanh nghiệp trên địa bàn khu du lịch Tam Cốc – Bích Động**

### **1. Công ty cổ phần du lịch Tam Cốc – Bích Động**

Sdt : 0303. 618.58 – fax: 0303.618.035

Giám đốc: Chu Văn Báu

Ngành nghề kinh doanh: Ăn, nghỉ.

### **2. Khách sạn Đức Tuấn**

Sdt : 0303. 618. 024 – 0303.618.373

Giám đốc: Phạm Văn Tung

Ngành nghề kinh doanh: Ăn, nghỉ

### **3. Khách sạn Thế Long**

Sdt: 0303.618.077 – fax: 0303.618.133

Giám đốc: Thế Anh

Ngành nghề kinh doanh: Ăn, nghỉ.

### **4. Khách sạn Đức Thanh**

Sdt: 0303.618.333 – fax: 0303.618.333

Giám đốc: Hà Văn Thắng

Ngành nghề kinh doanh: Ăn, nghỉ..

### **5. Nhà hàng Hoa Nam**

Sdt: 0303.618.043 – fax: 0303.618.234

Chủ nhà hàng: Chu Văn Nam

Ngành nghề kinh doanh: Ăn uống.

### **6. Khách sạn Anh Dũng**

Sdt: 0303.618.057 – fax: 0303.618.037

Giám đốc: Chu Văn Dũng

Ngành nghề kinh doanh: Ăn, nghỉ

### **7. Nhà hàng Lãng Khanh**

Sdt: 0303.618.073

Chủ nhà hàng: Nguyễn Thị Khanh

Ngành nghề kinh doanh: Ăn uống.

**8. Nhà hàng Hà Trang**

Sdt: 0303.618.135

Chủ nhà hàng: Phạm Thị Hà Trang

Ngành nghề kinh doanh: Ăn uống.

**9. Nhà hàng Hoàng Đức**

Sdt: 0303.618.014

Chủ nhà hàng: Lê Đức Thịnh

Ngành nghề kinh doanh: Ăn uống.

**10. Khách sạn Valataco**

Sdt: 0303.618.252

Giám đốc: Chu Văn Quân

Ngành nghề kinh doanh: Ăn, nghỉ.

**11. Doanh nghiệp thêu ren Minh Trang**

Sdt: 0303.618.015

Giám đốc: Vũ Hồng Yến

Ngành nghề kinh doanh: Thêu ren.

**12. Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động**

Sdt: 0303.618.123

Giám đốc: Bùi Văn Hòa

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng và vận chuyển khách du lịch.

**13. Nhà hàng Trà My**

Sdt: 0303.618.441

Chủ nhà hàng: Nguyễn Văn Đàn

Ngành nghề kinh doanh: Ăn uống.

**14. Công ty TNHH Phúc Lộc**

Ngành nghề kinh doanh: Thêu ren.

**15. Công ty TNHH Mỹ Hương**

Ngành nghề kinh doanh: Thêu ren.

## **B. Văn bản pháp luật, các tour du lịch và cảm nhận của du khách:**

**Giới thiệu toàn bộ quyết định 2795/ QĐ - UB phê duyệt quy hoạch điều chỉnh bổ sung khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thời kỳ 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

số: 2795/QĐ - UBND

*Ninh Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2006*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thời kỳ 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020**

-----  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân ngày 26/11/2003
- Căn cứ nghị định số 08/2005/NĐ- CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng
- Xét hồ sơ Quy hoạch và đề nghị của Sở Xây dựng tại tờ trình số 562/TT – SXD ngày 04/12/2006.

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thời kỳ 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020, gồm những nội dung sau:

I. Quy mô, phạm vi điều chỉnh và bổ sung:

1. Tổng diện tích đất khu du lịch Tam Cốc – Bích Động sau khi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch là 350,3 ha, bao gồm:

+ 155 ha đất quy hoạch phê duyệt tại quyết định số 1713/QĐ - UB ngày 30 tháng 12 năm 1997 sau khi điều chuyển cho 45 ha dự án khu du lịch Tràng An.

+ Bổ sung 195,3 ha thuộc địa bàn xã Ninh Hải, Ninh Xuân huyện Hoa Lư, xã Sơn Hà huyện Nho Quan và xã Yên Sơn thuộc thị xã Tam điệp.

2. Điều chỉnh chức năng dịch vụ du lịch của một số điểm thuộc Khu hồ Trung tâm Đình Các, khu nghỉ dưỡng chùa Bích Động, với diện tích 18,3



ha.

II. Cơ cấu sử dụng đất.

**Bảng tổng điều chỉnh, bổ sung quy hoạch**

TT	Tên khu đất	Chức năng	Diện tích (ha)	Vị trí	Hạng mục xây dựng
1	2	3	4	5	6
<b>A điều chỉnh quy hoạch được duyệt năm 1997 từ 200 ha còn 155 ha</b>					
1	Điều chuyển 45 ha từ đập Bạc Bài – Suối Tiên - Đền Nội Lâm sang dự án khu du lịch Tràng An		45	Nằm ở phía Tây Nam trong qui hoạch khu du lịch Tràng An	
2	Điều chỉnh chức năng một số điểm		18,3		
2.1	Khu trung tâm bến thuyền Cây Đa		8,0		
-	Khu công viên cây xanh	Công viên cây xanh, khu dạo chơi	1,1	Giáp chân núi cửa Quèn và nhà hàng Tam Cốc của công ty CP Du Lịch Ninh Bình trên tuyến đường vào Đền Thái Vi	Chuyển đổi chức năng từ công viên cây xanh thành đất cây xanh và dịch vụ, nuôi bướm, vui chơi thể thao, giải trí...
-	Khu trồng sen, súng	Tạo cảnh quan	5,8	Giáp bến thuyền Cây Đa và khu dịch vụ của C.ty CP DL NB	Chuyển đổi từ đất trồng sen súng thành hồ và đảo
-	Khu bến thuyền và đón tiếp	Đón tiếp	1,0	Bến thuyền cây đa	Bến thuyền, nhà đón tiếp
-	Đất xây dựng cơ sở hạ tầng		0,1	Góc cơ sở dịch vụ	
2.2	Trung tâm bến thuyền Linh Cốc	Đón tiếp, dịch vụ tổng hợp	10,3	Từ đường vào thôn Hải Nham tới đường vào chùa Linh Cốc, qua đập Trần tới đường chính vào chùa Bích Động	-Hồ trung tâm, đảo vui chơi giải trí. -Bến xe, bến thuyền -Nhà điều hành

					-Nhà dịch vụ tổng hợp
<b>B diện tích và phân khu chức năng khu vực quy hoạch bổ sung (195,3 ha)</b>					
1	Thung Ao Mép, Toả Xi, gần Điện Thái vi	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp	20,0	Cách Đền Thái Vi 500m về phía Tây	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu đón tiếp</li> <li>- Các nhà nghỉ cao cấp</li> <li>- Khu vui chơi thể thao, giải trí</li> </ul>
2	Khu Hang Múa	- Dịch vụ du lịch	10,0	Thuộc địa phận thôn Khê Hạ, xã Ninh Xuân	Sân khấu. Bến thuyền cho khán giả, dịch vụ du lịch, trồng sen súng, cây xanh cảnh quan.
3	Khu trước cửa hang Chùa	Bãi đỗ xe	0,3	Nằm cửa phía Bắc Hang Chùa thuộc Thôn Hải Nham	Bãi xe ô tô
4	Thung Hang Chùa	Dịch vụ vui chơi giải trí	6,2	Toàn bộ Thung Giữa từ cửa hang Chùa đến Hang Ghé	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ăn, nhà nghỉ</li> <li>- Khu nghỉ dưỡng nâng cấp phục hồi sức khỏe</li> <li>- Bể bơi, hồ nước, máng trượt, trung tâm điều hành, quầy hàng lưu niệm.</li> </ul>
5	Thung Một	Dịch vụ lâm viên, leo núi, trang trại, nhà vườn.	37,9	Toàn bộ Thung Một từ cửa Hang Ghé tới eo Cổ Ngựa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang trại</li> <li>- Đào hồ nước</li> <li>- Nhà sàn</li> <li>- Khu nuôi trồng sen</li> </ul>
6	Thung Đụn	Du lịch tham quan hệ sinh thái ngập nước, leo núi mạo hiểm	7,9	Khu vực núi Gia Định nhỏ, Gia Định to, núi Đầu Cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nạo vét tuyến đường thủy.</li> <li>- Khu vui chơi leo núi mạo hiểm</li> </ul>
7	Thung Năng trong và Thung	Du lịch sinh thái kết hợp leo núi mạo hiểm	19,8	Từ quèn Thung Năng ngoài tới chân quèn Thung Năng trong	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bến thuyền</li> <li>- Nhà đón tiếp và cho thuê thiết bị leo</li> </ul>

	Năng ngoài				núi, lều bạt cắm trại. - Nhà nghỉ dân dã - Khu nhà ăn
8	Thung Nham, quèn Lau Lá	Tham quan vườn chim, Khu sinh thái rừng ngập nước	34	Toàn bộ Thung Nham từ eo Cỏ Ngựa đến Thung Kê	- Nhà đón tiếp - Khu nhà nghỉ dân dã - Nhà biểu diễn văn nghệ dân gian - Khu ăn uống đặc sản địa phương - Vườn cây ăn quả - Vườn chim ngập nước - Đường dạo trong rừng nguyên sinh
9	Khu bến thuyền nhà Lê, sông Bến Đàng	Đón tiếp, dịch vụ tổng hợp	4	Cuối đường Đồng Tâm, tiếp giáp với sông Bến Đàng	- Nhà đón tiếp - Các kiốt dịch vụ - Công viên cây xanh - Bến thuyền - Bãi xe
rrrr	Khu thôn Đồng Tâm	Bến xe	0,2	Khu vực tiếp giáp với thôn Đồng Tâm	- Bến xe
11	Khu Hang Bụt, núi Tướng	Khu sinh thái rừng ngập nước, tham quan hang động	55	Từ cửa hang Bụt dọc theo sông Bến Đàng tới mỏm núi Tướng nối với đường thôn Đồng Thanh	- đường dạo ven núi - Chòi nghỉ ngơi - - Bến thuyền
<b>Tổng diện tích sau khi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch là: <math>155 + 195,3 = 350,3</math> ha</b>					

**II. Quy hoạch bổ sung các tuyến du lịch chủ yếu:**

+ Tuyến du lịch tham quan Bến Cây Đa – Bến Thánh – Hang Cả - Hang Múa – Hang Hai – Hang Ba – Suối Tiên – Khu Du lịch Hang động Tràng An.

+ Tuyến du lịch Thạch Bích – Thung Nắng - Đền Vôi – Hang Thung Nắng - Đền Thung Nắng – Thung Nắng trong – Thung Nham – Rừng nguyên sinh – Hang Bụt – vườn chim – Hang Ghé – Hang Chùa.

#### **IV. Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật**

##### **1. Quy hoạch hệ thống giao thông**

###### 1.1. Giao thông bộ

\* *Tuyến giao thông đường bộ quy hoạch theo hiện trạng dự án đã được duyệt.*

- Tuyến giao thông từ quốc lộ 1A vào tới bến xe Đồng Gùng dài 2,6 km, Bn = 25m, Bm = 11m, làm mới cầu Ba Vương có bề rộng bằng mặt đường (25m).

- Tuyến giao thông từ bến xe Đồng Gùng vào chùa Bích Động dài 3 km, Bn = 9m, Bm = 6m.

- Tuyến giao thông từ Bến thuyền Cây Đa vào điện Thái Vi dài 1,6 km, Bn = 6m, Bm = 3,5 m, nâng cấp cầu Rồng, nối dài 8 cống cũ qua đường.

- Tuyến giao thông từ chùa Bích Động đi chùa Móc, Thung Hang Ghé có chiều dài 3,5 km, Bn = 5m, Bm = 3,5m xây dựng cầu Mới vào chùa Móc và 10 cống qua đường các loại

\* *Tuyến giao thông đường bộ quy hoạch mới*

- Tuyến giao thông từ đường 12B qua thôn Đồng Tâm, xã Sơn Hà, sông Bến Đàng dài 2,8 km, BN = 7m, Bm = 5,5m.

- Đường dạo ven chân núi Tượng L = 3km, Bn = 3,1m, Bm = 2,5m

- Đường dạo trong khu vực Thung Nham tới Thung Ke và Thung Lau Lá, Bn = 3,m, Bm = 2,5m.

- Đường dạo trong Thung Nắng, Thung Một có L = 3,7km, Bn = 3,1m, Bm = 2,5m.

- Đường leo núi từ Thung Nắng sang Eo Cỗ Ngựa dành cho hoạt động du lịch leo núi mạo hiểm L = 898m, Bn = 2,5m Bm = 3,1m.

- Đường đi bộ Chùa Móc L = 5,47 km, Bn = 3,5m, Bm = 5m.

- Đường bộ vào khu Hang Múa, điểm bắt đầu từ Km 0 đường xã Ninh Xuân (Tiếp giáp đường vào khu Hang Múa và đường liên xã) Tới điểm cuối là 792m, Bm = 3,5m, Bn = 5m.

###### 1.2. Giao thông đường thủy:

\* *Tuyến giao thông đường thủy quy hoạch theo hiện trạng dự án đã được duyệt:*

- Tuyến 1: Khôi phục tuyến đường sông, xây dựng bến thuyền mở rộng dòng chảy và nạo vét lòng sông từ chùa Linh Cốc qua Hang Chùa, Hang Ghé tới Hang Bụt có tổng chiều dài 4,8km, B đáy = 10m.

\* *Tuyến giao thông đường thủy quy hoạch mới:*

- Tuyến 1: Từ bến thuyền trung tâm Linh Cốc đi theo sông Vụng Hân tới đập Đồng Tô vào Thung Nắng dài 3,5 km, B đáy = 10m. Mở rộng dòng chảy và nạo vét lòng sông. Đào rộng khu đất bán ngập nước xung quanh chân 3 quả núi tại Thung Đụn (Gia Định Con, Gia Định To, Núi Đầu Cẩu) và tạo hồ cảnh quan trồng sen cảnh.
- Tuyến 2: Từ sông Bền Đang đến Hang Bụt dài 700m, B đáy = 10m. Mở rộng dòng chảy và nạo vét lòng sông. Xây dựng một cầu du lịch qua sông Bền Đang rộng 4m, dài 21,6m.
- Tuyến 3: Nối tuyến đường thủy từ cửa Hang Cả đến cửa Hang Múa dài 200m, B đáy = 10m.

## **2. Quy hoạch hệ thống cấp điện.**

Xây dựng mới hai trạm biến thế, một đặt tại khu vực bến thuyền Thạch Bích, một đặt tại khu đón tiếp bến thuyền Nhà Lê lối vào Hang Bụt.

Hai trạm biến thế này được cung cấp điện bởi đường dây 22KV, và các đường dây 10 KV cung cấp điện tới từng điểm du lịch trong phạm vi quy hoạch mở rộng đảm bảo cung cấp điện cho khu du lịch đến năm 2020 đồng thời tách riêng khỏi lưới điện phục vụ dân sinh và nông nghiệp. Không bị phụ thuộc vào nguồn điện của khu Tam Cốc – Bích Động.

Hệ thống đường dây hạ thế qua các khu vực có hoạt động khai thác du lịch đi ngầm để đảm bảo mỹ quan và an toàn( Chi tiết theo thuyết minh và bản vẽ trình duyệt).

## **3. Quy hoạch hệ thống cấp nước**

Tại mỗi khu chức năng độc lập sẽ có một trạm bơm và một trạm xử lý nước và một số các bể chứa nước. Quy trình xử lý nước sinh hoạt theo phương pháp hoá học sử dụng keo tụ bằng phèn, sau đó khử trùng bằng clo, làm mềm bằng vôi v v... (vị trí các trạm bơm và trạm xử lý nước theo thuyết minh và bản vẽ trình duyệt).

Mạng lưới phân phối nước sử dụng ống thép tráng kẽm, ống gang có đường kính 25 – 90 mm và chịu áp lực 6kg/cm<sup>2</sup>. Sau khi đi qua trạm xử lý nước sẽ sử dụng máy bơm cao áp đảm bảo áp lực đầu vòi tối thiểu từ 6- 10m, đưa nước đến đài nước có dung tích 10m để cấp nước khi không dùng bơm.

## **4. Quy hoạch hệ thống thoát nước.**

Nước thải của các công trình xây dựng, dịch vụ đón tiếp, bãi xe ở bên ngoài cần được thu gom và làm sạch bằng các bể tự hoại riêng biệt cho từng khu vực trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Nước thải của các công trình dịch vụ (ăn uống, tắm, giặt là, tẩy hấp...) tại các khu du lịch nằm sâu trong núi như: Thung Nham, Thung Nắng cần được thu gom làm sạch bằng các

công trình xử lý nước cục bộ bao gồm: Bể lắng cát, bể gạt mỡ, bể tự hoại, bể lọc sinh học (hoá khí hoặc yếm khí). Đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt được tiêu chuẩn quy định của Việt Nam trước khi xả ra môi trường tự nhiên hoặc ra sông.

Phương án thoát nước mưa triệt để tận dụng địa hình tự nhiên, khơi thông các dòng chảy tạo điều kiện để nước mưa thoát nhanh ra sông. Nghiên cứu giải pháp đào hồ trữ nước và tạo cảnh quan tại các khu vực như Thung Một, thung Hang Ghé, đồng thời lấy đất tôn nền xây dựng công trình.

### **5. Vệ sinh môi trường**

Thu gom và xử lý chất thải rắn được tiến hành như sau:

Đối với các khu nhà nghỉ phải có các thùng chứa rác cho các loại chất thải như vỏ hộp, chai lọ, đồ ăn thừa và được chở ra bằng thuyền tới khu thu gom rác thải ở bên ngoài phạm vi khu du lịch để mang đi xử lý phân loại.

Rác thải do lá cây rụng, sẽ được quét và thu gom để tận dụng tạo nguồn phân xanh cung cấp cho các khu đất trồng cây nông nghiệp, ngoài vùng du lịch.

Trong các khu tham quan sinh thái tự nhiên, hoang dã đặt các thùng rác, xây dựng nhà vệ sinh theo kiểu hai ngăn, thấm tự nhiên và có biển hướng dẫn cho khách.

**Điều 2.** Sở du lịch là chủ dự án, chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan, Thị xã Tam Điệp và các sở, ngành liên quan: Công bố công khai, rộng rãi, đầy đủ nội dung quy hoạch đã phê duyệt cơ các ngành, địa phương, đơn vị và nhân dân biết, tổ chức cắm mốc tại thực địa, đồng thời quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Du lịch. Thủ trưởng các ngành có liên quan. Chủ tịch UBND các huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan, chủ tịch UBND thị xã Tam Điệp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Chủ tịch, các PCT UBND Tỉnh
- Lưu VT, VP4, VP5

TM ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
BÙI THỊ THANH  
ĐÃ KÝ

**Một số tour du lịch từ Tam Cốc – Bích Động, cố đô Hoa Lư tới các điểm du lịch khác của tỉnh Ninh Bình.**

### **1. Tuyến du lịch Cố đô Hoa Lư – Núi Non Nước – Thành phố Ninh Bình**

**Ngày 1:** *Buổi sáng:* Đoàn khởi hành từ điểm xuất phát, khoảng 9h đoàn đến Cố đô Hoa Lư - Kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến trung ương tập quyền Việt Nam ( Thăm đền Vua Đinh, đền vua Lê, núi Mã Yên). Ăn trưa tại .

*Buổi chiều:* Đoàn đi thăm Chùa và Động Bích Động - Nơi được mệnh danh là “Nam thiên đệ nhị động” (động đẹp thứ nhì trời Nam) và xuống thuyền thăm Tam Cốc - Đền Thái Vi. Ăn tối và nghỉ tại Khách sạn Tam Cốc.

**Ngày 2:** *Buổi sáng:* Đoàn đi thăm Nhà thờ đá Phát Diệm. Ăn trưa, tại Thị trấn Phát Diệm.

*Buổi chiều:* Thăm chùa Non Nước, thăm Thành phố Ninh Bình. Ăn tối và nhận phòng nghỉ tại Thành phố Ninh Bình.

**Ngày 3:** *Buổi sáng:* Đoàn đi thăm Suối nước nóng Kênh Gà - Điểm du lịch nghỉ dưỡng lý tưởng cho du khách, thăm Động Vân Trình – Một kiệt tác của nước và đá qua hàng ngàn vạn năm để lại cho nhân loại một danh thắng du lịch đặc sắc. Ăn trưa tại Suối nước nóng Kênh Gà.

*Buổi chiều:* Sử dụng các dịch vụ tắm ngâm tại Suối nước nóng Kênh Gà (Nguồn nước khoáng mặn có tác dụng chữa được nhiều bệnh ).

Chia tay quý khách, kết thúc chuyến đi.

## **2. Tuyến du lịch Tam Cốc – Bích Động – Nhà thờ đá Phát Diệm – Chùa Bái Đính**

**Điểm xuất phát – Tam Cốc – Bích Động – Thung Nắng – Nhà thờ đá Phát Diệm – Chùa Bái Đính (02 ngày)**

**Ngày 1:** *Buổi sáng:* Khởi hành từ điểm xuất phát. 9h00 đoàn xuống thuyền thăm Tam Cốc - nơi được mệnh danh là “Vịnh Hạ Long cạn”. Ăn trưa tại Nhà hàng Tam Cốc.

*Buổi chiều:* Thăm Chùa và Động Bích Động để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của “Nam thiên đệ nhị động”. Sau đó thăm Thung Nắng – một quần thể di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đẹp, hoang sơ, hội tụ nhiều yếu tố tài nguyên du lịch như du lịch tâm linh, sinh thái, leo núi... (02 giờ đồng hồ). Quý khách nhận lễ bạt. Nghỉ, ăn tối tại Khách sạn Tam Cốc.

*Buổi tối:* Tổ chức đốt lửa trại, giao lưu văn nghệ, uống rượu cần, nướng thịt dê (nếu khách có yêu cầu).

**Ngày 2:** *Buổi sáng:* Đoàn đi thăm nhà thờ đá Phát Diệm. Đây là một kỳ quan bằng đá, một “Viên ngọc” quý, một kiến trúc đặc sắc duy nhất ở Việt Nam và cũng thật hiếm trên Thế giới. Ăn trưa tại Thị trấn Phát Diệm.

*Buổi chiều:* Thăm Chùa Bái Đính – là khu tâm linh lớn của Việt Nam và Đông Nam Á (Với những đại tượng Phật bằng đồng lớn nhất Việt Nam, có hành lang La Hán gồm 500 pho tượng La Hán bằng đá, và nơi đặt 2 quả chuông nặng 27 tấn và 36 tấn, là một trong những điểm du lịch mới hấp dẫn của Ninh Bình

Chia tay quý khách, kết thúc chuyến đi.

## **3. Tuyến du lịch Tam Cốc – Bích Động – Phòng tuyến Tam Điệp Biện Sơn**

**Điểm xuất phát – Tam Cốc – Bích Động – Phòng tuyến Tam Điệp Biện Sơn (01 ngày).**

*Buổi sáng:* Khởi hành từ điểm xuất phát, khoảng 9h tới Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, đoàn xuống thuyền thăm Tam Cốc – Một thắng cảnh đẹp và độc đáo



được mệnh danh là “Vịnh Hạ Long cạn”. Đoàn đi bộ thăm Khu trung tâm và mua sắm hàng lưu niệm. Ăn trưa tại nhà hàng Tam Cốc.

*Buổi chiều:* Thăm Chùa và động Bích động – Chiêm ngưỡng vẻ đẹp của “Nam Thiên đệ nhị động”. Sau đó thăm Phòng tuyến Tam Điệp Biện Sơn – là một tuyến phòng ngự rất lợi hại có vị trí chiến lược trong quân sự như bức tường thành thiên nhiên án ngữ con đường thiên lý ra Bắc vào Nam, là nơi dừng chân của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ trước khi tiến ra giải phóng Thăng Long.

Chia tay quý khách, kết thúc chuyến đi

#### 4. Tuyến du lịch Tam Cốc – Núi Non Nước - Cúc Phương

**Điểm xuất phát – Tam Cốc – Bích Động – Làng nghề thêu ren – Làng nghề điêu khắc đá Ninh Vân – Núi Non Nước - Cúc Phương (03 ngày).**

**Ngày 1:** *Buổi sáng:* Khởi hành từ điểm xuất phát, đoàn đến khu du lịch Tam Cốc – Bích Động khoảng 9h, đoàn du thuyền ngắm cảnh Tam Cốc – Nơi được ví là “Vịnh Hạ Long cạn”, thăm đền Thái Vi – Nơi mà Vua Trần đã chọn để tu hành và là “Tổng hành dinh” của vương triều Trần cách đây 7 thế kỷ. ăn trưa tại Nhà hàng Tam Cốc.

*Buổi chiều:* Thăm làng nghề thêu ren. Đây là làng nghề nổi tiếng khắp cả nước về nghề thêu ren, Nhiều người cho rằng đây là “Vương quốc của thêu ren”. Sau đó quý khách nhận lều bạt và ăn cơm tối tại Nhà hàng Tam Cốc.

*Buổi tối:* Thưởng thức Tam Cốc về đêm, tổ chức đốt lửa trại, giao lưu văn nghệ, uống rượu cần, nướng thịt dê (nếu khách có yêu cầu). Nghỉ đêm tại Tam Cốc.

**Ngày 2:** *Buổi sáng:* Đoàn đi thăm Bích động – là một trong những danh thắng đẹp và nổi tiếng của Ninh Bình, nơi được mệnh danh là “Nam Thiên đệ nhị động”. Thăm Động Tiên – Xuyên Thủy Động - Đến đây, du khách phần nào như được trở về cội nguồn xa xăm, tâm linh hoà nhập với thiên nhiên để khám phá ra chính mình. Tiếp tục thăm làng nghề điêu khắc đá Ninh Vân. Ăn trưa tại nhà hàng Tam Cốc.

*Buổi chiều:* Đoàn thăm danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử Núi, chùa Non Nước. Sau đó đoàn đi thăm Vườn Quốc Gia Cúc Phương – Thăm Khu trung tâm du khách, đốt lửa trại, giao lưu văn nghệ và nghỉ đêm tại Khu trung tâm.

**Ngày 3:** *Buổi sáng:* Thăm Vườn thực vật, Trung tâm cứu hộ các loài thú linh trưởng, Động Ngườì xưa, cây trò ngàn năm. Ăn trưa tại Khu Tắm ngâm Cúc Phương.

*Buổi chiều:* Tắm ngâm và sử dụng các dịch vụ tại khu tắm ngâm.(Nguồn nước khoáng mặn có tác dụng chữa được nhiều bệnh).

Chia tay quý khách, kết thúc chuyến đi .

## **5. Tuyến du lịch Tam Cốc – Bích Động**

### **Điểm xuất phát – Tam Cốc – Bích Động (01 ngày)**

*Buổi sáng ;* Khởi hành từ điểm xuất phát. Đến Khu du lịch Tam Cốc – Bích động khoảng 9h, đoàn xuống thuyền thăm Tam Cốc – Một phong cảnh thiên nhiên kỳ diệu và độc đáo của non nước Ninh Bình để thưởng ngoạn vẻ đẹp của “Non xanh , Nước biếc, hang kỳ, đá lạ “ được mệnh danh là “ Vịnh Hạ Long cạn” của Việt nam.. Ăn trưa tại Nhà hàng Tam Cốc.

*Buổi chiều:* Đoàn đi thăm thắng cảnh chùa và động Bích Động để chiêm ngưỡng vẻ đẹp huyền bí của “Nam Thiên đệ nhị động” (Cảnh đẹp thứ nhì của trời Nam), nơi đây, núi, động, chùa bổ xung cho nhau ẩn hiện giữa những cây đại thụ tạo nên một bức tranh núi rừng hoành tráng, dát lên một phù điêu gồm 3 ngôi chùa cổ kính mái ngói rêu phong. và đến với Động Tiên, Xuyên Thủy Động quý khách sẽ được hoà mình trong cảnh sắc kỳ diệu của thạch nhũ đầy tráng lệ, chiêm ngưỡng sự kỳ diệu của tạo hoá.

Chia tay quý khách, kết thúc chuyến đi

## **Một số cảm nhận của du khách về khu du lịch Tam Cốc – Bích Động**

**Vượt một quãng đường dài hơn 200 km để đến với khu du lịch Tam Cốc - Bích động, gần 10 giờ đoàn của chúng tôi đã có mặt tại điểm bán vé của khu du lịch. Xe dừng lại ở cổng bán vé.... Sau khi đi một quãng đường dài dường như trong đoàn chúng tôi ai cũng có cảm giác mệt mỏi. Chú ng tôi lần lượt mang hành lí bước xuống xe. Trước mắt chúng tôi là một dải núi non trùng điệp, không khí nơi đây đã làm dịu bớt phần nào cảm giác mệt mỏi. Hơn thế nữa là sự đón tiếp nồng nhiệt của nhân viên nơi đây làm cho...**

Tôi xuống xe với một chiếc túi du lịch rất to. Tôi đang loay hoay để mang chiếc túi xuống trong trạng thái rất mệt mỏi thì bỗng có một giọng nói rất trầm âm của một nam nhân viên “ Bác để cháu xách giúp cho ạ” tôi thở phào và đáp lại “ừ, cháu giúp bác với”. Tôi đi theo người thanh niên đó vào một nhà chờ, trong khi chờ đoàn làm thủ tục. Không quên cảm ơn người thanh niên tốt bụng, tôi tìm cho mình một chỗ ngồi để nghỉ ngơi.

Những người trong đoàn của tôi cũng lần lượt xuống xe với sự giúp đỡ của các nhân viên chứ không riêng mình tôi. Bất chợt một cảm giác mệt mỏi tan biến thay vào đó là niềm vui, phấn khởi. Tôi đang ngồi thả lỏng người để thư giãn, chuẩn bị cho cuộc hành trình thì một cô gái, dáng người mảnh mai, mặc một chiếc áo dài màu hồng, có đeo thẻ nhân viên ở ngực tiến lại gần tôi và nhỏ nhẹ “ Bác có mệt lắm không, cháu mời bác vào trong nhà uống nước”, đáp lại thịnh tình của cô gái tôi cười và cảm ơn cô nhưng trong lòng tôi trào lên một niềm vui khó tả.

Tôi cũng đã đi du lịch nhiều nơi nhưng thật sự khi đến đây tôi không khỏi ngỡ ngàng trước sự nhiệt tình của nhân viên ở nơi đây. Tôi nghĩ chuyến đi này của tôi sẽ thực sự thú vị đây.

Sau khi làm xong các thủ tục, đoàn chúng tôi xuống bến thuyền để chuẩn bị đi thăm quan. Dưới sự hướng dẫn của nhân viên điều độ, chúng tôi 4 người một thuyền xuất phát. Thuyền lướt nhẹ đưa chúng tôi đi thăm các hang động. Cảnh

đẹp nơi đây đã làm cho chúng tôi thực sự xao xuyến. Thiên nhiên, non nước hoà quyện không hổ danh là một “Hạ Long cạn”.

Thiên nhiên đẹp là thế nếu không biết tôn tạo giữ gìn thì vẻ đẹp đó sẽ bị mai một đi, tôi nghĩ thế. Và tôi đã không thất vọng. Càng đi tôi càng thấy đẹp, vẻ đẹp thiên nhiên và vẻ đẹp của con người nơi đây. Từ bến thuyền tôi đã thấy một môi trường sạch sẽ, không khí trong lành. Xuống bến, mỗi thuyền đều có một thùng rác, trên sông không có rác rưởi, rong rêu.

Theo lời thuyết minh của cô gái hướng dẫn viên, thuyền đưa chúng tôi đi sâu vào bên trong và càng đi tôi càng cảm nhận thấy vẻ đẹp toát lên ở nơi đây. Suốt chặng đường đi chúng tôi luôn được sự quan tâm, tận tình của nhân viên ở nơi đây khiến chúng tôi quên hết mệt mỏi, cộng với cảnh đẹp thiên nhiên nơi đây đã đem lại cho chúng tôi một luồng sinh khí mới.

Kết thúc cuộc hành trình, đoàn chúng tôi ra về mà trong lòng xao xuyến lạ. Cảnh chia tay của chúng tôi với nhân viên ở khu du lịch khiến tôi liên tưởng đến như một cuộc chia tay của những người thân. Tôi bước lên xe và tự nhủ với lòng mình, tôi sẽ trở lại. Cảnh đẹp thiên nhiên và con người ở đây đã níu giữ bước chân tôi.

### **Mỗi lần đến thăm là một lần khám phá**

**Tôi đã đến Ninh Bình khá nhiều lần, riêng đến với khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thì đây là lần thứ 3. Lần đầu tiên là vào năm 1997, lúc đó Tam Cốc chưa “ nổi tiếng” lắm nên du khách đến tham quan còn ít.**

Tôi đã đến Ninh Bình khá nhiều lần, riêng đến với khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thì đây là lần thứ 3. Lần đầu tiên là vào năm 1997, lúc đó Tam Cốc chưa “ nổi tiếng” lắm nên du khách đến tham quan còn ít. 7 năm sau tôi có dịp trở lại tham quan nơi này, Tam Cốc đã tấp nập cảnh trên bến dưới thuyền xuất hiện nhiều khách “Tây”. Nhưng môi trường ở đây chưa sạch lắm. Người ta vẫn bắt gặp những túi nilon, rác thải vất bừa bãi trôi nổi trên dòng sông. Đâu đó vẫn còn những người lái đò chèo kéo khách mua hàng. Lần này đến Tam Cốc, tôi thấy những tồn tại đó đã giảm đi rất nhiều, người dân thân thiện với khách và nhân

viên ở nơi đây cũng rất nhiệt tình. Đi thuyền trên sông, gió thổi mát rượi, nghe tiếng mái chèo khua nhẹ, tâm hồn bay bổng, thư thái...Ninh Bình có thể tự hào rằng Tam Cốc thực sự là một “Hạ long trên cạn”. Với cá nhân tôi thì mỗi lần đến với Tam Cốc - Bích Động là một lần khám phá thiên nhiên và con người nơi đây.

(Tâm sự của ông Đoàn Chúc – Thị xã Bỉm Sơn Thanh Hoá) .

## MỤC LỤC

<b>Lời cảm ơn</b> .....	2
<b>Mở đầu</b> .....	3
1. Lý do chọn đề tài.....	3
2. Phạm vi, đối tượng của đề tài: .....	5
3. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài.....	5
4. Quan điểm, phương pháp nghiên cứu.....	6
5. Kết cấu đề tài: .....	8
<b>Chương 1 Cơ sở lí luận về du lịch cộng đồng</b> .....	9
1.1 Cộng đồng địa phương: .....	9
1.1.1 Cộng đồng.....	9
1.1.2 Cộng đồng địa phương: .....	9
1.2 Mối quan hệ giữa cộng đồng địa phương với hoạt động du lịch.....	10
1.3 Du lịch cộng đồng.....	12
1.3.1 Khái niệm.....	12
1.3.2 Đặc điểm và nguyên tắc của du lịch cộng đồng.....	13
1.3.2.1 Đặc điểm của du lịch cộng đồng.....	13
1.3.2.2 Các nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng.....	14
1.3.3 Các bên tham gia du lịch cộng đồng.....	15
1.3.4 Vai trò của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch .....	17
1.3.5 Những tác động của hoạt động du lịch cộng đồng .....	18
1.3.6 Các loại hình du lịch có nhiều sự tham gia của cộng đồng.....	20
1.3.6.1 Du lịch sinh thái .....	20
1.3.6.2 Du lịch văn hóa.....	23
1.3.6.3 Du lịch Homestay .....	24
1.3.6.4 Du lịch bền vững.....	26
1.4 Một số bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch cộng đồng.....	27
1.4.1 Vườn quốc gia Cúc Phương.....	27
1.4.2 Vườn quốc gia Xuân Thủy.....	28

1.4.3	Sapa.....	29
1.4.4	Nepal và khu vực Annapurna:.....	30
	Tiểu kết chương 1 .....	32
	Chương 2 Nguồn lực và thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng tại Tam Cốc - Bích Động và cố đô Hoa Lư.....	33
	2.1 Các nguồn lực phát triển du lịch ở Hoa Lư.....	33
	2.1.1 Vị trí địa lý và tài nguyên du lịch tự nhiên. ....	33
	2.1.1.1 Vị trí địa lý: .....	33
	2.1.1.2 Địa hình, địa chất: .....	33
	2.1.1.3 Khí hậu.....	36
	2.1.1.4 Thủy văn.....	36
	2.1.1.5 Sinh vật.....	37
	2.1.1.6 Các điểm phong cảnh tự nhiên.....	38
	2.1.2 Tài nguyên du lịch nhân văn và điều kiện kinh tế - xã hội: .....	44
	2.1.2.1 Tài nguyên du lịch nhân văn .....	44
	2.1.2.2 Điều kiện kinh tế - xã hội: .....	62
	2.2 Thực trạng khai thác và phát triển du lịch cộng đồng ở Hoa Lư .....	64
	2.2.1 Tổ chức quản lý Nhà nước về du lịch .....	64
	2.2.2 Vốn đầu tư cho du lịch: .....	66
	2.2.3 Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch: .....	68
	2.2.4 Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch:.....	70
	2.2.5 Lao động việc làm: .....	72
	2.2.6 Khách du lịch:.....	72
	2.2.7 Doanh thu.....	76
	2.2.8 Các tuyến du lịch .....	78
	2.3.2 Hình thức tham gia của người dân.....	79
	2.3.3 Thu nhập của người dân địa phương từ hoạt động du lịch.....	80
	2.3.4 Tính chất công việc của người dân địa phương trong hoạt động du lịch: ...	84

<i>2.3.6 Nhận xét chung về hoạt động du lịch tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư</i> .....	87
<b>Chương 3 Các giải pháp và kiến nghị phát triển du lịch cộng đồng tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động và cố đô Hoa Lư</b> .....	98
<i>3.1 Những tiền đề định hướng cho sự phát triển du lịch:</i> .....	98
3.1.1 Quan điểm và chính sách phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước .....	98
3.1.2 Xu hướng phát triển của du lịch Ninh Bình.....	99
3.1.3 Định hướng cụ thể. ....	99
<i>3.2 Giải pháp thực hiện</i> .....	107
3.2.1 Giải pháp về cơ chế chính sách:.....	107
<i>3.2.2 Giải pháp về sản phẩm du lịch:</i> .....	108
<i>3.2.3 Giải pháp về các hoạt động xúc tiến du lịch:</i> .....	111
<i>3.2.4 Giải pháp đối với cộng đồng địa phương:</i> .....	112
3.2.5 Giải pháp phát triển loại hình du lịch nông nghiệp. ....	116
<b>Kết luận</b> .....	120
<b>Danh mục tài liệu tham khảo</b> .....	122